

BÁCH KHOA

SỐ 64 — NGÀY 1.9.1959

Trong số này :

- HUỲNH-VĂN-LANG Văn đề phát-triển kinh-tế.
HOÀNG-MINH-TUYNH Chế-độ Công-xã nhân-
dân tại Trung-hoa Cộng-sản.
PHẠM-HOÀNG Thắc mắc.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ Luật phát-triển theo trôn ốc
của trẻ, áp dụng vào sự
dạy dỗ thiếu-niên.
NGUYỄN-THIẾU-NGUYÊN Tìm hiểu công cuộc
sáng tạo của Nghệ-sĩ.
NGUYỄN-VĂN-HÀU Trần-Văn-Thành, chiến
sĩ Cách-mạng Cần-vương.
CÔ-LIẾU Thanh-niên và mắc cảm
thời đại.
NGUYỄN-TIẾN-CHIẾU Tìm hiểu nguồn gốc
Quan-họ Bắc-ninh.
NGUYỄN-VĂN-XUÂN Đằm sách: Hoa-Đăng.
PHAN-NGÔ } Ý kiến về truyện ngắn
NGUYỄN-VỸ } Việt và ngoại quốc.
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA Tội đóng phim bên
Pháp.
LÃNG-NGÂM-KHÁCH Mộc-lan Từ (dịch).
HOÀNG-KHANH Bài thơ của những kẻ
không nhà.
MỘNG-TUYẾT Thất tiểu muội Đốt sách.
ĐOÀN-THÊM Tao-đàn mộng ký.
XUÂN-HIẾN Ảnh thơ nhà in (thơ).
HUY-TRÂM Chiều tình ly (thơ).
TRẦN-HÀ-TRUNG Tình Bắc Nam.
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG Chiều (thơ).
HUY-LỰC Rừng (thơ).
TRÚC-ANH Thầy trò tôi (nhật-ký
của một giáo-viên).

BÁCH KHOA

SỐ 64 — NGÀY 1.9.1959

Trong số này :

- HUỖNH-VĂN-LANG Văn đề phát-triển kinh-tế.
HOÀNG-MINH-TUỖNH Chế-độ Công-xã nhân-
dân tại Trung-hoa Cộng-sản.
PHẠM-HOÀNG Thắc mắc.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ Luật phát-triển theo trổn ốc
của trẻ, áp dụng vào sự
dạy dỗ thiếu-niên.
NGUYỄN-THIẾU-NGUYỄN Tìm hiểu công cuộc
sáng tạo của Nghệ-sĩ.
NGUYỄN-VĂN-HÀU Trần-Văn-Thành, chiến
sĩ Cách-mạng Cần-vương.
CÔ-LIẾU Thanh-niên và mắc cảm
thời đại.
NGUYỄN-TIẾN-CHIẾU Tìm hiểu nguồn gốc
Quan-họ Bắc-ninh.
NGUYỄN-VĂN-XUÂN Đằm sách: Hoa-Đăng.
PHAN-NGÔ } Ý kiến về truyện ngắn
NGUYỄN-VỸ } Việt và ngoại quốc.
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA Tỏi đóng phim bên
Pháp.
LÃNG-NGÂM-KHÁCH Mộc-lan Từ (dịch).
HOÀNG-KHANH Bài thơ của những kẻ
không nhà.
MỘNG-TUYẾT Thất tiểu muội Đốt sách.
ĐOÀN-THÊM Tao-đàn mộng ký.
XUÂN-HIẾN Ảnh thơ nhà in (thơ).
HUY-TRÂM Chiều tình lỵ (thơ).
TRẦN-HÀ-TRUNG Tình Bắc Nam.
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG Chiều (thơ).
HUY-LỰC Rừng (thơ).
TRÚC-ANH Thầy trò tôi (nhật-ký
của một giáo-viên).

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



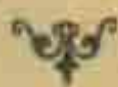
DU LỊCH NHA-TRANG... DU LỊCH NHA-TRANG...



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

XIN HIỂN QUÝ KHÁCH

- *Chuyến bay đặc - biệt cuối tuần đi NHA - TRANG.*
Khởi hành tại Sài Gòn mỗi trưa **Thứ Bảy 13g. 30**
Ở Nha-trang trở về sáng sớm **Thứ Hai 06g. 45**
- *An nghỉ tại khách-sạn Hôtel Frégate hay Hôtel Nautique.*
- *Có những cuộc du-ngoạn do VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG tại NHA-TRANG tổ-chức.*



XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*). Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire, après les "Caravelle", mise en ligne des quadrireacteurs Boeing 707 "Intercontinental"

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122, 130 RUE TU-DO SAIGON TEL. 20.981 à 84

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

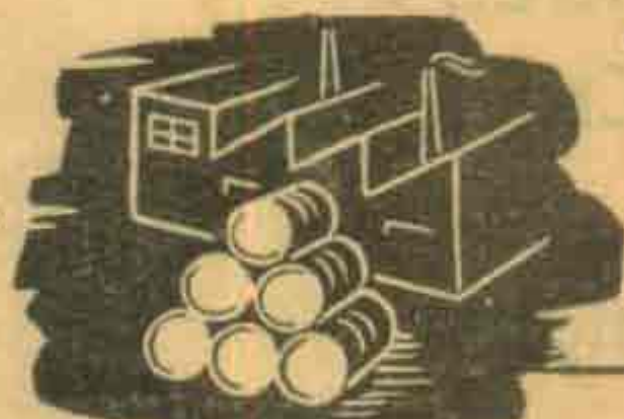
18. BEN BACH DANG — SAIGON



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra :



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



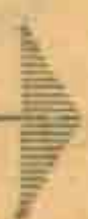
Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

NHÀ THUỐC

LÀ THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tin LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
- GLAXO (Anh-Quốc)
- LILLY (Huê-Kỳ)
- SQUIBB (Huê-Kỳ)
- PHILIPP ROXANE (Hỏa-Lan)
- SCHERING (Huê-Kỳ)
- AMBRINE (Pháp-Quốc)
- DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
- DON BAXTER (Huê-Kỳ)
- ỔNG CHÍCH
- và
- KIM CHÍCH

« IDEAL »
(Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban cầm trẻ em)
- ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ói mửa kiết lý, kiết dàm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lãi)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)
- CORTAL
(sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bào chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ
CÓ ĐỦ : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm



BÁCH - KHOA

Số 64 — Ngày 1 - 9 - 1959

	Trang
HUỖNH-VĂN-LANG	3
HOÀNG-MINH-TUYNH	9
PHẠM-HOÀNG	17
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	18
NGUYỄN-THIẾU-NGUYỄN	23
NGUYỄN-VĂN-HẦU	30
CÔ-LIÊU	36
NGUYỄN-TIẾN-CHIÊU	42
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	45
PHAN-NGÔ, NGUYỄN-VỸ	55
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	65
LĂNG-NGÂM-KHÁCH	69
HOÀNG-KHANH	73
MỘNG-TUYẾT Thát hiệu muội	74
ĐOÀN-THÊM	78
XUÂN-HIẾN	82
TRÚC-ANH	84
HUY-TRÂM	90
TRẦN-HÀ-TRUNG	93
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG	95
HUY-LỰC	97

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HUỶNH-VĂN-LANG : Vấn-đề phát-triển kinh-tế.
- HOÀNG-MINH-TUYNH : Viện-trợ kỹ-thuật phải chăng là một huyền-thuật của Tây-phương.
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Óc thâm-mỹ và cái đẹp.
- LÊ-LINH : Vấn-đề sử-dụng đất đai tại Việt-Nam.
- ĐOÀN-THÊM : Hai mươi bốn giờ của chúng ta.
- NGUYỄN-THIỆU-LÂU : Một chiến-công của đốc-binh Phạm-Hữu-Tâm.
- PHAN-VỌNG-HÚC : Ông Nguyễn-Quý-Tân.
- LÊ-NGỌC-TRỤ : Nỗi thắc-mắc của bạn đọc về bản Chính-phụ ngâm.
- BÌNH-NGUYỄN-LỘC : Tiều-thuyết, truyện ngắn, tân truyện.
- NGUYỄN-THIỆU-NGUYỄN : Tìm hiểu công-cuộc sáng-tạo của nghệ-sĩ.
- TRẦN-NGUYỄN ANH-CA : Lịch-sử cây đàn mã-đầu hồ-cầm của Mông-cổ.
- TRẦN-VĂN-KHÊ : Hát chèo.
- NGUYỄN : Trong đồng hoang (truyện dịch).
- VŨ-ANH-TUẤN : Thôn-dã (truyện dịch).
- VŨ-PHIẾN : Thác đồ sau nhà (truyện ngắn).
- VŨ-QUỲNH-BANG : Đêm Trung-Thu (truyện ngắn).
- VŨ-HẠNH : Người nữ tỳ (truyện ngắn).
- LÊ-VĂN : Cảm nghĩ (truyện ngắn).
- TẦN-VŨ : Đi trong đêm (truyện ngắn).
- TRIỀU-ĐẦU và PHẠM-CÔNG-THIỆN : Ý-kiến về truyện ngắn.

VẤN-ĐỀ PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ ⁽¹⁾

PHẦN THỨ NHẤT

Phát-triển kinh-tế là gì ?

HUỲNH-VĂN-LANG

1) Định-nghĩa và tiêu-chuẩn

XÉT về phương-diện phát-triển kinh-tế, có những chỉ-số liên-quan đến đời sống con người. Những chỉ-số ấy có khi có tính-cách tiên-tệ như lợi-tức đồ đồng, mức tiêu-thụ, lực-lượng sản-xuất... Có khi không có tính-cách tiên-tệ như mực sức khoẻ, học thức, sống lâu... Nếu những chỉ-số ấy liên-tục tiến lên là bằng chứng có một sự mở mang đã được thành tựu. Bởi vậy, muốn phân biệt nước kém mở mang với nước đã mở mang rồi chúng ta chỉ cần khảo-sát các chỉ số đó. Nhưng có nhiều chỉ số khác nhau, cho nên khó mà dùng mọi chỉ-số để làm tiêu-chuẩn nghiên-cứu sự phát-triển kinh-tế, thành ra có người thường dùng một chỉ-số chánh có thể đại-diện ít nhiều cho các chỉ-số khác, đó là « lợi-tức hiện-thực đồ đồng của mỗi người ». Nếu thực ra lợi-tức đồ đồng có thể đại-diện được các chỉ-số khác để đo lường sự thanh-nhàn vật-chất được, thì sự khuếch-trương kinh-tế có nghĩa là gia-tăng lợi-tức đồ đồng ấy. Hay nói một cách khác là cái gì

cần phát-triển ở các nước kém mở-mang chẳng qua là những khả-năng để gia-tăng lợi-tức hiện-thực của họ lên. Cho nên mở mang có nghĩa là khai-thác các khả-năng ấy. Ở các nước kém mở-mang, tiềm-thế lợi-tức hiện-thực của đất-đai, của dân-tộc, của tất cả tư-bản, dụng-cụ trang-bị, của sự hiểu biết kỹ-thuật... hiện có hay có thể có được của họ, tất nhiên là phải trên các mức lợi-tức họ đang có bây giờ.

Sự khai-thác các tài-nguyên thiên-nhiên hay kỹ-nghệ hóa chắc chắn sẽ đem lợi-tức hiện-thực lên. Nhưng kém mở-mang không đồng nghĩa với sự không khai-thác tài-nguyên thiên-nhiên hay không kỹ-nghệ hóa. Vì mở mang có nghĩa là vận-dụng và thay đổi thế nào để khai-thác được các khả năng sanh ra lợi-tức hiện thực. Đối với nước này, sự thay đổi ấy là sự xử-dụng các tài-nguyên sản-xuất hiện có — như cần lao, đất đai... — một cách hiệu-nghiệm hơn.

(1) Thuyết-trình của Ô. Huỳnh-Văn-Lang, chủ-nhiệm tạp-chí Bách-Khoa, đọc tại Trại hè sinh-viên (Đà Lạt) ngày 11-8-1959).

VẤN-ĐỀ PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ

Đối với nước khác thì sự thay đổi ấy là làm sao cho khỏi thiếu khả-năng doanh-nghiệp, thiếu dụng-cụ hay thiếu những yếu-tố xã-hội văn-hóa thuận-tiện... Tựu-trung cho mọi nước thì sự mở mang hay phát-triển kinh-tế có nghĩa như là đầu tư làm sao để thay đổi được các yếu-tố nói trên và để gia-tăng được các tài-nguyên hầu thêm lợi-tức hiện-thực của mỗi người.

Chỉ một tài-nguyên hiện-hữu của một nước không có nghĩa bao nhiêu, vì quan-niệm ngoài khuôn-khò đầu-tư, khuôn-khò tổ-chức xã-hội, tài-nguyên hiện-hữu có tính cách mơ hồ, như khả-năng điện-lực sông Cửu - long cho Đông - dương, chất uranium cho Mọi Congo, hay than đá cho nước Đức vào năm 1000 vậy !

Bởi thế khi nói đến tài-nguyên phải hiểu là những tài-nguyên sản-xuất được, cho nên một dân-tộc càng giàu, dân càng hiểu biết thì tài-nguyên sản-xuất càng khai-thác được nhiều và có thể xem những tài-nguyên không nhân-bản lại thành một yếu-tố tùy thuộc ở những tài-nguyên nhân-bản. Như vậy, nghĩa là phải đồng-hóa sự phát-triển kinh-tế với những sự đầu-tư và những sự thay đổi làm cho lợi-tức đồ-dồng hiện-thực của mỗi người càng ngày càng lên cao đến gần cái mức tối-đa họ có thể có được. Cho nên, phát-triển nói ở đây là một thứ phát-triển liên-tục, chứ một sự bạo phát, bạo tàn, khi thăng khi trầm, khó mà gọi là phát-triển được. Bởi vậy, ta có thể định nghĩa sự phát-triển kinh-tế là *một quá trình theo đó lợi-tức quốc-gia liên-tục gia tăng trong một thời-gian dài*. Thành ra đôi khi lợi-tức đồ-dồng không gia-tăng, nhưng nếu dân-số vẫn tăng thêm đều đều, thì cũng vẫn gọi là có phát-triển kinh-tế,

vì lợi-tức quốc-gia phải gia-tăng thế nào mới giữ được mức lợi-tức đồ-dồng đó không thay đổi.

Nếu gọi là một quá-trình thì tất nhiên phát-triển phải hàm-súc sự tác-dộng một số lực-lượng, và những lực-lượng này thay đổi các yếu-tố kinh-tế. Các chi-tiết của quá-trình này thì có khi khác nhau theo không-gian và thời-gian, nhưng cũng có những đặc-tính căn-bản giống nhau. Và kết-quả chánh của quá-trình này là sự gia-tăng sản-xuất quốc-gia.

Nếu chúng ta chỉ xem cái gia-tăng sản-xuất quốc-gia là kết-quả của quá-trình phát-triển tức là ta có một quan-niệm tổng-quát của vấn-đề phát-triển kinh-tế. Nhưng nếu ta đi vào chi-tiết của cái quá-trình ấy, thì ta thấy có nhiều cái thay đổi đi trước hay theo sau sự gia-tăng sản-xuất, mà mỗi sự thay đổi đều có một đặc-tính riêng biệt. Các sự thay đổi ấy thường được sắp thành hai loại : các yếu-tố bên cung và các yếu-tố bên cầu các sản-phẩm (hàng-hóa và dịch-vụ). Bên cung thì có :

- 1) sự sưu-tầm các tài-nguyên mới
- 2) sự tích-lũy tư-bản
- 3) sự gia-tăng dân-số
- 4) sự hoàn-bị các khả-năng kỹ-thuật
- 5) sự áp-dụng các kỹ-thuật sản-xuất mới và tốt hơn
- 5) các sự thay đổi về cơ-cấu và tổ-chức xã-hội.

Bên cầu thì có :

- 1) dân-số và cơ-cấu tuổi tác dân-số
- 2) mức lợi-tức và sự phân-phối lợi-tức
- 3) các thị-hiệu
- 4) các sự sắp-xếp về cơ-cấu và tổ-chức xã-hội.

Tóm lại, nếu xét sự phát-triển kinh-tế một cách tổng-quát, thì sự thay đổi sản-xuất quốc-gia được xem là cứu-cánh của sự phát-triển kinh-tế; nhưng nếu xét sự phát-triển kinh-tế là một quá-trình lịch-sử, nghĩa là trong không-gian và thời-gian, thì phải xem sự biến-chuyển của những yếu-tố bên cung và bên cầu các sản-phẩm là những yếu-tố đi trước và đi sau sự gia-tăng sản-xuất quốc-gia. Vậy những danh-từ quan-trọng trong định-nghĩa phát-triển kinh-tế là: quá-trình, lợi-tức hiện-thực quốc-gia và dài hạn.

Chúng tôi xin trình bày thêm về ba danh-từ trên:

— *Quá-trình.*— Nếu xét sự phát-triển kinh-tế là một quá-trình lịch-sử thì liệt kê và phân-loại các phát-triển này, các phát-triển kia, hay xem từng cục-bộ riêng biệt không đủ, mà phải xem những liên-quan giữa hiệu-quả và căn-nguyên của các sự phát-triển ấy. Chỉ dựa theo những liên-quan ấy mới biết được những hiệu quả của sự thay đổi này hay thay đổi khác. Và hiểu được tại sao thay đổi cái này thì lợi-tức sẽ thay đổi ra thế kia, tức là chúng ta đã đi đến bề sâu và tìm hiểu được cái quá-trình làm cho lợi-tức gia-tăng.

— *Lợi-tức hiện-thực.*— Chúng ta không nên lầm với lợi-tức tiền-tệ xuông, lợi-tức hiện-thực tức là lợi-tức tiền-tệ được sửa chữa lại bằng một chỉ-số giá cả hàng-hóa tiêu-thụ và hàng-hóa sản-xuất. Nhưng lợi-tức quốc-gia là một phương-diện của sản-xuất quốc-gia, mà sản-xuất quốc-gia có hai loại: sản-xuất ngang (produit brut) và sản-xuất ròng (produit net). Hàng năm ta phải tiêu-hao

một phần tài-sản, cho nên sản-xuất ròng là sự đo-lường đúng hơn.

— *Dài hạn:* như trên đã nói, xét về mặt phát-triển, thì sự gia-tăng sản-xuất quốc-gia phải là một sự gia-tăng chi trì, dài hạn. Những cuộc thăng-trầm, chu-kỳ kinh-tế không thể coi như là có tánh-cách phát-triển kinh-tế. Mà nếu các chu-kỳ được kể là chín, mười năm thì thiết nghĩ một trào-lưu phát-triển phải dài ít ra là hai ba chục năm. Nếu trong khoảng thời-gian hai ba chục năm có hai, ba chu-kỳ thăng-trầm, thì nếu cái hướng tổng-quát chung là đi lên thì tức là có sự phát-triển kinh-tế, lẽ tất-nhiên là sau khi sửa chữa sự thay đổi về giá-cả tiền-tệ.

Có nhiều người lại cho rằng sự phát-triển kinh-tế còn có nghĩa gì khác hơn là sự gia-tăng sản-xuất quốc-gia. Theo họ, sự phát-triển kinh-tế còn có nghĩa là sự gia-tăng mức sống của người dân, cho nên phải lấy mức lợi-tức đồ-đồng (percapita) để làm tiêu-chuẩn đo lường sự phát-triển kinh-tế. Nhưng, như trên đã có nói, có trường-hợp lợi-tức quốc-gia gia-tăng mà mức sống hay lợi-tức đồ-đồng không gia-tăng, vì dân số gia-tăng quá nhanh.

Ở đây không có vấn-đề là sự phát-triển kinh-tế phải nhằm mục-tiêu lợi-tức quốc-gia hay lợi-tức đồ-đồng, vì lợi-tức đồ-đồng, chỉ là lợi-tức quốc-gia, chia cho dân-số. Nhưng ta nên chú-trọng đến lợi-tức quốc-gia hơn vì những lẽ này:

— Chính sự gia-tăng lợi-tức quốc-gia sẽ định-đoạt được sự gia-tăng lợi-tức đồ-đồng. Hơn nữa có những trường-hợp mà mức gia-tăng dân-số mau hơn sự gia-tăng lợi-tức quốc-gia đến nỗi làm cho lợi-tức

VẤN-ĐỀ PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ

đồng đi xuống, nhưng không thể vì vậy mà bảo rằng trong trường - hợp đó lại không có phát-triển kinh-tế.

— Nếu nói đến vấn-đề mức sống người dân, thì sự phát-triển kinh-tế ở các nước hậu-tiến mà mức gia - tăng dân-số thật nhanh, lại phải nhằm một mức gia-tăng lợi-tức quốc-gia càng nhanh hơn nữa. Trái lại ở các nước đã giàu rồi thì sự phát-triển kinh-tế lại nhằm mục-tiêu duy-trì mức lợi-tức quốc-gia để tránh lạm-phát hay giảm-phát có nguy hại. Cho nên lợi-tức quốc-gia vẫn là tiêu-chuẩn thuận-tiện nhất cho sự phát-triển kinh-tế ở các nước hậu-tiến nghèo nàn cũng như ở các nước đã giàu rồi, chứ không riêng gì cho các nước nghèo hay các nước giàu.

— Nếu lấy lợi-tức đồng-đồng thì vấn-đề dân số xem chừng bị bỏ qua. Trái lại nếu lấy lợi-tức quốc-gia để đo lường sự phát-triển kinh-tế, rồi từ đó đi đến lợi-tức đồng-đồng hay mức sống của người dân thì tất nhiên sẽ lưu-ý được vấn-đề dân-số.

Ở trên đây đã phân biệt sự phát-triển kinh-tế với sự tiến-bộ kinh-tế hay là tiến-bộ về đời sống của con người. Nhưng nếu nói đến đời sống của con người thì một vấn-đề khác chen vào nữa là có khi lợi-tức quốc-gia gia-tăng, lợi-tức đồng-đồng gia-tăng, mà trong thực-tế người giàu thêm giàu, còn người nghèo vẫn thêm nghèo. Nhưng khi nói đến hạnh-phúc hay đời sống con người thì lại vấp phải vấn-đề phong-hóa, giá-trị v. v... càng phức-tạp hơn và khó mà so-sánh được.

Hơn nữa đừng lẫn lộn sự phát-triển kinh-tế với sự giàu có, vì thành-phần của sản-xuất cũng quan-hệ. Sự phát-triển

kinh-tế có thể gây ra một sự phung-phí tài-nguyên thiên-nhiên đến cùng tận, hay chỉ có nghĩa là tích-lũy toàn những dụng-cụ chiến-tranh hay toàn những dụng-cụ trang-bị tư-bản, thay vì hàng-hóa để tiêu-thụ. Cho nên sự phát-triển kinh-tế khó mà liên-đới chặt-chẽ với hạnh-phúc hay sung-sướng của con người. Hơn nữa nhiều khi chính thị-hiểu con người dài hạn sẽ thay đổi.

Nếu phải xét về mặt hạnh-phúc của con người thì cần phải xét không những là sản-xuất cái gì, mà còn phải xét sản-xuất thế nào, làm sao. Vì nhiều khi sản-xuất gia-tăng mà điều-kiện làm việc lại nặng nề hơn, thời-giờ nghỉ ngơi lại phải giảm đi một cách quá đáng.

Cho nên nếu xét về phương-diện phân-phối lợi-tức quốc-gia, các thành-phần sản-xuất, sự thay đổi về thị-hiểu, tính-cách, điều-kiện cần-lao v.v... thì sẽ thấy ngay sự phát-triển kinh-tế khác xa với hạnh-phúc vật-chất hay đời sống của con người.



II) Tình-trạng kém mở mang -

Khi nói đến sự phát-triển kinh-tế thì thường thường người ta nghĩ đến các nước kém mở mang hơn. Nhưng không phải vì thế mà ở các nước giàu có, đã mở mang rồi lại không có vấn-đề phát-triển kinh-tế. Đối với các nước kém mở mang thì phát-triển kinh-tế là vấn-đề làm sao phát-triển cho nhanh, đi mau theo kịp các nước đi trước. Trái lại, đối với các nước mở mang rồi thì vấn-đề phát-triển kinh-tế là làm sao duy-trì cho được sự phát-triển hiện có. Nếu đối với nước Mỹ, Anh hay Pháp thì vấn-đề phát-triển kinh-

tế của họ là làm sao cho lợi-tức quốc-gia hằng năm tiếp-tục gia-tăng 2, 3 % thì đối với Việt-Nam ta và các nước hậu-tiến, hiện có một lợi-tức quốc-gia tương-đối kém hơn các nước trên cả mười, hai chục lần, thì phải làm sao cho lợi-tức quốc-gia gia-tăng 5, 6 % mỗi năm để trong mười năm hai chục năm nữa hay quá lắm là nửa thế-kỷ, lợi-tức quốc-gia của các nước sau này theo kịp các nước trên. Theo kịp ? Thật là một cái khó khăn gần như không thể nào làm được, vì hai lẽ chánh này :

1 — Các nước kém mở mang, trong hoàn-cảnh hiện tại của họ, làm sao mà lợi-tức quốc-gia tiến nhanh được 5, 6%, đang khi các nước tiên-tiến có thừa điều-kiện mà chỉ tiếp tục lên 2, 3% mỗi năm thôi.

2 — Các người yếu đuối chạy sao cho kịp một người đã chạy trước họ hằng chục cây số mà sức lực hai bên lại khác nhau. Người chạy trước đã bỏ xa mà lại khoẻ mạnh, lực-lượng hơn, và vẫn chạy chớ không đứng lại chờ người sau, thì thử hỏi bao giờ họ sẽ gặp nhau được. Khi còn ở trường, chúng ta hay gặp những bài toán tương-tự như sau : một chiếc xe A chạy 30km. một giờ, chạy trước 2 giờ, một chiếc xe B chạy sau 2 giờ nhưng chạy 50km. một giờ. Hỏi mấy giờ gặp nhau, ở đâu ? Hay một cái vôi nước chảy 100 lít một phút, và một hồ nước dung-tích 10^3 , đang khi cái vôi khác tháo nước ở hồ đó ra ngoài 50 lít một phút, hỏi chừng mấy giờ hồ đó sẽ đầy nước ? v. v... Hai bài toán trên chúng ta tính được dễ dàng. Nhưng nếu tôi đặt bài toán lại như sau thì đỡ các bạn giải-quyết được : Chiếc Mercedes tốc-độ 100km. chạy trước 2 giờ, hỏi chừng nào

chiếc xe cyclo tốc-độ 20km. một giờ, đuổi kịp xe ô-tô trên... Bài toán thật là khó, vì không bao giờ chiếc cyclo đuổi kịp chiếc Mercedes được, trừ phi chiếc Mercedes bị chết máy nằm lại chờ cả đêm thôi.

Cho nên vấn-đề phát-triển kinh-tế cho các nước đi sau thật là một vấn-đề, hơn là cho các nước đi trước.

Không cần phải nghĩ đến chuyện theo kịp, chỉ một việc lo phát-triển không thôi đã là cả một vấn-đề phức-tạp lắm rồi, nhứt là khi xét đến tình-trạng hiện tại của các nước kém mở mang. Tình-trạng của các nước kém mở mang là tình-trạng mở mang kém cỏi về mọi phương-diện chứ không có gì lạ. Mà bởi vậy, kém mở mang là một quan-niệm hàm-súc bao nhiêu đặc-tính phức-tạp mà các nhà kinh-tế thường xếp làm 4 loại :

- 1.— Đặc-tính kinh-tế
- 2.— Dân-số và sức khỏe
- 3.— Đặc-tính kỹ-thuật
- 4.— Văn-hóa và chánh-trị

Tôi xin kể thêm ra đây để các bạn nhận định thế nào là kém mở mang hay lạc-hậu, hậu-tiến và từ đó hiểu thế nào là phát-triển kinh-tế, và tiện so sánh tình-trạng nước này với nước khác cho vui.

1) Đặc-tính kinh-tế :

a) *Tổng-quát* :

— Một tỷ lệ quá cao dân số sống về nghề nông, 70 đến 90%.

— Nhân-mãn (quá đông đúc ở lãnh-vực nông-nghiệp) nghĩa là nếu có di-dân thì cũng không bớt được sản-xuất nông-nghiệp chút nào.

— Khiếm dụng nhân-công một cách rõ rệt mà ngoài nông-nghiệp lại không mấy khi có việc làm.

VẤN-ĐỀ PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ

- Tư-bản đồ-dồng thật ít.
- Lợi-tức đồ-dồng thật kém, nên đời sống chỉ lẩn-quần ở cái mức khỏi chết đói (subsistence).
- Thiếu tiết-kiệm rõ rệt trong quần-chúng.
- Nếu có tiết-kiệm thì chỉ do các chủ-điền, mà tiết-kiệm đó lại không phải để đầu tư kỹ-nghệ hay thương-mại.
- Các kỹ-nghệ về nông-nghiệp lâm-sản và hầm mỏ đều là những kỹ-nghệ biên-tế thừa cặn.
- Nông - sản toàn là ngũ - cốc hay nguyên-liệu hơn là gia-súc.
- Phần lớn chi-tiêu về thực-phẩm và cần-thiết.
- Xuất-cảng thực-phẩm và nguyên-liệu.
- Khối lượng thương-mại đồ đồng kém thấp.
- Tiện-nghi tín-dụng và thị - trường gần như không có.
- Nhà cửa nghèo nàn.
- b) *Tính-chất căn-bản nông-nghiệp.*
- Kém tư-bản, nhưng xử-dụng tư-bản hiện có lại bất-hợp-lý vì ruộng đất chia xẻ quá nhỏ.
- Trình-độ kỹ-thuật nông-nghiệp kém cỏi, dụng-cụ thô-sơ và lạc-hậu.
- Tuy có đại-điền-chủ, nhưng ruộng nương tổ-chức thương-mại hóa lại kém cỏi, vì thị-trường không có, giao-thông thiếu-thốn.
- Các tiểu-điền-chủ, tá-điền không biết thay đổi mùa màng, triệt-đề khai-thác ruộng đến hồng di.
- Sánh với tài-sản và lợi-tức, người ta quen mắc nợ quá to.

— Phương-pháp sản-xuất quá lỗi thời và ít hiệu-nghiệm nên không mấy có dư để đem ra thị-trường.

— Người ta đua nhau giành giựt đất, vì các ruộng đất chia ra quá nhỏ, mà dân càng ngày càng nhiều.

2) *Độc-linh về dân số.*

— Tỷ lệ số sanh cao, thường trên 40%.

— Tỷ lệ số tử cao và đời sống ngắn.

— Thôn quê đông đúc.

— Ăn uống thiếu thốn, không đồng đều.

— Vệ-sinh, y-tế thô sơ.

3) *Kỹ-thuật.*

— Năng-xuất thấp.

— Thiếu tiện-nghi để huấn-luyện chuyên viên, kỹ-sư.

— Phương-tiện giao-thông, chuyên-chở không phù-hợp.

— Kỹ-thuật thô sơ.

4) *Văn-hóa và Chính-trị.*

— Giáo-dục thì sơ-sài và thường có nạn thất-học nặng.

— Xu-hướng bắt trẻ con làm việc.

— Không có giai-cấp trung-lưu hay có mà yếu thế.

— Địa-vị và địa-thể dân bà thấp kém.

— Bản-tính thích tập-hợp quần-chúng.

Tôi trình-bày trên đây những đặc-tính chánh của một nền kinh-tế lạc hậu hay kém mở mang để các bạn thấy rõ sự phát - triển kinh-tế phức tạp đến chừng nào và các chỗ yếu của một nền kinh-tế chạy sau kẻ khác là những gì.

HUỲNH-VĂN-LANG

KỶ SAU: Những yếu-tố định đoạt và những chủ-trương phát-triển kinh-tế — Vai trò của Chính-phủ.

Chế-độ công-xã nhân-dân tại Trung-hoa Cộng-sản

★ ————— HOÀNG-MINH-TUYNH

(Tiếp theo B. K. số 63)

« Sinh-hoạt của một người (dân Trung-Hoa) ngày nay là : hai vai, một miệng, một mền, một đồ dùng, một bụng để chứa, lao-dịch khi được lệnh lao-dịch, đi đâu khi có lệnh ra đi, hỏi còn có gì là giống với sinh-hoạt gia-đình hủ bại nữa ? »

(Nhân-Dân nhật báo 16-12-1958)

NHÂN-TỔ nào đã khiến Trung-hoa đại-lục thiết-lập chế-độ Công-xã ?

Cứ ngoại-quan mà xét thì nhân-tổ chính là Trung-hoa đại-lục cần phải kíp thời mở mang nền kinh-tế hiện còn ở mức quá thấp kém, và để đạt mục-tiêu ấy, Trung-hoa đại-lục tự thấy không thể làm cách gì khác hơn là tận dụng tài-nguyên duy-nhất mà họ có rất nhiều là nhân-công.

Muốn hiểu điều này, cần phải trở lại tình-hình thảm-hại hồi mùa đông năm 1957 (1). Kế-hoạch năm năm của Trung-hoa đang tiến tới, có chiều như sắp mang lại kết-quả khả-quan thì bỗng xảy thiếu nguyên-liệu than, thép, gỗ, xi-măng để tiếp-tục công-cuộc kiến-thiết. Nhiều xưởng máy tối-tân lớn xây cất làm nòng cốt cho

công-nghiệp, khởi công từ hai, ba năm trước vẫn chưa hoàn-thành ; trong số 211 đơn-vị công-nghiệp mà Liên-xô phụ-trách trang-bị, mới xong được có 28.

Như vậy thì muốn trừ-hoạch tài-nguyên mới, phải trông vào ở đâu ? Trông vào sản-xuất nông-nghiệp chăng ? Cổ-nhiên, song phải chờ đợi một thời-gian nữa, vì vụ mùa hạ-thu năm 1956 rất xấu, và mặt khác, cuộc tập sản-hóa ở nông-thôn, cho tới khi đó, không làm tăng năng-xuất ruộng đất lên được bao nhiêu. Và chẳng nông-nghiệp tại Trung-quốc không những phải dùng để nuôi sống một dân-số tăng lên rất mau (12 triệu người mỗi năm) mà còn phải dùng làm cơ-sở cho sự xuất-cảng (nguyên sản-phẩm nông-nghiệp chiếm tới 75% toàn số xuất-cảng) để trang trải các món nợ của Nga đã cung-cấp vật-liệu và để thiết-lập một số hiện-kim bằng ngoại-tệ.

(1) Xin coi Bách-Khoa số 34 « Báo-lở trên lục-địa Trung-hoa » !

CHẾ-ĐỘ CÔNG-XÃ NHÂN-DÂN TẠI TRUNG-HOA C.S.

Trong tình - trạng ấy, các nhà cầm-quyền Trung-quốc chỉ còn một phương thể là đình-chỉ mọi công-tác lớn chưa thể sinh-lợi ngay và cương-quyết xúc-tiến mau việc mở lại những xưởng máy tuy nhỏ nhưng sinh-lợi liền. Do đấy, các xưởng con con, đã bị đóng cửa vì quá lỗi thời, lại được phép tái-sinh và hoạt-động lại. Bất-luận cái gì có thể sản-xuất được mau là cần phải khai-thác triệt-đề. Khốn một điều là tài-nguyên trong nước bấy giờ lại thiếu thốn quá đến nỗi chính-phủ phải buộc lòng giảm số xuất-cảng : heo xuất-cảng năm 1957 giảm 85.000 tấn so với năm trước ; ngũ cốc giảm 540.000 tấn ; dầu ăn giảm 100.000 tấn ; bông gòn giảm 12.209 kiện. Máy móc và nguyên-liệu nhập-cảng giảm xuống tương-đương với số xuất-cảng trên.

Như vậy là cái mộng làm chúa-tề kỹ-nghệ nặng tan ra mây khói. Điều-kiện khí-tượng có thuận-lợi, thì mùa - màng mới khá, thuế má mới thâu được, số xuất-cảng mới tăng, nguyên-liệu mới quần tập được vào các xưởng kỹ-nghệ nhẹ, và nhờ đấy, lợi-tức quốc-gia mới dồi-dào, và chính-phủ mới có đủ tài-nguyên hướng-dẫn các nỗ-lực về kinh-tế theo ý-muốn của mình. Trái lại, khi điều-kiện khí-tượng không thuận-lợi, mọi sự tất nhiên lâm vào tình-trạng tê-liệt nặng nề, khó lòng làm cho chỗi dậy nổi.

Nếu không tìm cách phát-triển nông-nghiệp cho thật mạnh-mẽ và thật ráo riết để có thể trồng cấy vào một số sản-xuất tối thiểu đủ dùng, Trung-hoa Cộng-sản, lúc ấy, phải chọn một trong hai đường này : hoặc phải kiệt sức trong nỗ-lực kỹ-nghệ rất bấp-bênh, hoặc phải nhờ vào ngoại-viện. Trung-hoa Cộng-sản hiểu điều

đó, nên tháng mười năm 1957, quyết-định ban-hành *bước nhảy vọt* trong sản-xuất nông-nghiệp.

Song muốn thực-hiện *bước nhảy vọt* đó cần phải lo việc trị thủy, dẫn thủy nhập điền và trồng-trọt lại. Cày cấy, gặt hái vốn là những công việc phải dùng nhiều người. Chính-phủ liền ra lệnh động-viên toàn-thể nhân-lực hiện-hữu. Song nhân-công đã vậy, lại còn phải lo cho nhân-công đó có đủ đồ dùng, dù là những đồ dùng hết sức thô-sơ.

Như vậy, lại phải có sắt thép nữa. Song mức sản-xuất sắt thép bình thường, mặc dù có tiến-bộ, vẫn không đủ cung-ứng nhu-cầu kỹ-nghệ và nhu-cầu thiết-bị đường vận-tải, chỉ hai nhu-cầu đó đã nuốt trọn số sản-xuất rồi... Chính-phủ liền nghĩ đến việc phóng toàn-quốc vào công cuộc kiếm sắt : khắp nơi từ thành-thị tới thôn-quê nhân-dân phải thu nhặt các đồ dùng có thể nấu chảy để đúc hoặc phải khám phá ra những nơi có mỏ để khai, rồi cất những lò dã-kim nhỏ để chế thành vật-liệu cần thiết cho nông-nghiệp.

Thế là, Trung-quốc bỗng bị đặt trước nạn thiếu nhân-công một cách bất ngờ. Để đắp đê, đào sông, khai mỏ, dựng lò dã-kim, cũng như để gieo mạ gặt hái, Trung-quốc không có máy móc và hoàn toàn chỉ có thể trông cậy vào hoạt-động của cái cuốc, cái sừng. Do đấy, họ phải ban-hành những biện-pháp hà khắc cốt chôn chặt chân người vào đồng ruộng hoặc bắt buộc họ phải trở về đồng ruộng.

Về một vài phương-diện, kết quả thu lượm được vượt quá mức đã dự tính : 70.000 lò dã-kim thô-sơ sau một thời-gian, đem mức sản-xuất thép lên tới gấp đôi,

từ 5 triệu lên tới 10 triệu tấn. Cố nhiên vật liệu sản-xuất được không lấy gì làm tốt và tiện cho lắm vì máy móc kém và nguyên-liệu không được tinh-thuần. Tuy-nhiên trong lúc khan hiếm những thứ thiết-dụng, đạt tới đích đó, cũng là may mắn cho Trung-quốc lắm.

Tiến-bộ về nông-nghiệp cũng khả-quan. Tổng số ruộng đất được dẫn thủy tăng từ 30 lên 57 triệu hec-ta; gần 20 triệu hec-ta được trồng trọt lại. Phân bón sản-xuất được 30 triệu tấn, tăng lên tám lần, so với năm 1956. Thực-phẩm sản-xuất tăng từ 185 lên 375 tấn; bông gòn từ 1.640.000 tấn lên 3.350.000 tấn.

Trong bức tranh trên đó, không phải không có những bóng đen. Phần tư số sản-xuất thực-phẩm là khoai lang, một món rất ít thông-dụng và hầu hết người Trung-Hoa tỏ vẻ chán-ngán (vì ăn nhiều rất xót ruột) mặc dù báo-chí vẫn hàng ngày ca-tụng, cổ-võ cho được nhiều người dùng. Ngoài ra, sự sản-xuất nhiều cũng nêu ra những vấn-đề thật nan-giải: các kho chứa ở thành-thị, ở hợp-tác-xã và ở thôn-quê vốn không được trang-bị để chứa một số sản-xuất nhiều đến thế, nên thức chứa thường dâm ra mọc mầm, mốc meo hoặc mục nát, đến phải đổ đi (Đại-Quang báo, Bắc-kinh, 7 tháng Mười hai 1958); phương-tiện vận-chuyên thì thiếu thốn khiến khó bề phân-phối thực-phẩm được đúng theo nhu-cầu. Lại thêm chính-phủ vì quá lưu tâm đến một vài sản-phẩm mà lãng quên mất một số sản-xuất khác rất mực thiết yếu: như ngoài ba bốn thành-phố lớn có trồng một giải rau đậu xung quanh đủ cung-cấp cho dân-chúng dùng, kỳ dư toàn-thể đại-lực thiếu hẳn rau đậu; đó là điều ít ai ngờ tới, nhưng thật sự thì

rau đậu không được ghi vào mục-tiêu của các hợp tác-xã nông-nghiệp, nên các hợp tác-xã không chú-ý tới; trước đây, còn có ít nông-dân trồng trong các khoảng đất cá-nhân, nhưng đến nay không còn ai có thì giờ và có quyền trông nom đến nữa (Nhân-dân nhật-báo, 21 tháng Bảy 1958). Cũng vì lý do trên, chính-phủ chỉ thu được một số ít trứng, khiến mất số thực-phẩm xuất-cảng rất quý có thể đem vào rất nhiều ngoại-tệ.

Chính-phủ còn nhiều mối lo ngại khác. Thắng-lợi về nông-nghiệp năm 1958 là một thắng-lợi hiếm có, đặc biệt, không phải năm nào cũng thu hoạch được. Chính-phủ muốn năm chắc một năm thắng-lợi nữa, liền ra lệnh cho nhân-dân phải cấy sớm cấy dày, cấy sớm cấy dày có thể tăng năng-xuất, nhưng cũng có thể bị thất hại vì sương giá, vì gió mưa, như kinh-nghiệm đã nhiều lần chứng tỏ (Nhân-dân nhật-báo 10 tháng Bảy 1958). Nạn này đã xảy ra ở một vài miền (Quang-minh nhật-báo, Bắc-kinh, 30 tháng Mười hai 1958) nhưng đối với toàn-thê, sự thất bát đó coi như không đáng kể. Tuy nhiên, có điều cần phải rõ là mùa màng liệu có được như thế mãi chăng? Năng-xuất nông-nghiệp sẽ dĩ tăng, thật ra còn nhờ vì đã cấy sâu và phân bón nhiều. Nhưng cấy sâu cũng có thể là điều tai hại, cấy sâu mà không biết phân-biệt tùy ruộng thường làm kiệt màu đất rất mau. (Chỉ thị của bộ chính-trị tháng Tám 1958).

Sau hết chính-phủ còn một mối lo ngại khác nữa: đó là tại địa-phương, các tổ-chức còn bảo-thủ tinh-thần cá thể chủ-nghĩa rất sâu đậm; nhiều hợp-tác-xã đào ao hồ chứa nước để dẫn nước vào ruộng, thường chỉ biết có tổ-chức của mình mà

không biết quần-hợp với các tổ-chức khác để đến nỗi xảy ra nạn ngập lụt làm hư hại cả mùa màng. Hợp-tác-xã này có quặng mà không có than, hợp-tác-xã kia có than mà không có quặng, hai bên không biết « hợp-tác » với nhau, khiến cả hai cùng chịu bó tay, không làm nên được công việc gì... Tại nơi khác, có doanh-nghiệp đào được cái giếng có khá nhiều nước mà không cho doanh-nghiệp kế bên được hưởng, doanh-nghiệp này tức mình đào luôn một cái giếng khác khiến cho giếng của doanh-nghiệp trên bị cạn khô hết. Một nhóm sinh-viên Bắc-kinh trồng cây ăn trái trên thửa đất của một hợp-tác-xã, liền bị tổ-chức này nhổ hết đi, rồi trồng ngô đậu thế vào. Những việc đại loại như vậy tuy là nhỏ nhặt, nhưng cứ diễn đi diễn lại hàng trăm ngàn lần, cũng có thể làm cho tình hình trở nên nghiêm-trọng (Tập-chí Xây dựng mới, Bắc-kinh, tháng Mười — Mười một 1958).

Trung-hoa Cộng-sản thiết-lập chế-độ công-xã hình như cốt để khắc phục các khó khăn trên. Do đấy, thống-nhất chỉ huy trong công-xã là đặc điếm trọng yếu nhất. Xã-trưởng nắm được toàn quyền hành-dộng trên một khu vực khá rộng, có thể sung dụng, các đội lao-động vào những công-tác quan-trọng và cấp bách nhất, tùy theo hoàn-cảnh mỗi lúc một đòi thay. Dưới quyền xã-trưởng, các nhân-viên của ngân-hàng và thương-nghiệp, cũng như các giáo-viên và học-sinh, mỗi ngày phải tham-gia lao-động hàng mấy giờ. Các công việc như nấu ăn, may vá đều tập trung lại và giao cho một số ít người phụ-trách, nhờ đấy mà đòi thêm ra một nhân số quan-trọng được « giải-phóng » làm chiến-sĩ

trong mặt-trận nông-nghiệp. Chế-độ công-xã chính thật là phương-tiện chính-phủ dùng để trưng thu để dành những đội lao-động cần thiết cho công cuộc đại canh-tác mùa đông vậy (1).

★

Nhân số quan-trọng đòi ra mà chính-phủ cần dùng phần lớn gồm các lớp phụ-nữ. Mặc dù từ trước chính-phủ đã nỗ lực tuyên-truyền và thiết-lập các tổ đòi công, đa số phụ-nữ vẫn không chịu rời bỏ công việc gia-đình. Đến khi có tổ-chức công-xã, nguyên một làng ở vùng ngoại-ô Bắc-kinh, người ta đã « giải-phóng » được 75% phụ-nữ; trong số 64.000 gia-đình tại một quận ở Hồ-Bắc, 69.000 phụ-nữ bị đưa đi công-tác sản-xuất. Tới cuối năm 1957, tính ra đã huy động được 100 triệu phụ-nữ sung vào các công cuộc lao-động nông-nghiệp; hình như chính-phủ còn hy-vọng huy-động được chừng ấy nữa để sung vào các đội mới làm hậu bị quân.

Sinh-hoạt gia-đình như vậy là hoàn toàn bị xáo trộn. Trước kia trừ khi phải đi làm việc tại các công-trường, nông-dân thường chỉ bị gọi đi làm việc nội trong một chu-vi gần gần; họ có thể trở về dùng cơm và nghỉ ngơi ở nhà với vợ con; mặc dù có những buổi họp chiếm mất hầu hết thì giờ rảnh rang, họ vẫn còn dư chút ít thì giờ để trở về sum họp với gia-đình.

Đến nay thì đàn ông, đàn bà, con trẻ đều phải sung vào các đội lao-động, tản mát trên một diện-tích bao la, khó ai có thể trở về được « tổ ấm » khi mãn công việc; con trẻ chưa lao-động được thì đã có công-sở của xã trông nom và giáo-dục.

(1) Công-trình xây đập Hải-hồ, tại Hồ-bắc cần dùng một nhân số 3 triệu. Hai công-trình khác tại Sơn-đông cần dùng hàng mấy triệu nữa.

Phải chăng đó là chủ-dịch của chính-phủ muốn phá hủy sinh-hoạt gia-đình hay đó chỉ là kết-quả tất nhiên của một chế-độ thiết-lập vì nhu-cầu kinh-tế quá cấp-bách? Thật khó lòng mà xác-định được. Duy ai cũng biết chủ-nghĩa mác-xít vẫn chủ-trương phụ-nữ có bề gãy được xiềng-xích ràng buộc họ vào công việc gia-đình và tham-gia lao-động sản-xuất thì mới chiếm được tự-do và bình-đẳng với nam-giới.

Dù sao, trong những năm đầu của chế-độ Cộng-sản nhất là năm 1952, Đảng cũng đã hết sức tuyên-truyền và cò võ dân-chúng cải-tổ gia-đình, nghĩa là cởi bỏ các giây liên-lạc giữa phu-thê, phu-tử. Kết quả là không biết bao nhiêu vụ tự-sát, chém giết đã xảy ra, chứng tỏ dân-chúng công-phản đến cực-độ. Đảng đành phải ra lệnh đình chỉ vào năm 1953.

Cho dù bây giờ Đảng không cố tâm tìm cách phản-công lại chẳng nữa, Đảng vẫn tỏ ra hân-hoan được dịp bài-xích chế-độ gia-đình. Người ta thấy khi cơ-cấu mới được thành-lập. Họ vội vàng nhấn-mạnh rằng chế-độ mới với những cơ-cấu mới chính thật là những cơ-hội rất thuận-tiện để xóa bỏ những tàn tích cuối cùng của tinh-thần gia-đình tư-sản (Nhân-dân nhật-báo, 16 tháng Mười hai 1958).

Chế-độ quả đã dám động tới chỗ gọi là « *thâm căn cố đế* » trong tâm-hồn người Trung-hoa. Có lẽ họ cho đó là một thành-công vinh-dự. Báo-chí không ngần ngại tả tâm-tình hiện nay của người dân quê Trung-hoa như thế này : « Sinh-hoạt của một người ngày nay là : hai vai, một miệng,



trích News Week (số ngày 1 tháng 12, 1958)

một mền, một đồ dùng, một bụng để chứa, lao-dịch khi được lệnh lao-dịch, đi đâu khi có lệnh cho đi, hỏi còn gì là giống với sinh-hoạt gia-đình hủ bại nữa? (Nhân-dân nhật-báo 16 tháng Mười hai 1958)». Thế mà các báo-chí vẫn không ngớt lời thuyết-phục các độc-giã của họ rằng công-xã chẳng qua chỉ là một « *đại gia-đình* » đó thôi!



Có lẽ còn một lý do nữa, thâm sâu hơn, đã thúc đẩy người Trung-hoa thiết-lập chế-độ công-xã, mặc dầu các vị chúa tề của họ không chịu nói trắng ra. Một vài hành-vi tỏ rõ lập-trường và một vài câu nói bóng nói gió của họ có thể cho ta phần nào ứ đoán được.

Từ khi nắm được chính-quyền, người Cộng-sản Trung-hoa trong mọi công cuộc xây dựng đều phỏng theo kiểu mẫu của người Nga đem lại, không có một tác-động nào thi-hành ở trên đại-lục Trung-hoa mà không đã từng thi-hành tại Liên-xô từ trước, hoặc do Liên-xô trực tiếp khuyên

báo. Sách báo và kỹ-thuật Nga giữ ngôi bá chủ trong các trường ốc và học-viện ; giáo-sư, kỹ-sư, chuyên-viên đủ hạng, mượn của Liên-xô, đều được cầm đầu hết mọi ngành hoạt-dộng của Trung-quốc.

Trong cuộc tiến triển đúng theo đường lối đó, các biện-pháp hà khắc ban hành hồi tháng 12 năm 1957 trước còn được coi là phản-ứng đột phát để đối phó với một giai-đoạn khó khăn ; song từ đó về sau, Trung-hoa cứ lần lần bước đi ra ngoài đường lối mãi cho đến khi họ ăn mừng sự thắng-lợi của họ và qui kết sự thắng-lợi ấy là do sáng-kiến riêng của họ thì vị « huỳnh-trường » Liên-xô tỏ vẻ thân nhiên một cách rất khó chịu.

Hành-vi và thái-độ nghịch thường ấy làm ta phải suy nghĩ. Trung-quốc thế-kỷ XX vốn sẵn bất-bình, công-phản trước mọi hình-thức thống-trị của ngoại-bang. Từ khi Mao-trạch-Đông lên nắm chính-quyền họ vẫn thường trách móc họ Mao dành tâm để cho Nga xâm lấn lãnh-thò và cứ phải nhất nhất dập theo phương-pháp của người Nga trong hết mọi sự. Khi *Bách hoa* khởi sự đua nở, vào mùa Xuân năm 1956, một trong những chỉ-trích đầu tiên của phong-trào nhằm việc đả-kích những tục hư thói rởm, cổ bắt chước Liên-xô một cách mù quáng và bài-xích tất cả những gì có tính-chất thuần-túy Trung-Hoa. Khi cuộc khởi-nghĩa Hung-gia-lợi bùng nổ, Trung-Hoa Cộng-sản trước thì tuyên-bố cuộc khởi-nghĩa ấy là thích-dáng (Nhân-Dân nhật báo 1 tháng Mười một 1956) nhưng chỉ vài ngày sau thì tuyên-bố ngược lại, bày tỏ lòng trung thành bất-diệt đối với Liên-xô và cảm ơn nhân-dân xô-viết đã tới giải-phóng nước Hung lần thứ hai nữa.

Ngày 28 tháng chạp, chính-phủ xác-định chủ-trương của họ trong một tài-liệu, rồi phổ-biến cho toàn-thê đại-lục học tập. Theo tài-liệu này, thì mặc dù đã mắc những sai lầm nghiêm-trọng, Liên-xô vẫn phải được coi là lãnh-tụ trong phe xã-hội chủ-nghĩa và cũng không thể vì đây mà phỉ bô chế-độ xô-viết được ; trái lại, mỗi nước phải độc-lập phác-họa lấy cho mình con đường độc-sáng dẫn mình tới chủ-nghĩa cộng-sản ; đảng cộng-sản Trung-Hoa đã rút được kinh-nghiệm cụ-thể, và đã nếm mùi thất bại do bởi đã bắt chước nước Nga một cách nô-lệ trong khoảng 1931 - 1934, nhưng sau đó đã đi từ thành-công này đến thành-công khác là nhờ có Mao-Trạch-Đông biết nhắc Đảng ra khỏi cái vết bánh xe đó từ năm 1935.

Đang khi ấy thì Trung-hoa đại-lục vấp phải nạn kinh-tế khủng-hoảng. Kế-hoạch, tuy có mang lại nhiều kết-quả khả-quan, song không đáp ứng lại được mong chờ của mọi người và hiện đề Trung-hoa lâm vào một ngõ bí. Đó há chẳng phải là lỗi ở sự bắt chước người một cách nô-lệ đó sao ? Hơn thế, kế-hoạch do Liên-xô đã cam-kết thực-hiện và do chuyên-viên của Liên-xô phác-họa, trù-tính xây cất 211 đại đơn-vị công-nghiệp làm nòng cốt cho kế-hoạch, mà đến nay mới xây cất được có 28 thì kiệt-lực. Trách-nhiệm về tình-trạng đình-đốn này nếu không qui về Liên-xô thì còn qui về ai nữa ? Tai hại hơn nữa là đồng rúp (rouble) xô-viết, đáng lẽ Liên-xô nên mở đường cho nó trốn sang Trung-hoa một ít thì Liên-xô lại đem trút về Trung-Âu và Cận-Đông hết ráo, khiến Trung-hoa không còn trông hòng vay mượn gì được.

Thế là Trung-hoa chỉ còn biết tròng cây vào mình, tự-lực cánh sinh. Lòng căm phẫn của họ thể hiện bằng những lời chỉ-trích, chống lại cách dùng phương-pháp và đường lối của Nga, nó có thể trở thành vô-lý khi nhập-cảng bất-thần vào đất Trung-hoa. Các vị chúa-tể của Trung-hoa Cộng-sản, đã từng phen chứng tỏ họ không phải là những người thiếu thông-minh và tế-nhị, tất nhiên có thể tự hỏi vị « huynh-trưởng » Liên-xô liệu có thực-tâm muốn giúp đỡ họ tiến mau trên đường mở-mang công-nghiệp không? Hay đó chỉ là thủ-đoạn của vị « huynh-trưởng » dùng để kìm hãm bước tiến của họ lại? Họ cũng có thể mơ tưởng tới thắng-lợi xưa kia Mao-Trạch-Đông đã mang lại cho Trung-quốc bằng phương-lược căn-cứ vào nông-thôn, nông-nghiệp và vì vậy mà Mao đã bị coi là kẻ đi sai đường-lối của chủ-nghĩa Cộng-sản? Dù sao thì cùng sách có tính-chất nhất-thời của Trung-hoa Cộng-sản đó đến mùa thu năm 1959 đã trở thành một chính-sách quyết-dịnh.

Cũng như xưa kia, cuộc cải-tiến nông-nghiệp từ nay coi là mục-tiêu căn-bản, và hoàn-toàn nhờ vào kỹ-thuật cồ-sơ. Phương-tiện là động-viên toàn-thê dân-chúng, vận-dụng hết mọi nhân-lực có thể vận-dụng được. Lý-ưng chính-sách trên dẫn đưa tới chỗ thiết-lập chế-độ công-xã, chế-độ, nề thành-công, sẽ đem lại hy-vọng sáng-tạo một nền đại công-nghiệp hiện-đại, trong một kỳ-hạn quán-quân và gần hoàn-toàn độc-lập đối với Liên-xô.

Có điều đáng cho ta lưu-tâm hơn nữa, là trong các chỉ-trích nhân dịp « Bách-hoa »

đã đưa tới chỗ thanh-trùng các phần tử « hữu-khuynh » khoảng giữa năm 1957, chỉ có một chỉ-trích không bị trách-vấn và vẫn được tiếp-tục nở mọc trên môi các nhân-viên của chính-phủ, đó là chỉ-trích tinh-thần nô-lệ đối với Liên-xô.

Mặt khác, ai cũng biết hiện nay Trung-hoa Cộng-sản đóng một vai trò quan-trọng trong cuộc can-thiệp của Liên-xô tại Ai-cập: ở Hội-nghị Băng-dung (Bang-doung) (1955), nguyên thủ Nat-xe (Nasser) hình như đã có yêu cầu Chu-Ân-Lai vận-động để cho khối Xô-viết đứng về phe Ai-cập. Trung-hoa Cộng-sản không chỉ muốn giữ vai trò trung-gian, họ còn muốn tích-cực phát-triển mối bang giao với nhóm Á-phi: do vậy họ cho xuất-cảng sang Á-phi nào hóa-phẩm nào máy móc, lại gửi sang đó cả những chuyên-viên cùng hứa hẹn rầm rộ sẽ giúp đỡ cho cả về quân-sự và chính-trị nữa. Trong khi ấy Liên-xô vẫn một mực im lặng. Các vị lãnh-đạo của họ chỉ tuyên-bố hiện đang theo dõi thí-nghiệm của Trung-hoa và cho biết rằng kết-luận lúc này có lẽ quá sớm.

Tuy nhiên, nhiều người vẫn nghi rằng có thể Trung-hoa Cộng-sản đã tìm được phương thế tự-cường, dẫn đưa họ tới độc-lập thật sự một cách mau chóng và càng ngày họ càng trở nên « cứng cò » hơn đối với ông anh cả. Nhất là hiện giờ, uy-tín của họ đối với các nước Á-phi đang tăng; các nước này cho Trung-quốc là gương mẫu đáng cho họ trực tiếp noi theo hơn cả; do bởi không thấy rõ khuyết điểm và tính chất bấp-bênh của chế-độ, họ dễ bị những thành-công bề ngoài rất ngoạn mục của Trung-quốc huyễn hoặc.

Song, Trung-hoa Cộng-sản thật đã tìm được chìa khóa của sự thành-công chưa ? Dù người ta có cố tình không để ý tới số nhân mạng kinh khủng mà các nhà cầm-quyền Cộng-sản đã sử dụng trong công cuộc kiến-thiết, và dù công cuộc này có đem lại những tiến bộ không thể chối cãi trong phạm-vi kinh-tế, điều chắc chắn sẽ xảy ra là toàn-thể Trung-hoa đại-lục sẽ bị xáo trộn tự gốc rễ cả về phương-diện tinh-thần lẫn xã-hội. Họ bắt con người phụ thuộc tuyệt đối vào bộ máy nhà nước, tất nhiên họ sẽ gây nên một tình trạng căng thẳng ngột ngạt, bùng nổ lúc nào không hay. Chế-độ

trường là toàn thắng đến nơi, mà chỉ trong giây lát, có thể vỡ ra từng mảnh. Song viễn-tượng Trung-hoa tan vỡ hay viễn-tượng Trung-hoa toàn thắng, xét cho cùng, đều bất lợi cho Liên-xô, bởi nó sẽ làm cho ngôi sao của Liên-xô lu mờ.

Chắc các nhà lãnh-đạo Trung-hoa Cộng-sản cũng có thừa thông-minh để thấy những mối hiểm-nguy đang đón chờ họ và đe-dọa họ vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(Theo tài-liệu của Ch. Conturier, Tạp-chí Études tháng Năm, 1959)

Danh ngôn, danh lý

THIỆN-TÂM, HẢO-Ý

- ★ Nhân-dân mạnh gấp mười lần nhân số, khi họ được một người điều-khiển mà họ kính trọng và yêu mến ; với một người điều-khiển không biết làm cho họ kính trọng và yêu mến, thì sức mạnh của họ giảm đi, mười phần không còn được một. (Marmont)
- ★ Nhiều người yêu thì thành phúc ; nhiều người ghét thì thành họa. (Hoài-Nam-Tử)
- ★ Một lời nói ngọt có hiệu năng hơn một câu nói hay. (Gustave le Bon)
- ★ Càng được đưa lên địa-vị cao, càng cần phải có lòng tốt (Foch)
- ★ Sức mạnh không làm được phúc, trí khôn không tránh được vạ. (Kê-Khang)
- ★ Phần thưởng của một đại-úy không phải ở trong diêm phê của vị thiếu-tá mà ở trong khoé mắt của binh-sĩ dưới quyền. (Larrony)

thác mắc

HỌC-HÀNH

Ta theo đuổi một ngành học - thuật ; người cũng theo đuổi một ngành học thuật. Thế mà, kết quả ta thu lượm được sau nhiều năm trau-giồi, vẫn thường không được phong-phú bằng người, để ta có thể phát-triển một cách độc sáng trong ngành ta đã tốn công « tu-luyện » và góp phần mình vào đó, hầu trả món nợ đã vay của nền học-thuật mà toàn-thể nhân-loại chung sức dựng nên từ bao thế-hệ.

Ngành học-thuật nào cũng có một kỹ-thuật, một hệ-thống, một triết-lý giúp nó tiến tới từ gốc đến ngọn, khiến nó phát-triển không ngừng và trền-dương mãi mãi.

Do đây, điều cần-thiết và chính-yếu trong một ngành học-thuật không hẳn chỉ là tập cho người theo đuổi nó tinh-thông những chân-lý, những sự thật đã được biện-minh, dẫn-chứng. Điều cần-thiết và chính yếu còn là luyện cho người đó cách dùng luận-lý mà khám-phá ra những chân-lý mới, những sự-thật mới, để bồi-đắp và tô-điểm nền học-thuật chung của nhân-loại.

Vì nếu chỉ biết thi-hành, áp-dụng những cái hiện có, phải chăng ta chỉ mới biết đóng vai thừa-hành, phụ-tá, luôn luôn phải đi sau người và chứng-tỏ ta chỉ mới biết vay nợ của người, hay tiêu-thụ, nhập-cảng vật-phàm của người ? Phải chăng biết vận-dụng trí-não để tìm-tòi một cách có phương-pháp, có qui củ, để thấu-triệt cái lý, cái cùng của sự-vật luôn luôn biến-hóa, cốt đi đến sáng-tạo, phát-minh, ta mới có thể đóng vai chủ-động, độc-lập, tiến mau bằng người hay vượt qua người, và ta mới có cơ trả xong món nợ của người, hay sản-xuất và xuất-cảng vật-phàm cho người, theo cái nghĩa « có vay tất có trả » ?

Cách học hành của ta có nên quan-niệm lại chăng ?

LUẬT PHÁT-TRIỂN² theo trôn-óc của trẻ, áp-dụng vào sự dạy - dỗ thiếu - niên

* — NGUYỄN-HIẾN-LÊ

KHÌ ta có một chìa khóa và một ổ khóa không ăn với nhau thì ta làm cách nào ? Một là ta giũa chìa khóa cho hợp với ổ khóa, hai là ta đục lại ổ khóa cho hợp với chìa. Trẻ em hồi mới sanh và thế-giới ở chung quanh cũng không thích hợp với nhau. Suốt trong một thời-gian khoảng hai chục năm, cho tới tuổi trưởng-thành, trẻ phát-triển lần lần để thích-hợp với hoàn-cảnh, và trẻ cũng dùng hai cách : tự thay đổi để thích-ứng với hoàn-cảnh, cũng như ta giũa chìa khóa cho hợp với ổ khóa ; và biến đổi hoàn-cảnh, bắt nó hợp với mình, cũng như ta đục ổ khóa cho hợp với chìa. Cách thứ nhất gọi là *tự hóa*, cách thứ nhì gọi là *hóa tha*.

Trong thời kỳ phát-triển của trẻ, hai cách đó thay phiên nhau ; trẻ dùng cách thứ nhất trong một thời-gian, rồi cách thứ nhì trong một thời-gian nữa, rồi trở lại cách thứ nhất... Mỗi thời-gian đó là một giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất là *giai đoạn tự hóa*, dài khoảng hai năm, từ khi trẻ mới sanh

đến hồi trẻ hai tuổi. Trong giai-đoạn đó trẻ tập bú, tập ăn, tập cử-động, tập đi, tập nói, dùng ngũ quan để tìm hiểu thế-giới, chung quanh và chưa có ý-thức gì về bản-ngã. Nó chưa biết dùng những tiếng « tôi », « em », « con » để tự xưng với người khác. Ta hỏi nó : « Bé làm gì đó ? » Nó đáp : « Bé chơi » hay « Bé coi hình » chứ không đáp : « Con chơi », « Con coi hình. » Nói chung thì giai-đoạn đó là giai đoạn dễ thương ; ta bảo gì nó cũng nghe vì nó chỉ muốn làm vừa lòng ta, muốn thích-hợp với ta.

Giai-đoạn thứ nhì, từ ba đến sáu tuổi, là giai-đoạn *hóa tha*. Tính tình của trẻ đột nhiên thay đổi hẳn ngay từ khi nó đã có ý-thức về bản ngã, nghĩa là vào hồi hai năm rưỡi. Nó nhận thấy rằng nó cũng là một người như những người khác và rón bắt người khác phải nhận cá-nhân của nó phải chiều nó, phải thích hợp với nó. Nó, phản-ứng với thái-độ của người lớn.

Mọi dấu phản-ứng đó chỉ có tính-cách tiêu-cực. Bảo nó cái gì nó cũng lắc đầu, bướng-bỉnh một cách vô-lý. Nhất định

không là không. Nó chỉ muốn tỏ rằng nó tự lập, bắt người ta nhận quan-niệm của nó. Đồng thời nó phân biệt được cái gì của nó, cái gì của người khác, không dùng « bé » với người khác, mà xưng « tôi » hay « em », hay « con », cả « tao » nữa.

Rồi lần lần phản-ứng hóa ra tích-cực. Nó giận dữ, khoe khoang những vật sở-hữu hoặc tài-năng của nó, đòi người ta phải khen nó. Nó bắt chước người lớn, thấy ba đeo dây lưng cũng đòi đeo dây lưng, thấy má đi giày cao gót cũng đòi đi giày cao gót, như vậy đề tự so-sánh với người lớn và trong sự so-sánh đó nó tự mãn vô cùng: « Con cũng có dây lưng này ba », « giày của tôi cũng cao gót, chị vú thấy không ? ».

Qua giai-đoạn thứ ba, từ bảy đến mười hai tuổi, trẻ lại dùng cách *tự hóa*. Nó bình-tĩnh trở lại, hóa ra dễ thương, ngoan-ngoãn. Nó tự thích-ứng với hoàn-cảnh. Tuổi đó trẻ ở ban tiểu-học. Nó uốn mình theo kỷ-luật nhà trường và tuân những kỷ-luật chung trong đám bạn bè. Nó sợ bị thầy cô rầy mà cũng sợ bị chúng bạn tẩy chay. Nó muốn hòa mình trong đám đồng và thường vào hùa với bạn để chề giễu những đứa sống cách biệt, nhất là những đứa con nhà giàu được cha mẹ đưa đón bằng xe hơi, bạn toàn đồ tốt, tóc lúc nào cũng thơm mà tay lúc nào cũng sạch.

Tới giai-đoạn cuối cùng, từ tuổi dậy thì trở đi, bản ngã của trẻ lại phát lên dữ dội, và trẻ lại dùng cách *hóa tha*, đòi tự-lập, đòi cha mẹ phải trọng ý muốn của mình. Chúng ăn mặc theo sở thích, đi chơi đâu tùy ý, dùng thì giờ cách nào tùy ý, học hành theo phương-pháp nào tùy ý. Chúng rất ghét sự bó buộc, chỉ

mong được sớm giải-thoát. Tuổi đó là tuổi khó dạy nhất, làm cho cha mẹ buồn phiền, lo lắng nhiều nhất.



« Đó là xét tính cách chung của mỗi giai-đoạn. Nhưng trong mỗi giai-đoạn, sự phát-triển của trẻ không phải luôn luôn đều đều theo một hướng mà còn rất uyển-chuyển. Tôi lấy giai-đoạn thứ nhì — từ ba tới sáu tuổi — làm thí dụ. Tính cách chung của giai-đoạn đó, như ta đã thấy, là tính cách *hóa tha*: trẻ khó tính, muốn người khác phải theo ý muốn mình. Nhưng không phải trẻ khó tính luôn trong ba bốn năm đó đâu. Trung-bình thì nó khó tính trong sáu bảy tháng rồi lại dễ tính trong năm sáu tháng, thành thử giai-đoạn ba bốn năm đó có thể chia làm hai khoảng nhỏ: khoảng từ hai năm rưỡi đến bốn năm và khoảng từ bốn năm đến sáu năm.

Chẳng hạn, ta xét hồi trẻ được hai năm hay hai năm rưỡi. Theo ông Arnold Gesell, một nhà tâm-lý khảo sát thiếu-nhi, có danh tiếng ở Mỹ hiện thời, thì tuổi đó, trẻ có những tính chung dưới đây:

- tính tình bất thường,
- la khóc nhiều,
- hay giận dữ,
- bướng-bỉnh,
- bất chấp lời khen chê của ta,
- tham-lam muốn chiếm cho nhiều,
- hay khoe-khoang,
- hay hỏi « tại sao ? »

Nghĩa là sự khó tính của trẻ đạt tới một mức tối cao. Như vậy trong khoảng sáu tháng rồi tính tình của trẻ lại dịu xuống,

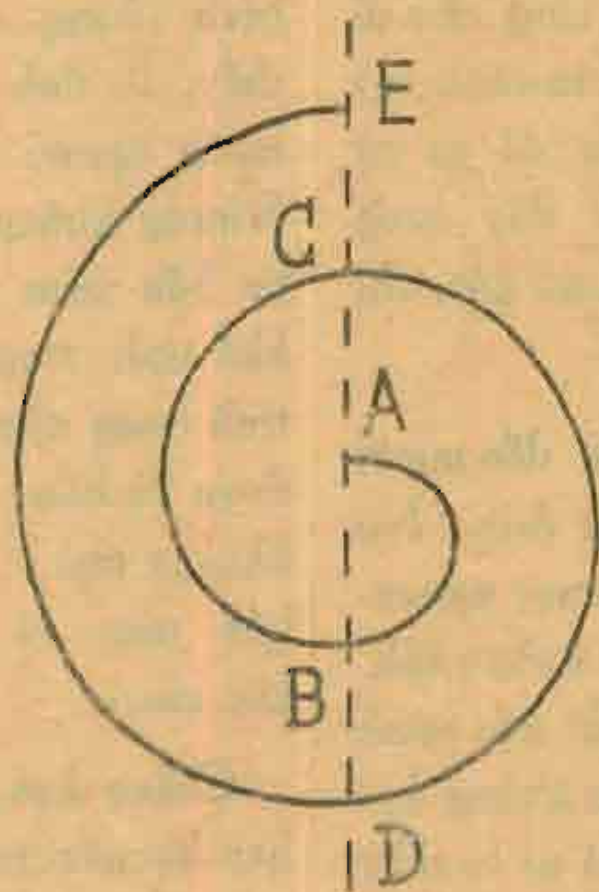
LUẬT PHÁT-TRIỂN THEO TRÒN ỐC CỦA TRẺ

đề đến hồi bốn năm, bao nhiêu tật ở hồi hai năm rưỡi xuất-hiện trở lại đầy đủ. Hồi năm năm trẻ lại ngoan-ngoãn, đề đến hồi sáu năm, lại hóa ra khó tính như hồi hai năm rưỡi và hồi bốn năm. Trong các giai đoạn khác (thứ nhất, thứ ba và thứ tư) ta cũng thấy sự uyển-chuyển như vậy.

Tóm lại, sự phát-triển của trẻ không theo một đường thẳng mà theo một đường tròn ốc như hình dưới đây :

Đã hiểu luật phát-triển tự nhiên đó, ta không còn ngạc nhiên và bực mình, giận dữ nữa mỗi khi trẻ tới tuổi « trở chứng ». Ta sẽ ôn tồn và bình tĩnh. Nhưng ta cũng không thể lấy lẽ rằng Hóa-công đã định như vậy mà đề mặc trẻ muốn làm gì thì làm. Như vậy là phóng-nhiệm chứ không phải là giáo-dục. Giáo-dục là dựa theo những luật thiên-nhiên đề hướng dẫn trẻ, giúp chúng hoàn-thiện sự phát-triển mà sau

Hóa tha
Trẻ bắt thế-giới chung quanh hòa-hợp với mình
(khó tính)



Tự hóa
Trẻ tự hòa-hợp với thế-giới chung-quanh
(dễ tính)

AB =	giai-đoạn thứ nhất từ	hồi mới sanh đến hồi	2	tuổi.
BC =	- - - nhì -	- 3	tuổi	- - 6 -
CD =	- - - ba -	- 7	- - - 12	-
DE =	- - - tư -	- 13	- - - 20	-

Tôi đã vẽ bốn nửa vòng tròn để chỉ bốn giai-đoạn chính, nhưng vẫn chưa hình-dung được thật đúng tính cách uyển-chuyển của sự phát-triển. Đáng lẽ trong mỗi nửa vòng, đường cong phải uốn đi uốn lại từ phải (tự hóa) qua trái (hóa tha), rồi từ trái qua phải, thì mới diễn được sự uyển-chuyển trong các giai-đoạn nhỏ.

này tự lập được. Vậy tới tuổi trở chứng, ta phải hiểu nhu-cầu của chúng mà khoan-hồng trong những việc nhỏ, nhưng vẫn phải nghiêm-nghị ngăn-cản chúng nếu chúng quá trớn.

Ta phải trọng bản ngã của chúng mà đồng-thời cũng phải cho chúng hiểu rằng chúng sống trong xã-hội chứ không phải là một ông Trời con ở trên chín tầng



mây, muốn làm mưa làm gió gì tùy ý. Nhưng sự ngăn cản của ta cũng phải tùy tuổi mà chằm chước ít nhiều.

Tôi lấy thí dụ về tuổi thiếu-niên. Ta đã biết giai-đoạn đó là giai-đoạn khó khăn nhất cho trẻ và cả cho ta, nên phải rất thận trọng trong sự dạy dỗ, nếu không trẻ có thể sinh oán ta và chán đời, mà hạnh-phúc trong gia-đình khó bảo-toàn được, tương-lai trẻ khó tốt đẹp được. Nhưng khi đã tìm hiểu những biến chuyển về sinh-lý và tâm-lý trong tuổi đó thì ta định ngay được một thái-độ sáng suốt để cư xử với chúng.

Trước hết ta phải tin cậy chúng, rán hiểu chúng. Tuổi đó khó hiểu được vì chúng lăm-lì ít nói, nhưng nếu ta nhớ rằng nhu-cầu quan-trọng nhất của thiếu-niên là nhu-cầu phát-triển bản ngã, bất người khác nhận cá-nhân của mình muốn thoát li dần dần những bó buộc của gia-đình để dự bị tự lập, nếu ta luôn luôn nhớ như vậy thì ta thấy tâm-lý của trẻ cũng không có gì rắc-rối cho lắm.

Nhớ cũng chưa đủ. Ta còn phải nhận rằng nó không còn là con nít mà đã sắp thành người lớn. Vậy phải để cho nó tập sống theo ý nó. Ta chỉ nên khuyên bảo chứ đừng ép buộc, mà cũng chỉ nên khuyên bảo trong những việc quan trọng thôi. Nhiều bà mẹ con đã 17, 18 tuổi mà cứ luôn luôn nhắc nhở nó: «Trời nắng, sao con không đội nón? Vô lấy nón đi!», hoặc: «Trời sắp mưa đấy, mang theo áo mưa đi», hoặc: «coi chừng xe đấy nhé», «không bận áo len vào, lại xò mũi bây giờ». Không gì làm cho chúng bực mình bằng cái thái-độ coi chúng như con nít hoài đó. Chúng có cần-nhẫn, cãi lại: «con biết rồi, má cứ để mặc con», cũng

là phải. Nhiều khi chúng còn làm ngược lại, đã chẳng bận thêm áo len mà còn phanh ngực ra để tỏ rằng chúng không còn là em bé.

Khi chúng không tuân lời ta hoặc cãi lại ta, ta đừng vội giận dữ vì giận dữ có thể làm cho chúng sợ chứ không làm cho chúng tin ở ta nữa; mà cũng đừng vội bi-quan, than thở rằng chúng hư-hỏng. Không, chúng không hư-hỏng đâu. Cái tuổi của chúng như vậy. Ta cứ bình tĩnh tự xét xem hành-động của ta có ngược với nhu-cầu tự-lập của chúng không, xem chúng có hoàn-toàn có lỗi không. Nếu chúng hoàn-toàn có lỗi — trường-hợp đó hiếm — thì ta cũng nên đợi lúc thuận-tiện mà lựa lời khuyên bảo, răn dạy, đừng quá chạm đến lòng tự-ái của chúng một cách vô ích.

Khi chúng đã 16, 17 tuổi, phải cho chúng thoát li lần lần, bỏ địa vị làm cha mà giữ địa vị một người anh cả hoặc một người bạn lớn tuổi để hướng dẫn chúng. Ta có thể bảo chúng: «con bây giờ đã gần khôn lớn, muốn lãnh lấy trách-nhiệm trong đời con. Ba má lấy làm mừng vì nhiệm-vụ của ba má sẽ bớt đi và ba má có thêm thì giờ săn sóc các em con. Con thông-minh, ngoan-ngoãn, có thiện-chí, chắc là không lăm lăm nhiều đâu. Nhưng ba má vẫn dắt dẫn con khi nào cần. Có điều gì thắc-mắc con cứ hỏi ý ba má; ba má sẽ đứng vào địa vị con mà giúp con cách giải quyết, vì bề gì ba má cũng từng trải hơn. Tuy nhiên, khuyên bảo thì khuyên bảo, chứ ba má vẫn muốn con tập quyết định lấy».

Ta lại cho chúng biện-luận với ta một cách thẳng-thắn khi chúng đã đủ trí khôn.

LUẬT PHÁT-TRIỂN THEO TRÒN ỐC CỦA TRẺ

Ông Pierre Chambre ở trường Đại-học Chambéry đã thí-nghiệm lối dạy đó và thấy thanh-niên tin-cậy ông hơn, hiểu biết ông hơn mà cũng vâng lời ông hơn.

Ta nhận thấy rằng thiếu-niên ít chịu vâng lời cha mẹ mà lại dễ chịu ảnh-hưởng của người ngoài. Sở dĩ vậy là vì đối với người ngoài chúng không có bần-phận phải vâng lời mà lòng thích tự-lập của chúng không bị ngăn cản. Vậy nếu chúng tìm được một người nào đứng đắn, lớn hơn chúng năm mười tuổi và mến phục, tin cậy người đó, thường hỏi han ý-kiến thì ta nên mừng cho chúng, chứ đừng ghen-tuông và đay-nghiến : « Cha mẹ này, này không coi ra gì cả. Mẹ chỉ nghe lời anh X hoặc chú Y của mẹ thôi. »

Sau cùng hai lời khuyên rất quan-trọng nữa.

— Đối với tuổi đó, ta không nên dùng giọng mỉa-mai. Mỉa-mai là tỏ ra yếu-ớt. Có điều gì trách bảo chúng thì cứ thẳng-thắn, bình-tĩnh mà nói.

— Cũng đừng soi bói đời tư của nó, mà kiểm-duyet gắt-gao thư-từ hoặc hỏi han cặn-kẽ mỗi khi nó đi chơi đâu về. Tất-nhiên ta phải trông chừng, nhưng một cách kín-đáo, vừa phải thôi. Ta không nên, như một người cha nọ, cấm con gái ngồi may gấu cửa sổ, sợ nó nhìn con trai qua đường. Nhất là về việc tâm-tình của trẻ, muốn khuyên răn thì phải lựa lời ; nếu vụng-về mà lại quá khắt-khe, thì chúng rất có thể thốt lời của ai-oán của André Gide đấy. (1) Tới nông-nổi đó thì không-khí trong gia-đình ngột quá, làm sao thở cho nổi ?

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(1) « Ôi gia-đình, ta ghét mi ! »

★ Người cao quý thật, là người lúc nào cũng có thái-độ ung-dung, mềm mỏng, thân-ái, bình-dân ; dễ cảm-kích, dễ chiều người ; kẻ tới gần không thấy nhàm, tẻ ; càng biết càng thấy đáng kính phục ; nhân-nhượng với người dưới mà vẫn thản-nhiên giữ được chân giá-trị.

Tới gần người ấy, ta thấy được dễ chịu mà vẫn phải giữ gìn... (La Bruyère)

★ Giản-dị quá, người hay nhìn ; nghiêm-trang quá, người không thân. (Thuyết-Uyển)

Đồ nam

Sách Trang-tử có lời ngụ ngôn rằng : con cá côn hóa ra con chim bãng, mỗi lần cất cánh có thể bay luôn chín trăm ngàn dặm, bắt đầu từ biển Bắc qua tới biển Nam. Ngụ ngôn « Đồ nam » (mưu toan qua biển Nam) ám chỉ chí vọng xa lớn của người trai anh dũng lúc nào cũng sắp tâm mưu toan những việc phi thường.

TÌM HIỂU CÔNG CUỘC SÁNG-TẠO CỦA NGHỆ-SĨ

★ NGUYỄN-THIỆU-NGUYỄN

Chúng ta đã từng rung động vì một bài thơ, say mê cùng một điệu nhạc hay bàng-khuâng suy-nghĩ trước một bức tranh. Đứng trước những công-trình nghệ-thuật ấy, chúng ta vừa muốn tìm hiểu, và càng cố tìm hiểu, ta càng yêu mến nghệ-thuật hơn.

Nhưng tìm hiểu bằng cách nào ?

Trước hết ta phải công-nhận rằng sự sáng tạo là một điều bí ẩn nhất của Tạo-hóa. Các dân-tộc cũng như các tôn-giáo đều nhận thấy tính cách thần thánh của sự sáng-tạo. Ta ngạc-nhiên lúc chứng kiến một hiện-tượng kỳ lạ : một đứa trẻ mới lọt lòng, một cành hoa chớm nở trên mặt đất. Nhưng ta sẽ ngạc-nhiên hơn nếu vật vừa xuất hiện đó không tan biến đi : nó không tàn-tạ như đóa hoa, không trở thành cát bụi như con người. Nó tồn tại với thời-gian, vĩnh-viễn cùng sông núi. Đó là những văn-nghệ-phẩm.

Hàng ngày ta đọc sách, ngắm tranh ảnh, thưởng-thức âm-nhạc. Ta có khuynh-hướng cho rằng sách, tranh, nhạc là những sản-phẩm thông-thường của loài người như gạo, vải, nhưng ta sẽ ngạc-nhiên lúc nhận thấy các tác-phẩm nghệ-thuật đó trở nên bất-diệt.



Nghệ-sĩ đã làm gì để tạo ra các tác-phẩm ấy ? Xét công việc của họ, ta thấy

gì ? Nhạc-sĩ lấy một ít tiếng trong âm-giai sắp đặt một cách tài tình để tạo nên một bản nhạc có thể làm rung động hàng ngàn hàng vạn người, thường rất khác nhau, sống xa nhau hàng mấy thế-kỷ hay mấy đại-dương. Với bảy màu căn bản, với sự tương-phản giữa ánh sáng và bóng tối, họa-sĩ vẽ nên một bức tranh có thể xúc động tâm-hồn ta. Thi-sĩ với vài trăm chữ, viết nên một bài thơ khả dĩ làm cho ta vui buồn hay phấn khởi. Văn-sĩ hay kịch-sĩ tạo ra những nhân-vật tưởng-tượng linh-dộng không kém người thực, có khi với một đời sống đầy đủ hơn, và tồn tại mãi với thời gian. Và để đạt mục-dịch ấy, Nghệ-sĩ cũng chỉ dùng những nguyên-liệu mà chúng ta đều dùng : ngôn-ngữ, màu sắc, âm-thanh.

Để tìm hiểu công việc sáng tạo, ta có thể khảo sát những biến cố đầu tiên đã khai-sinh cho tác-phẩm không ? Ta có thể chứng kiến sự sáng tạo không ? Ta có thể trả lời rằng không, vì công việc cấu tạo văn-nghệ phẩm hoàn toàn thuộc về nội

giới. Một màn bí mật bao trùm công cuộc sáng tạo ấy. Ta không thể khảo sát hiện tượng ấy cũng như ta không thể tìm hiểu sự tạo-thành của vũ trụ.

Đề tìm hiểu công cuộc sáng tạo, ta chỉ có thể đi ngược lại lịch-trình tiến triển của hiện-tượng sáng tạo, sau khi hiện-tượng ấy đã xảy ra. Ta không thể giải thích bí-quyết sáng tạo cũng như ta không thể giải-thích được những hiện-tượng về điện-học, về từ-học, mà chỉ có thể lập ra vài định luật chỉ phối sự phát xuất các hiện-tượng ấy.

Nhưng công việc tìm hiểu của chúng ta sẽ trở nên thừa, nếu các nghệ-sĩ tự mình giải-thích lấy hiện-tượng nói trên, nếu họ kể lại những bước đường sáng tạo, cho ta hiểu rõ kỹ-thuật, phương-pháp làm việc của họ.

Nhưng chúng ta đứng trước một tình trạng kỳ lạ : các nghệ-sĩ không cho ta hay biết gì về công việc sáng tạo của họ. Edgar Poe, trong lúc giải thích về sự cấu tạo của bài thơ « Con Quạ » đã nhận xét như trên. Suốt trong mấy thế kỷ sáng tạo, trong phạm - vi nghệ-thuật, không có một nhà thơ, nhà văn nào nói rõ cho ta biết về công việc của họ. (Họa chẳng có André Gide viết « Le Journal des Faux Monnayeurs », nhưng tập này cũng chưa giúp ta hiểu được hiện-tượng thần bí của sự sáng tạo). Có lẽ họ nói nhiều đến những nỗi băn-khoăn thắc mắc của họ trước trang giấy trắng hơn là đề-cập đến những lúc cảm hứng dồi dào họ say mê trong công việc sáng tác. Lại nhất là trường hợp các nhà thơ, nhà văn. Rất sáng suốt, họ phân tích rõ ràng ghi chép tỉ-mỉ những biến-cổ tình-cảm đã xảy đến trong đời họ. Thế mà về công việc chính của họ, thì họ không

bao giờ giải-thích một cách rành mạch. Ta có thể kể trường-hợp của Stendhal làm ví dụ. Stendhal sẵn sàng cho ta biết nhiều chi-tiết về đời tư của ông, phân-tích tâm-hồn ông rất cặn kẽ, nhưng tuyệt nhiên không cho ta biết đã sáng tác như thế nào, cảm hứng ra làm sao...

Tại sao họ ít nói đến công việc của họ ? Có người thành thực không muốn giải-thích. Henri de Régnier cho rằng tự giải-thích tức là hạ giá mình và nghệ-sĩ phải giữ lại cho mình các bí-quyết của họ.

Và chẳng trong lúc sáng tác họ không nhận chân được, không ý-thức được hiện tượng đang xảy ra chính trong tâm-hồn họ. Họ đã sáng tạo « trong bóng tối » như nhà nhiếp ảnh vậy.

Trong lúc say mê sáng tạo, nghệ-sĩ ở vào một trạng thái xuất thần : họ ở ngoài họ. Họ không sống cuộc đời hiện tại, mà sống cuộc đời của tác-phẩm, không hoạt-động trong thế-giới của chúng ta mà chìm đắm trong thế-giới do họ tạo ra.

Lúc Nguyễn-Du viết :

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa...

ông không ngồi trong phòng kín, trước án-thư. Ông cùng nàng Kiều ngồi trước lầu Ngưng-bích, nhìn ra cửa bể, nghĩ đến thân phận hoa trôi man mác và muốn tìm cách thoát khỏi cảnh dọa dẫm khi ngoài khơi, con thuyền tự-do giăng buồm trên bề rộng.

Ai cũng biết câu chuyện của Archimède, Thành Syracuse thất thủ ; quân lính cướp phá trong thành phố. Một người lính vào nhà Archimède. Nhà Bác-học đang say mê suy-nghĩ với những hình kỷ hà vẽ trên mặt đất. Người lính tiến đến, lượm kiếm tuốt

trần. Không quay lại, nhà bác-học nói : «Đừng phá các hình vẽ của tôi». Trong lúc mãi mê công việc Archimède chỉ nghĩ đến một điều : các vòng tròn vẽ trên mặt đất. Ông không biết rằng địch quân đã vào thành, không nghe tiếng la ó của đám quân đang tìm đường tẩu-thoát. Trong lúc say sưa suy nghĩ ông không ở Syracuse : ông ở trong công việc của ông.

Gần chúng ta hơn, Balzac cũng đã ở trong một trạng thái tương-tự. Một hôm nước mắt chan hòa, tác-giả *La Comédie Humaine* tin cho một người bạn đến chơi biết rằng bà công-tước Langeais đã mất. Người bạn ngạc-nhiên hết sức : ông không quen biết ai tên là công-tước Langeais cả ; đó chỉ là một nhân vật trong tác-phẩm của nhà đại văn-hào. Ông vừa viết đến đoạn tả bà ấy từ-trần. Nhà nghệ-sĩ đang còn ở trong thế giới do ông tạo ra, chưa trở lại cuộc đời của chúng ta. Thấy người bạn ngạc-nhiên, ông mới hiểu rõ câu chuyện.

Thực vậy, trong lúc sáng-tạo, nghệ-sĩ bị công việc lôi cuốn, chỉ khảo sát nội-giới và không có ý-thức về ngoại giới và cả về bản thân mình nữa. Cho nên họ không thể nghiên-cứu tâm-trạng của chính họ trong lúc sáng-tạo, và vì thế, không thể giải-thích cho ta hiểu hiện-tượng lạ lùng ấy.

Cũng vì vậy, chúng ta phải tìm cách xây dựng lại công cuộc sáng tạo với những di-tích, tài-liệu mà nghệ-sĩ để lại.

Trước hết, cần phải đề ý đến điểm này : sự sáng tạo trong địa-hạt nghệ-thuật, không thể phát-sinh từ một nguồn cảm hứng thuần-túy, không phải là một hiện-tượng xảy ra trong trí óc, trong con mắt của nghệ-sĩ mà là một sự chuyển-di từ thế-giới tâm-linh đến thế-giới hữu-hình. Cũng vì phần lớn công việc sáng tạo xảy

ra trong thế-giới hữu-hình nên nó để lại những di-tích cụ-thể : đó là những bản thảo. Ta có thể căn-cứ vào các tài-liệu khách-quan ấy để tìm hiểu hiện-tượng sáng tạo.

Ta thử xét cách làm việc của một vài nghệ-sĩ. Ta hãy chọn một nhạc-sĩ Mozart chẳng hạn. Ta sẽ ngạc-nhiên lúc biết rằng Mozart không viết nháp bao giờ, và trong di-cảo, chỉ có những bản-nhạc đã hoàn-thành, viết một hơi với những nét chữ bay bướm lưu-loát. Haydn và Schubert cũng sáng tác theo lối đó. Hình như họ không phải qua một giai-đoạn dự bị và ta không thấy họ khó nhọc cố gắng. Thật vậy, những kẻ đồng thời cho rằng Mozart vừa sáng tác nhạc vừa chơi bi bàn và Schubert trong lúc vui câu chuyện với bạn bè, có thể chọn một bài thơ rồi qua phòng bên, phờ ngay nhạc vào.

Trở về Á-dông, ai cũng biết chuyện Tào-Thực bảy bước làm xong bài thơ và lối thơ liên-ngâm của ta thường đòi hỏi một sự sáng tác rất nhanh.

Về phía các văn-sĩ, người viết dễ dàng nhất có lẽ là Walter Scott : hàng 400, 500 trang giấy, không có lấy một nét xóa bỏ hoặc sửa chữa. Một vài họa-sĩ cũng vẽ rất dễ dàng : Van Gogh không bao giờ vẽ nháp.

Đối với các nghệ-sĩ này ta có thể nói rằng, lúc hưng, họ sáng - tác không có gì là khó khăn cả. Họ như người mơ ngủ, giấc mơ làm cho họ vượt qua các trở lực, mà không cần phải suy-luận, có lẽ không cần cả sự can-thiệp của lý-trí. Họ chỉ nghe theo một ý chí siêu-đẳng và diễn tả đúng ý chí đó. Như vậy, trạng-thái sáng-tạo chỉ là một trạng-thái thụ-dộng.

Nhưng ta không nên kết-luận vội vàng. Các nghệ-sĩ kể trên chỉ là thiểu số và hiện-tượng sáng-tạo thường phức-tạp hơn, bí hiem hơn nhiều. Ta hãy nghiên-cứu công việc sáng-tạo của những nghệ-sĩ phải tranh đấu kịch-liệt, sáng-tác rất khó khăn mà Beethoven là người tiêu biểu đầy đủ nhất.

Trước tiên, trong tập bản thảo của nhạc-sĩ ta tìm thấy vài trang giấy nháp, một vài nhịp, ghi vội bằng bút chì, bên cạnh là những nhịp không liên hệ đến các nhịp trên, và không được xếp đặt có thứ tự. Mặt khác, theo lời những kẻ đương thời thuật lại, Beethoven sáng-tác rất khó khăn. Mỗi khi có cảm hứng, ông không còn biết trời đất gì nữa, chạy vội ra đồng ruộng, vừa hát vừa đánh nhịp với hai tay. Thỉnh thoảng, ông lại rút ra một quyển sổ tay, lấy bút chì ghi lại những gì thoáng qua trong trí. Lúc về đến nhà, ông ngồi vào bàn, sửa chữa lại mấy bản nhạc vừa ghi vội vào sổ tay đó.

Nhưng mãi đến giai-đoạn này ông vẫn chưa tìm ra được những điệu nhạc mơ ước. Ta lại tìm thấy những bản thảo khác quan-trọng hơn, viết bằng mực, trong đó ông khai-diễn những gì đã được ghi bằng bút chì. Không tìm được những hình thức mong muốn, nhạc-sĩ cầm bút gạch xóa từng trang lớn và bắt đầu viết lại. Trên những bản thảo còn giữ lại được, ta có thể thấy những nét bút rần rỏi, nóng nảy đưa nhanh, làm bản mực ra xung quanh.

Nhưng nhạc-sĩ vẫn chưa lấy làm thỏa mãn. Ông sửa chữa, gạch xóa đến rách giấy : ta có thể tưởng-tượng được hình ảnh của nhạc-sĩ nổi giận, dậm chân và than vãn, nguyên rủa vì ý nhạc chưa được diễn tả dưới một hình-thức lý-tưởng. Và sau khi đã sửa chữa như vậy vô số bản

thảo, nguyên bản mới thành hình. Beethoven nhắc ta nhớ đến Flaubert nhà văn khó tính, viết đi viết lại mãi cho đến khi tác-phẩm đạt đến sự hoàn mỹ.

Mozart và Beethoven là hai thái-cực. Công việc sáng tạo của Mozart là một niềm hoan-lạc, còn đối với Beethoven, nó là một cực hình, một nỗi đau khổ không tránh được, nỗi đau khổ của người sản-phụ.



Hai phương diện khác nhau đó của công việc sáng-tạo không những chỉ xuất hiện trong phạm-vi âm-nhạc, mà cả trong phạm-vi văn-chương nữa.

Lý-Thái-Bạch vừa uống rượu vừa làm thơ, có khi làm thơ ngay trong lúc say rượu. Năm Khai-Nguyên đời Đường, nhân có hội hoa thược-dược, vua Minh-Hoàng cùng Dương-Quý-Phi ngự ra xem hoa. Nhà vua **ai**-hoa ấy không muốn dừng lại những bài hát cũ nên sai nhạc-công đi triệu Lý-Thái-Bạch. Được chỉ vua đòi, nhà thơ còn say rượu chưa tỉnh, cầm bút viết ngay ba bài đem dâng : đó là Thanh-bình tam-chương.

Trái lại, Edgar Poe cấu tạo bài thơ Con Quạ một cách rất khoa-học. Ông không dựa vào cảm-hứng ; với sự chính xác của toán học, ông sắp đặt từng chữ, từng vần, từng câu. Nhờ ý chí, nhờ kiên nhẫn, ông đã tạo ra một tác-phẩm tuyệt-nghĩ.

Như vậy, chúng ta đã hé được đôi chút tấm màn bí mật bao phủ công việc sáng-tạo của nghệ-sĩ. Có khi tác-phẩm là kết quả của một cơn cảm hứng : thi-sĩ, nhạc-sĩ nhận nơi Thượng-Đế một bức « thông-diệp » rồi truyền lại cho ta, không thêm không bớt. Có khi nghệ-sĩ tạo ra

những kiệt-tác nhờ ở sự cần cù chăm chỉ. Nhưng đó chỉ là hai thái-cực. Giữa hai thái-cực ấy, có rất nhiều trường-hợp trung-gian. Mỗi nghệ-sĩ có một lối làm việc riêng, một bí-quyết riêng. Nếu Lope de Vega viết xong một vở kịch trong ba ngày thì trái lại, Goethe bắt đầu soạn vở Faust lúc 18 tuổi mà mãi đến năm 81 tuổi mới hoàn-thành tác-phẩm ấy. Nếu Jean Sebastien Bach, Haydn hay Jack London làm việc đều đặn như những công-chức, thì có người như Wagner, vì nguồn cảm-hứng bị khô cạn, trong năm năm liền không sáng-tác được một bản nhạc nào.

Trong số các trường-hợp trung-gian ấy, ta có thể chọn một trường-hợp điển hình để nghiên-cứu và tìm hiểu công việc sáng-tạo thông-thường nhất, Ta sẽ chọn công việc sáng-tác văn-chương và nghiên-cứu công việc đó, qua Flaubert và kiệt-tác Mme Bovary.

Một hôm Maxime du Camp hỏi Flaubert :

— Sao anh không viết câu chuyện của Delamare ?

Delamare là một y-sĩ ở thôn quê ; các báo nói nhiều đến cuộc đời tình ái đau khổ của y : vợ y ngoại tình và tự-vấn.

Bỗng Flaubert ngừng đầu lên, và linh-cảm được viễn ảnh tốt đẹp của câu chuyện :

— Đúng lắm ! ý kiến hay lắm !

Câu chuyện Delamare, lúc bấy giờ, chỉ là câu chuyện một người đàn bà bất mãn trong cuộc đời tình ái, trong cuộc sống gia-đình, đã kết thúc đời mình một cách lãng mạn... Hình ảnh nàng Emma chỉ mới hiện ra lơ mờ trong trí nhà văn.

Đúng vào lúc ấy, Flaubert lên đường du-lịch Ai-Cập để tìm tài-liệu, và hình-ảnh cho một tác-phẩm khác.

Thế nhưng trong một lá thư từ Ai-Cập gửi về, ông viết : « Tôi đã tìm ra rồi. Tôi sẽ gọi nàng là Bovary ». Điều đó chứng tỏ rằng ông luôn luôn nghĩ đến câu chuyện Delamare. Lúc tên một nhân-vật hiện ra, tức là tác-giả đã tiến đến một giai-đoạn khác : đó là bước đầu trong công việc cấu-tạo nhân-vật.

Trở về Croisset, Flaubert bắt tay vào việc. Trước hết, ông thu-thập tài-liệu : Ông đến thăm làng Ry, quê quán của gia-đình Delamare, hỏi chuyện các người có quen biết gia-đình ấy, ghi chép những chi-tiết liên-hệ đến tấn thảm-kịch, gặp nhà bào chế ở Ry (tức là Ô. Homais trong tác-phẩm).

Công việc sưu-tầm tài-liệu này có mục-đích bồi bổ cho đề-tài thêm phong-phú. Nhà văn cần phải biết, trong mọi trường-hợp, nhân-vật của mình sẽ hành-động như thế nào, giữa một khung-cảnh hết sức « thật ». Bởi vì Flaubert muốn mô tả đúng với sự thật và không muốn bịa ra một chi-tiết nào. Khi cần tả chiếc mũ của bà Bovary, ông phải đến tiệm bán mũ, hay tiệm bán quần áo, xem xét các kiểu mũ, hỏi xem thời bấy giờ người ta đội mũ loại nào, và mùa nào thì dùng loại mũ nào.

Để có thể tả một cuộc mổ xẻ, ông tìm hỏi các bác-sĩ, chứng-kiến các vụ giải-phẫu tại bệnh-viện ; lúc bà Bovary uống thuốc độc, ông đã chọn kỹ chất độc, hiểu rõ phản-ứng của chất-độc và tự mình có nếm qua chất độc ấy nữa.

Khi đã thu-thập đầy đủ tài-liệu, tác-giả mới ngồi vào bàn viết, và khởi đầu một công-việc liên tục, không thể gián-

đoạn nữa. Nhà văn cần phải diễn tả ra bằng những dòng chữ, các tư-tưởng, cảm giác, hình ảnh đã thấm thập được.

Nhưng thật ra, công việc sáng-tác đã bắt đầu từ trước. Trên con tàu đưa Flaubert đến Ai-cập, trong lúc rong ruổi giữa bãi sa-mạc, trong lúc thăm dò các vết tích cổ xưa còn sót lại, Flaubert vẫn làm việc cho cuốn tiểu-thuyết M^{me} Bovary. Lúc dạo chơi làng Ry, lúc viếng mộ bà Delamare, ông cũng làm việc. Ông làm việc lúc ngồi trong phòng văn, tàu thuốc lá ở tay, khi chưa viết được một dòng nào cho tác-phẩm. Bởi vì nhà văn luôn luôn làm việc cho tác-phẩm, ngay trong những lúc nhàn rỗi nhất, — Ngồi mơ màng, ngắm nước chảy mây trôi, đối với nhà văn, đều là những giờ phút sáng tạo : bị cốt chuyện và nhân vật ám ảnh, trí óc họ luôn luôn hoạt-động. Cả đến trong lúc chơi đùa, hay trong giấc ngủ, họ vẫn làm việc. Họ phải hoạt động như vậy cho đến khi được giải-thoát, tức là khi đã thực-hiện được những nhân vật, hình ảnh mơ ước trong bao nhiêu lâu. Viết ra mặt giấy là một sự giải-thoát mà cũng một cực hình, như trường-hợp của Flaubert là một nhà văn viết rất khó khăn.

Trong giai-đoạn này, các phương pháp làm việc cũng rất khác nhau. Có người như đã có sẵn trong trí từng chương, từng đoạn của tác-phẩm và chỉ cần ngồi viết ra để ghi lại dòng tư-tưởng, ghi lại những gì mà một tiếng nói bên trong như đọc cho tác-giả viết. Có người cần phải viết rất thông thả, tìm chữ, chọn chữ, sửa đi sửa lại ngay lúc đó...

Nhưng dù theo cách nào nữa, thì vẫn có một hiện tượng bí-hiềm : sự diễn tả

các tư-tưởng, ý nghĩ, cảm giác hình ảnh bằng những giòng chữ cụ thể. Những chữ dồn dập đến, làm cho tay không kịp ghi, đôi khi vụt biến mất, không tài nào tìm lại được, đôi khi lồi cuốn tư-tưởng theo một chiều không định trước...

Và sau cùng, những dòng chữ đã sắp hàng ngay ngắn trên trang giấy, nối đuôi nhau, liên-lạc với nhau, và lập thành những câu đầy đủ ý nghĩa, và có âm điệu nhịp nhàng.

Nhưng không phải viết ra được như vậy, là tác-giả đã hoàn-thành công việc sáng-tạo. Công việc này còn kéo dài thêm nữa, chưa biết bao giờ mới chấm dứt. Nhà văn đọc lại bản thảo, nhận thấy chưa viết được như ý muốn, lời còn vụng về, ý tứ hỗn độn, đâm ra chán nản ngờ vực tài năng của mình và muốn bỏ dở công trình nghệ-thuật...

Có khi bản thảo đã viết xong, nhà văn yên trí công việc đã hoàn tất, vội gửi đến nhà in. Nhưng lúc đọc lại bản in thử, tác-giả mới nhận thấy nhiều điểm thiếu sót, nên lại viết thêm, sửa chữa lại, thành ra bản in đầu tiên chỉ như là một cái nòng của tác-phẩm. Đó là trường hợp của Proust hay Balzac. Nhiều khi Balzac tưởng rằng viết xong một tập tức là hoàn-thành quyền tiểu thuyết, thế mà ông còn sửa chữa lại, thêm thắt vào, làm cho quyền tiểu thuyết dày thêm hai ba tập nữa.



Trong công cuộc tìm hiểu bí quyết của sự sáng-tạo, chúng ta đã xét qua hai hiện-tượng cực-đoan : có những nghệ-sĩ sáng-tác trong hoan lạc, không cần phải cố gắng, dễ dàng đến gần như vô ý thức và trái lại,

có những nghệ-sĩ mà việc sáng-tác là một cực-hình, chỉ có thể thái nghén trong đau khổ vô biên. Ở giữa hai thái-cực thiêu số ấy, có rất nhiều trường hợp trung - gian trong đó nghệ-sĩ phải tranh đấu trường-kỳ trên bước đường cấu tạo và hoàn-thành tác-phẩm.

Do đó ta, có thể kết-luận rằng mọi công cuộc sáng-tạo đòi hỏi hai yếu tố mật thiết cộng-tác với nhau như âm và dương trong mọi sáng - tạo của thiên - nhiên : đó là ý-thức và vô ý-thức, cảm-hứng và kỹ-thuật. Thật vậy, đối với các nghệ-sĩ, sáng-tạo tức là biểu hiệu, chuyển di từ tâm-linh đến ngoại giới — với ngôn-ngữ, màu sắc, âm-thanh, hình-dáng — một viễn tượng, một giấc mơ mà nghệ-sĩ đã mơ thấy trong tâm-trí. Cho nên sáng - tạo là một cuộc tranh đấu không ngừng giữa ý-thức và vô ý-thức, đúng như Maurice Druon đã nhận xét lúc ông cho rằng viết một quyển sách là cả một

cuộc chiến-đấu với một băng-đảo : chỉ một phần ba tư-tưởng nổi lên trên mặt nước, còn hai phần ba kia, vô ý-thức hay tiềm-thức, luôn luôn muốn chìm xuống đáy bề...

Cuộc chiến - đấu này có thể chấm dứt trong một tuần lễ, một tháng, một năm hay kéo dài trong suốt một đời người như trường hợp của Goethe với vở kịch Faust bất hủ.

NGUYỄN-THIẾU-NGUYỄN

Tài-liệu tham-khảo :

- Derniers Messages của Stefan Zweig (Victor Atlinger xuất-bản).
- Du travail en littérature của Emile Henriot, tạp-chí Annales năm 1949.
- Le métier d'écrivain của Charles Brabant, Corrèa xuất-bản.
- Les Annales (Mục Les auteurs et leurs livres).
- Le Journal des Faux Monnayeurs của A. Gide (N.R.F.).
- Đường-thi của Trần - Trọng - Kim (Tân - Việt xuất-bản).

- ★ Phê - bình một nhân - viên làm việc không đặc - lực, Lyautey nói :
« ông ta rất thông-minh, nhưng chắc không bao giờ làm nổi công cuộc gì vì ông ta thiếu tấm lòng ; không được nhân-tâm thì không tài nào làm nổi nhân-sự. »
- ★ Làm việc gì mà chưa được thỏa lòng thì nên xét việc mình làm đã phải hẳn chưa. (Mạnh-Tử)

Đề - kiêu - bi

Tư-mã Trương-như, người đời Hán, thuở còn hàn vi, ở nhà đói quá, phải bỏ làng ra đi. Khi ra tới cầu cuối làng, Trương-như đề chữ trên cầu rằng : « Làm trai mà không lập nên đại công danh thì không chịu qua cầu này nữa ». Sau Trương-như theo Hán Võ-đế đi sứ nước Thục, người làng lập bia ở chỗ cầu, gọi là Đề-kiêu-bi, đề kỷ niệm mấy chữ Trương-như đề vào cột cầu.

TRẦN-VĂN-THÀNH

MỘT CHIẾN-SĨ CÁCH-MẠNG CẦN-VƯƠNG

ÍT ĐƯỢC CÁC SỬ-GIA BIẾT TỚI

NGUYỄN-VĂN-HÀU

TỪ khi tiếng súng của quân Pháp bắt đầu nổ ở cửa bè Vũng - tàu cho đến lúc lục-tính Nam-kỳ hoàn-toàn mất hẳn, ở đây có rất nhiều cuộc khởi-nghĩa, nổi lên với khẩu hiệu « Cần - vương » hoặc « Bình Tây sát Tả », « Dân - chúng tự-vệ »...

Trong những cuộc khởi-nghĩa ấy, các nhà chép sử chỉ chép qua bốn tướng-lãnh chỉ - huy kiệt - liệt là Trương-Công-Định, Nguyễn-Trung-Trực, Võ-Duy-Dương và Nguyễn - Hữu - Huân, chứ không thấy ai chép rõ-ràng sự-nghiệp của một người nữa, cũng không kém phần quan-trọng. Người ấy, trước đó đã từng làm cho quân Chân-lạp mấy mươi phen « bay hồn vỡ mặt » và đồng-thời, người chủ-trương bất-hợp-tác với Pháp, lấy Láng-linh làm nơi cứ-hiếm. Có lúc đương đầu quyết chiến ; có khi ẩn náu trong rừng sâu. Nguy-hiếm không nài, đói no chẳng ngại. Người giữ vững lập - trường của mình cho đến năm 1873 — thời-kỳ mà các vì sao sáng trong cuộc kháng-chiến chống xâm-lãng nói trên đã tắt mất gần hết — lại bừng dậy, phát

cờ nghĩa dấy lên ở Bảy-thửa một lần chót nữa, để rồi sau một trận đại chiến, cuộc kháng Pháp của người mới tan.

Người ấy, tôi muốn nói mau là Trần-Văn-Thành.

Trong « Nam - Bộ chiến - sử » của Nguyễn-Bảo-Hóa, trang IV, phần « Việt-nam cách-mạng sử-dồ » (1) có chép sơ-lược về ông :

« 1873.— Khởi-nghĩa Bảy-thửa (giữa Hà - tiên, Châu - đốc, Rạch - giá, Long-xuyên). Trần-Văn-Thành (Đạo Lành) ».

Và trong « Việt-nam hiện-đại sử-yếu » (2) trang 212, Phạm-Văn-Sơn cũng chỉ chép vắn-vẹn hai dòng :

« Trần-Văn-Thành khởi-nghĩa ở Bảy-Thửa (giữa Hà-tiên, Châu-đốc, Rạch-giá, Long-xuyên), năm 1873 ».

Vậy hoạt-dộng của Trần-Văn-Thành ra sao, và Láng-linh và Bảy-thửa là nơi nào trong nước ?

(1) Nhà Lửa Sống xuất-bản năm 1947.

(2) Nhà Thanh Bình xuất-bản năm 1952.

Bài khảo-cứu này mong sẽ giải đáp được rõ ràng câu hỏi đó.



Trần-Văn-Thành quê ở xã Bình-thạnh-dông, tổng An-lương, quận Châu-phú-hạ, tỉnh Châu-đốc (xưa gọi là An-giang). Vì có nhiều công đánh giặc Chân-lạp, được sắc phong đến hàng Chánh Quản-cơ, nên người ta cũng còn gọi là Quản-Thành. Quản-Thành cũng là một tu-sĩ Phật-giáo thuộc dòng *Bửu-sơn kỳ hương* nên sau khi mất được mọi người tôn-sùng mà gọi tăng là ông Cổ Quản.

Năm canh-tí (1840), tức năm Minh-Mạng XXI, ở Chân-lạp có em của Nặc-Ông-Chân là Nặc-Ông-Đôn dấy-bình chống lại với cơ-quan bảo-hộ Việt-nam. Nhân họ mượn sức người Xiêm, quân ta đánh mãi không được. Năm ấy ở An-giang có lính mộ-binh, Trần-Văn-Thành đã ngoài 20 tuổi, xin nhập-ngũ và được tuyền ngay làm Suất-đội (1).

5 năm sau (1846), sau nhiều trận đánh nhau giữa quân Chân-lạp và Việt-nam, quân Chân-lạp xin hàng. Trần-Văn-Thành nhờ có công từng-chinh, được phong làm Chánh Quản-Cơ, điều-khiển 500 binh-sĩ đóng ở Châu-đốc và có phận-sự lưu-động trong các vùng mà người Chân-lạp thường hay nổi-loạn. Theo lời nhiều bô-lão kể lại, khoảng này Trần-Văn-Thành đánh nhau với quân Chân-lạp quanh vùng Thất-sơn hơn 30 trận, mà quyết-liệt nhất là trận Láng-cháy, ông đã thu-phục được

(1) Theo binh chế hồi này, chức Suất-đội chỉ-huy 50 chiến-sĩ; trong đó có 10 Ngũ, 5 Thập; mỗi Ngũ có một viên Ngũ-trưởng và mỗi Thập có một viên Thập-trưởng chỉ-huy.

hai tướng lãnh người Miên là Bướm và Vôi (1).

Năm 1861, quân Pháp hạ được đồn Chí-hòa rồi liên tiếp tấn công Định-tường, làm cho sĩ-phu Nam-việt vô cùng căm tức. Họ lần lượt nổi lên: Phó Quản-cơ Trương-Định ở Gò-công; Quản-lịch tức Nguyễn-Trung-Trực ở Tân-an; Võ-Duy-Dương (sau này là Thiên-hộ Dương) ở đồng Tháp-mười; Thủ-Khoa Huân tức Nguyễn-Hữu-Huân ở Mỹ-tho; quản Thành tức Trần-Văn-Thành ở An-giang (2) v.v... Lập đồn ải, chế-tạo vũ khí, mỗi tướng-lãnh đều cứ-hiếm một vùng.

Năm 1862, sau khi bản hiệp-ước Bonard — Phan-Thanh-Giản (5-6-1862) ra đời, sĩ-phu trong nước đã đau đớn càng đau đớn hơn:

Tan nhà căm nổi câu li hận,

Cắt đất thương thay cuộc giáng hòa!

Họ ồ ạt chống trả với quân Pháp, bất kể lệnh ngưng chiến của triều - đình. Khu cứ-hiếm của ông quản Thành bấy giờ tuy

(1) Hiện nay tại núi Cấm (Thất-sơn) còn một võ đá tục gọi là võ ông Bướm. Tương truyền đó là nơi mà hai tướng Bướm và Vôi sau khi hàng đầu, xin với ông quản Thành về đây ở luyện phép tiên.

(2) Trong « *Lịch truyền về chuyện ông quản Thành* » của tác-giả Vương-Thông viết năm kỷ-dậu (1909), bản chép tay bằng chữ Nôm, có đoạn kể:

Các quan ần ảnh sơn đầu,

Chítu binh ra đánh dất-dầu một phen.

Nam-kỳ có tướng Quan Thlen (Thiên-hộ Dương),

Càng quan lớn Định (quản Định) cầm-quyền đánh Tây.

An-giang có một ông đây (ông quản Thành).

Chứ dạ ngay thầy át-quốc tru-quân.

(Câu 33 đến câu 38)

Pháp chưa đã-dộng tới, nhưng ông vẫn chuẩn - bị kháng - chiến và nỗ lực hõ - hào dân-chúng ở miệt Rach-giá, Hà-tiên vận-tải lương-thực theo đường kinh Vĩnh-tế về Tháp-mười tiếp-tế cho bộ đội của Võ-Duy-Dương.

Tháng 6 năm 1863, Thủ-Khoa Huân đại bại tại Thuộc-nhiều, phải bỏ Mỹ-tho chạy về Châu-dốc lánh nạn. Nơi đây, ông Huân bị triều - đình Việt - nam bắt vì tội không tuân lệnh ngưng chiến. Quân Pháp biết tin đó, buộc triều - đình ta phải giao ông Huân cho họ làm tội. Triều - đình không chịu, họ hạ lệnh cho Doudart de Lagrée kéo binh từ Oudong xuống uy hiếp Châu - đốc, buộc nhà cầm-quyền tỉnh này phải giao nộp ông Huân (1).

Cảnh tượng trên đây làm cho ông quản Thành và tất cả quân dân thành Châu-dốc vô cùng căm tức, nên mặc dù lệnh ngưng chiến rất ngặt, họ vẫn ngấm đoàn-kết với nhau sau ông Thành để chờ ngày chống đối với quân địch.

Ngày 21 tháng 6 năm 1867, Trung-tá hải-quân Galey, trên chiếc thông-báo-hạm (aviso) « Biên-hòa », kéo theo đoàn pháo-hạm gồm những chiếc : Le Bourdais, La Fusée, L'Alarme, Le Fleuret, La Hallebaide, La Flamberge với hơn 1000 binh võ-trang tinh-nhuệ hùng-hồ kéo tới Châu-dốc. Lúc ấy vào 8 giờ đêm. Họ chia súng lên thành rồi cho người báo quan ta phải mở cửa đầu hàng theo lệnh truyền (bằng thơ) của cụ Phan-Thanh-Giản.

Trước nguy cơ ấy, các quan trong thành người bàn nên đánh, kẻ bảo phải tuân

(1) Chú ý : 3 tỉnh miền Tây hiện giờ còn thuộc quyền của triều-đình Việt-nam. Mà triều-đình Việt-nam thì đã ký bản nghị-hòa với Pháp.

mệnh nộp thành. Rút lại, phe chủ hòa động hơn, phe chủ chiến có ít. Ông quản Thành đứng về phe chiến, phải nhượng bộ, rút lui về căn-cứ Láng-linh, để mặc cho quan Tổng-đốc (Phan-Khắc-Thân ?) và các văn - quan khác nộp thành cho Pháp (2).

Theo tài-liệu trong cuốn « Les premières années de la Cochinchine » của Paulin Vial, là một sĩ-quan có mặt tại Châu-dốc trong lúc quân Pháp chiếm thành này, thì đêm ấy suýt có sự chạm trán to tát giữa quân Pháp và quân kháng-chiến Việt-nam. Tuy giằng xé mau lẹ kịp, nhưng sau đó mấy ngày, quân kháng-chiến, do ông quản Thành chỉ-huy, vẫn hoạt-dộng rất mạnh.

Cũng theo P. Vial, ở Châu-dốc bây giờ có một đạo binh do một người « Cao-miền » tên là Pu Cambo, đánh Pháp rất hăng. Pu Cambo thật ra chỉ là một tướng thuộc-hạ của ông quản Thành, có phạm-sự hoạt-dộng trong các vùng Tri-tôn, Tịnh-biên, Châu-dốc, do mệnh-lệnh từ quân doanh Láng-linh phát ra.

Láng-linh (xưa thuộc phủ Tân-thành huyện Vĩnh-an, nay là quận Châu-phú, tỉnh An-giang) là một cánh đồng bao-la bát-ngát, không một kinh rạch thông vào, để sậy mọc tràn-lan dày bịt, có nhiều chỗ sinh lầy nước đọng mênh-mông, lại có lắm thú to rắn độc. Bắc gần giáp núi Sam, Đông cặp theo bờ Hậu-giang, Tây dựa vào Thất-son và Nam liên-tiếp với rừng Bảy-thừa, đất này quả là một nơi

(2) Trong « Cáo thị cớ-lịch », một tác-phẩm viết theo lối văn-vè của ông Trần - Quang - Nhơn, khoảng cuối thế-kỷ 19 (bản chép tay, bằng chữ Nôm) có nói rõ về ý rút lui của ông quản Thành :

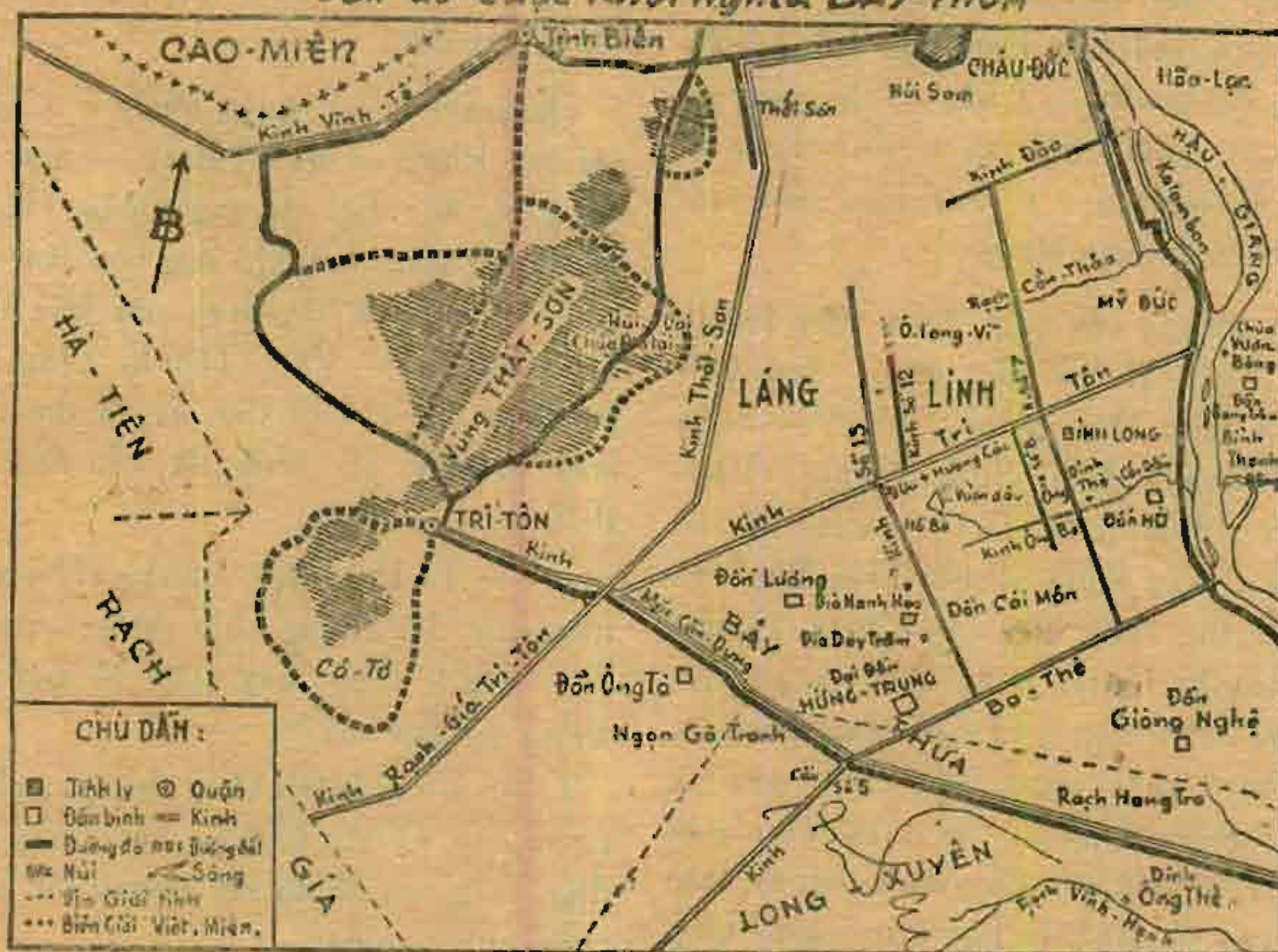
« Thà thua xuống Láng xuống bưng
Kéo ra đầu giặc lối chùng quân-thần ».

hiềm-địa ; nhà chỉ-huy quân-sự có tài tiến, thoái, công, thủ, đều được vững-vàng. Ở đây, ông Quản Thành ra lệnh « phát mộ » thêm binh, mở-mang đồn trại và tập-trung các vật-liệu cần-thiết cho cuộc kháng-chiến mà ông đã dự-bị từ trước, tổ-chức thành một lực-lượng quân-sự khả-dĩ gọi là hùng-hậu so với hết thảy các lực-lượng kháng-chiến ở miền Nam hồi đó.

Ông Quản Thành dù có thắng được mấy trận ở Chác-cà-đao, Đông-xuyên, nhưng cũng lần hồi kém thế, vì quân Pháp dẹp được các nơi nên rảnh tay, gom về đây tấn-công rất gắt. Thế ngặt, ông Quản Thành phải dùng chước « yếm kỳ tức cò » (1), phân-tán binh-sĩ tản-mạn quanh vùng Láng-linh.

Theo Vương-Thông trong bài « Lịch-truyền về chuyện Quản Thành », có kể

Đản-đồ cuộc khởi nghĩa BẮY-THƯA



Cuối năm mậu-thìn (1868), thế-lực của Pháp bành-trướng khắp cả các tỉnh miền Nam, « Phong-trào căn-vương » cũng như « Dân-chúng tự-vệ » đều sau trước rã tan : Ông Trương-Định tử trận ở Kiến-phước (20-8-1864) ; Thủ-Khoa Huân bị đi đày (1864) ; Thiên-hộ Dương thì đại bại sau trận tấn-công mãnh-liệt của Pháp (tháng 4, 1866) ; Nguyễn-Trung-Trực vừa bị hành-hình tại Rạch-giá (27-10-1868).

đoạn gian-truân này của ông Thành rất bi-thiết :

*« Thân Ngồi chẳng quản rách lành.
 Ở trong Láng đó lều tranh chờ thời,
 Người trung đứng giữa mặt trời,
 Đấng cay bao quản vận thời chớ than.
 Trích cò nghe át la vang,
 Đậu, khoai nuôi bữa, bắp rang đỡ lòng».*

(1) Dấu cò im trống. Một chiến-thuật « chết giả » không thanh-trương uy-thế ra ngoài, khiến giặc u ơ không hiểu gì.

TRẦN-VĂN-THÀNH MỘT CHIẾN-SĨ

Tuy nhiên, ông Trần-Văn-Thành vẫn gắng chí mà đợi thời-cơ đến.

Đến năm 1872, phong-trào « Dân-chúng tự-vệ » lại nổi lên đánh phá khắp miền Nam : ở 18 thôn Vườn-trầu, Quận Hớn dấy binh thật mạnh ; ở Vũng-liêm, dân-chúng đứng dậy giết chết tham-biện Saliceti. Các nơi khác như Vĩnh-long, Cánh-thơ, Long-xuyên, Bến-tre đều có khởi-nghĩa. Tại Châu-đốc, sau 3 năm im hơi dấu tiếng, ông Quản Thành lại nêu cờ ở Bảy-thửa (một khu rừng gần Láng-lich, giữa Long-xuyên — Châu-đốc), củng-cố hàng-ngũ quân-đội và mệnh-danh là « Binh Gia-Nghệ » ; ông lập đồn trại và tuyên-bố kháng Pháp.

Dưới trướng của ông Trần-Văn-Thành hồi này, võ thì có các ông : cụ Đê-đốc Văn (tức Đội Văn), Võ-Văn-Sang (tức Đội Sang), Đội Nhiều, Nguyễn-Văn-Tú (tức Hiện-quản Tú)... Văn thì có ông Phạm-Văn-Khuê và bà Trần-Thị-Nên (con gái thứ năm của ông Quản Thành) Hành doanh đặt tại trung-tâm rừng Bảy-thửa với danh-hiệu « Hưng-trung doanh ». Vùng này còn mang một tên nữa là « Bảy-thửa sáu lọng ». Sở dĩ có tên này là do ở đây có sáu cây Bảy-thửa thật to, tàn lên rất cao và cành lá bao tròn giống hình cái lọng.

Chung quanh đồn Hưng-trung, về phía tả (lấy hướng chính về phía Hậu-giang) có đồn Cái-môn, (giữa hai địa Nanh-heo và Dày-trăm) ; phía hữu có đồn Giồng-nghệ (tại Giồng-nghệ), đằng trước có đồn Hồ (vàm Cái-dầu) và phía sau có trạm canh Ông Tà. Gần đồn Cái-môn về phía tây có đồn lương là nơi dùng tích trữ lương-thực. Mỗi đồn đều có đặt súng thần-công, có

nhiều súng điều-thương hòa-hồ và có lối 150 chiến-sĩ phòng-thủ.

Khoảng tháng 4 năm 1872, nghĩa-binh « Gia-Nghệ » kéo đánh nhiều nơi ở An-giang. Quân Pháp rất ghê-sợ sự đoàn-kết của đội binh này.

Nhưng chỉ được vài tháng, đồn Giồng-nghệ thất thủ vì sự phản-trác của một người « Cao-miên » tên Tol. Trùng thơ lại Phạm - Văn - Khuê bị quân Pháp bắt trong đồn này và từ đó thế-lực binh Gia-Nghệ suy dần.

Đầu năm 1873, quân Pháp ở Châu-đốc sai ông Phạm - Đức - Thông — một người coi gánh hát bội do ông Quản Thành lập ra để hát xem chơi khi ông còn làm Quản-cơ — mang vào Bảy-thửa một bức thơ dụ hàng ông Trần - Văn - Thành. Ông Thông suýt bay đầu vì bức thơ ấy và được nghe mấy câu này, tất nhiên là của ông Thành thốt ra :

— « Ta thề cùng quân - sĩ bỏ xác nơi rừng này chứ không chịu ra làm quan cho Tây đâu ! Ông hãy mau về nói lại với chúng nó như vậy ».

Quân Pháp biết không thể nào chiêu-dụ được ông Quản Thành, họ tổ-chức gián-diệp khắp nơi để dò xét đường lối mà chờ ngày quyết-chiến.

Tháng 2 âm - lịch năm ấy (1873), họ khởi sự tấn-công. Trước tiên họ phá được đồn Hồ. Sau họ kéo lặn vào rừng. Đến đâu họ cho nả súng lớn vào trước rồi bắt dân theo sau dọn đường. Có những chỗ rậm rạp và cây lá khô - khan, họ đốt lửa cháy lên cho thật trống-trái.

Binh « Gia-Nghệ » dù hết sức chống-trà, nhưng chỉ rước lấy cái thất-bại đau thương mà thôi ; vì binh lực của đối-phương thì

thật sắc thật mạnh, còn nghĩa-binh thì chỉ được cái tinh-thần cao ; mà tinh-thần cao thì ở trong hoàn-cảnh chịu đựng dẻo-dai, hay lăn-lóc khờ cực thì được chứ đối với súng bắn xa, tàu chạy lẹ, lâu ngày sinh-lực hao mòn, làm sao mà đứng vững được. Vì vậy mà công cuộc gây dựng lâu nay, phút chốc đã tiêu-mòn nguy-khốn.

Ngày 20 tháng 2, lúc chinh xé, quân Pháp từ phía Châu-dốc tấn-công vào đồn Cái-môn. Cũng chiều hôm ấy, quân Pháp đổ bộ vào phía Vĩnh-hạnh. Ông Trần-văn-Chái (con trai thứ của ông Quản Thành) và ông Đội Văn chỉ-huy ngăn giặc, nhưng ông Đội Văn tử thương còn ông Trần-văn-Chái bị bắt tại trận tiền(1).

Sáng ngày 21, quân Pháp tấn-công vào Hưng-trung rất gấp. Đến trưa, có tin báo đồn Lương thất thủ và tiếp đến, quân Pháp tràn được vào đồn. Đồn Hưng-trung rất chắc, rất rộng, quân Pháp phải chết và bị thương rất nhiều mới lấy được. Binh « Gia-Nghị » một tốp bị bắt, một tốp rút lui. Riêng phần ông Quản Thành thì từ ấy biệt vô âm-tín, không ai nghe thấy ông ở đâu nữa.

Xong trận này, quân Pháp thâu-thập các hạng súng nhẹ, còn súng đồng và những lò đúc đạn được, họ phá hoại rồi đẩy xuống địa cho mau mục sét. Các đồn trại và lương-thực, họ nôi lửa đốt hết, theo các bô-lão miền này thuật lại thì lửa cháy suốt ba ngày mới tắt (2).



(1) Ông Chái sau tuần-tiết tại ngục thất Châu-dốc.

(2) Muốn biết rõ-ràng tiêu-sử ông Quản Thành, xin xem cuốn « Cuộc khởi-nghĩa Bảy-thửa » của tác-giả.

Chủ tướng đã mất, nghĩa-binh tự tan. Tương-truyền rằng cũng trong năm 1873, có hai người Việt-Nam từ Huế theo ghe bầu vào Nam rồi tìm đến tận Bảy-thửa, mang theo một đại sắc phong, nói là của vua Tự-Đức ân-ban cho ông Quản Thành.

Nhưng hỏi ôi ! Hai người ấy còn gặp đâu ông Quản Thành ? Họ chỉ còn trông thấy được có mấy đồng gạch vụn tro tàn cùng với tiếng gió rì-rào trên ngọn Bảy-thửa cao vút như những u hồn tướng-sĩ về đây chào đón...

Hiện nay, đề tưởng-niệm công-lao của người đã xả thân vì nghĩa, trong quận Châu-phú có lập nhiều ngôi đền thờ ông Trần-Văn-Thành. Nho-sĩ Cao-Văn-Cảo, với mấy văn thơ sau đây tuy mộc-mạc, nhưng chắc đã biểu-lộ được ý-chí bất-khuất của người xưa và lòng hoài-niệm chung của người nay :

Dịch âm :

*Lạc-Hồng lãnh-thờ tặc lãng đi,
Khảng-khái Tiên-công lực hộ trì.
Tráng chí trường lưu kìm cồ hận,
Trung tâm khả xử địa thiên tri.
Quốc dân truy điếu tu đình võ,
Hành khách quan hoài phú thử ly.
Đa thiều bạn thần kính thử xú,
Đề đầu đảm chiến trứu xong my.*

Tạm dịch nghĩa :

*Non sông Hồng-lạc giặc xâm-lãng,
Thảng-thấn Trần-công cố sức ngăn.
Trời đất biết cho lòng sốt-sắng,
Kiếp đời ghi mãi chí thù hằn.
Đền thờ tỏ dấu dân trong nước,
Thơ vịnh nêu tình khách viết văn.
Những đứa phản-thần qua đến cửa,
Gục đầu run mật, cặp mày nhăn.*

NGUYỄN-VĂN-HẦU

Thanh-niên và mặc-cảm thời-đại

(Tiếp theo Bách-Khoa số 63)

✱ — CÔ-LIÊU

Nếp sống phóng-túg của hạng « thanh-niên thông-minh buồn » chỉ là phản-ứng của người bất-mãn đối với một xã-hội mà ý-thức cộng-đồng không trả lời đúng với quan-niệm lý-tưởng của họ.

Nhưng con người sa-đọa không phải là một sự-trạng mới-mẻ, một nét riêng của thời-đại. Nghệ-thuật của các nhà văn yếm-thế là làm hiện hiện những hình-thức mới của sự sa-đọa.

Mặc-cảm thời-đại

NẾU phải dùng một tiếng chung để chỉ tâm-trạng nhân-vật cuốn « Một Nụ Cười » thì thiết-tưởng nên dùng 4 chữ « mặc cảm thời-đại » có thể diễn-tả tất cả cái gì là mâu-thuẫn giữa sáng-suốt và ngu-muội, liêu-linh và cần-trọng, nhu-nhược và cứng cồ, đa cảm và trơ lì.

Mặc-cảm thời-đại biểu-hiện trước nhất bằng sự ghét bỏ cái gì tầm-thường, nhắc đi nhắc lại mãi thành nhàm tai. Mà sự ghét bỏ ấy đi quá mức độ, đến phản lại tự-nhiên bế-tòa nguồn mỹ-cảm.

Cho rằng cái gì cũng là khuôn sáo, ước-định, cho nên Luc mở đầu cuốn phim tình không phải bằng lời thắm-thía nồng-nàn, nhưng không phải để thay thế bằng những lối chinh-phục cao-kỳ hơn, mà để nói thẳng ý muốn trao đổi cảm-giác xác thật. Chao ôi ! thành-thực và tự-nhiên đến như thế. Mà Luc giữ vững lập-trường đến cùng, không bao giờ chàng nói đến yêu-đương cả.

Đó là điều khám-phá mới lạ nhất của Sagan. Mới lạ thật nhưng khó tin được là

có thực hay không. Vì như thế là mặt-sát phụ-nữ. Còn là đàn bà thì còn phải để cho người con trai kính trọng thề-diện và liêm-si mặc dầu biết người ta chỉ nói ngoài cửa miệng.

Có lẽ Sagan để ý nhận xét thanh-niên thấy họ sợ nhàm, sợ khuôn sáo, họ thành-thực và tự-nhiên đến quá mức bình-thường, mà phóng-tác ra một tâm-trạng kỳ khôi như vậy. Luc và Dominique đã trót nói bướng rồi như đứa trẻ tự-ty mặc-cảm cố bướng cho đến cùng. Sau này ta sẽ thấy nàng yếu và đau khổ cũng như một người thương, chính những tình-tiết đó làm cho câu truyện có giá-trị tâm-lý, và cũng giải thích mặc-cảm thời-đại: bề ngoài chống đối lại cái gì xưa nay người đời vẫn thường làm, ở trong vẫn là con người muôn thuở sống với những nguồn rung cảm muôn thuở.

Tôi trộm nghĩ rằng xã-hội Việt-nam, và có lẽ nhiều xã-hội khác chưa thể có được tâm-trạng đó. Trong thâm tâm, mỗi người con gái đều vuốt ve và mong ước một

hình-ảnh lý-tưởng về tình-ái theo quan-niệm thông-thường. Những thăm-kịch về tình không ngoài lý-do một lần hai lỡ quá tin ở lòng thành-thực của nhau.

Còn nhiều đoạn văn tỏ ra họ sợ khuôn sáo. Khi ra đến biển Luc tránh cho Dominique những câu tả cảnh đẹp tình thơ nhàm tai. Luc chỉ nói :

« *Đấy, bên đấy !* » (trang 102).

Không như những cặp tình nhân thông thường, phải nói yêu nhau vài chục lần một ngày. Thấy nhau buồn họ cũng không hỏi :

« *Sao em buồn ?* » (107)

Vì muốn khác thường như thế cho nên họ đóng vai hai đứa trẻ chơi hú tim với ái-tình.



Để phản-đối những hành-vi đạo đức vớ, nhân nghĩa vớ của người đời, họ có một thứ thành-thực tự-nhiên quá quắt đến thành trơ tráo, bất trí, và họ tự đắc với thứ thành thực tự nhiên ấy. Thành thực đến không cần giấu giếm, nói thẳng với một người con gái : « *Đi trao đòt cảm giác xác thật với anh một tuần, sau không được lốt thôi gì nữa !* »

Họ thi nhau dùng nét trí khôn biểu lộ sự thành-thực kỳ khôi đó để thương thức với nhau :

« *Chàng trẻ lắm, dễ sa ngã lắm, tâm địa tốt lắm. Con người ấy đã đề nghị với tôi một cuộc phiêu-lưu tình-ái không có ngày mai. Chàng đã thành thực* » (trg 116)

Và Luc trả lời bằng một giọng ngạo nghễ chửi đời cay độc :

« — *Phải rồi chúng ta thành thực. Đừng hút thuốc thế em, mất vẻ con nhà* ». (ibid)

Muốn bỏ Dominique, Luc không cần mềm dẻo, quanh co, cứ thẳng thắn tuyên bố: « *xin lỗi, không thể được nữa* », không cần dõ lời đi để trốn trách-nhiệm :

« *Chàng cũng không có phản-ứng của người cần-thận và rào trước chắn sau mà bảo tôi :*

« *(Anh đã bảo em trước rồi nhé !)* » (trg 155)

Luc cũng không cần kiêng nói những sự thật không nên nói :

« *Em là con mèo con, trẻ quá không có gì đề chống đỡ mà cũng may mắn không ai nở đánh em. Anh càng được yên dạ.* » (trg 157)

Dominique nhận áo, nhận sự giúp tiền nong của vợ chồng Luc mà không một chút áy náy, e-ngại. Thật là một sự ngây-thơ quá quắt.

Sagan trình-bày sự thành-thực tự-nhiên của họ như những câu nguyên rủa thói đời. Nguyên rủa bởi vì biết bao nhiêu người hành-động có ý-nghĩa như thế mà chỉ khéo che đậy bằng bề ngoài đạo-đức nhân-nghĩa mà thôi. Luc và Dominique đã nói thẳng ý-nghĩ của họ ra đấy. Như vậy thứ mặc-cảm này bộc-lộ sự phản-đối thói quen che đậy tật xấu của một số người không qua được mắt thanh-niên sáng-suốt.

Như vậy muốn lôi kéo thanh-niên về với những quan-niệm của xã-hội người lớn trước hết phải sửa chữa người lớn. Không phải đặt vấn-đề dạy dỗ thanh-niên theo quan-niệm của mình mà đặt vấn-đề tự giác-nhi giác-tha.



Họ có một thành-kiến về xã-hội. Dưới mắt họ đời là một trò hài kịch (tr. 59), một cuộc lừa bịp miên trường (tr. 42), đến nỗi họ nghĩ rằng :

« Nghĩ cho cùng, sống là thu xếp sao cho được thỏa lòng càng nhiều càng hay. Vậy mà cũng đã khó (tr. 21) ».

« Hạnh-phúc chỉ là không có gì phiền hà (tr. 121) ».

Đời thì thế, còn người thì thô bản, dấn dộn trước ái tình, vì thế họ không tán thành những tập tục của mọi người. Sự phản-đối ấy có tính cách tiêu-cực, đó là sự chán ngán, sự mệt mỏi của thanh-niên :

« Có gì đâu, chẳng có cái gì quan-trọng trong cái xã-hội này ». (tr. 38)

« Sau đây anh sẽ bỏ em, về với vợ. Em mất gì ? Em sẽ luyến tiếc anh và đau khổ ư ? Thời đi, thế còn hơn chán chường ngao ngán. Thà rằng vui sướng và đau khổ còn hơn không có gì cả, có phải thế không ? ». (tr. 81)

« Anh không có thì giờ, sức lực và thiện chí. Nếu có thể làm được cái gì thì đã yêu em rồi ». (tr. 156)

Đến cuộc hôn-nhân của Luc, chàng cho là « căn-cứ vào sự mệt mỏi chán ngán, những nền tảng vững chắc mà không lung lay được ». (tr. 157)

Cả câu truyện tình nguyên-tử của họ, họ cũng cho là một việc không quan-trọng, « chẳng có cái gì đáng bấu môi ».

Mặc-cảm này biểu lộ sự thiên lệch của cái nhìn, cũng cùng một căn do xã-hội như mặc-cảm trên. Nó nảy nở trong tâm-trạng những người yếm thế mà thông - minh, tinh-tế.

✱

Dominique là người thụ động, thông-minh, được hấp thụ một mô học thức đề khai triển tự-do cá-nhân và quan-niệm tự-do của đời sống tinh-thần, lại sống giữa những bất mãn triền miên, nên còn có một phản-ứng nửa trước việc đời, là sự bướng-bỉnh của người nhu-nhược mà ta có thể lầm-lộn với người đàn bà cứng rắn. Tâm-hồn cứng rắn liên-lạc với trí kiên-quyết. Dominique không có lấy một dóm kiên-quyết nào, cái cứng rắn mà Luc tặng nàng :

« Em thực là con bé cứng rắn vô-sĩ, anh thích em »

Thực ra chỉ là một trạng-thái mất tự chủ bất-thần, trạng thái bột phát lòng tự-ái, sự tự-phụ, sự khoe khoang để che đậy bản chất nhu-nhược. Có thể rằng đây là kết quả của sự dồn ép tình-cảm. Đọc suốt cuốn truyện lúc nào cũng thấy Luc ngự trị trên đời nàng, xô mũi nàng lồi đi như cừ non, mà cừ non vẫn yên chí là mình làm chủ đời mình.

✱

Sự sống trôi buộc họ vào cái sân khấu bi hài kịch của cuộc đời cho nên họ phải tiếp nhận việc đời với tinh-thần khô-hài và làm theo mọi người như uống rượu, vui nhộn. Tuy họ dự vào mà tâm-thần họ vẫn ở chỗ khác, hay đứng ở ngoài mà quan-sát — điểm này rất quan trọng, vì nó phân biệt họ là hạng thông-minh buồn khác với hạng người nhiều máu, nhiều thịt, dễ sống, ham sống, lăn vào cuộc sống, thỏa mãn với cuộc sống. Hạng này cho là đầy đủ thi vị, không cần một nguồn cảm hứng nào cao hơn mà cũng không biết đến nguồn cảm-hứng nào cao hơn nữa. Như vậy nếp sống phóng-túg của hạng

thanh-niên thông-minh buồn này chỉ là phản ứng của người bất-mãn đối với một xã-hội mà ý-thức cộng-đồng không trả lời đúng với quan-niệm lý-tưởng của họ chứ không phải là cái họ tôn thờ, cái họ thực-tình tha-thiết như nhiều nhà phê-bình đã nói đến.

Tiếp nhận cuộc đời với tinh-thần khôi hài và dự vào việc đời với thái-độ phớt nhẹ đã trở nên một cái gì tựa tựa như cái hào-hoa phong-nhã của thời phong-kiến. Muốn được như thế con người phải thông-minh lanh-lợi, thấy rộng hiểu sâu, có tình-cảm phong-phú, đời sống nội-tâm mãnh-liệt dễ cảm thấy mình cô-đơn mà nung-nấu phong-vị yếm-thế rồi diễn-tả tinh-thần hài hước một cách duyên-dáng.



Nhưng trước ái-tình Dominique vẫn là người đàn bà muôn thuở

Trong khung-cảnh ấy, Luc là người trả lời đúng lý-tưởng của nàng, mà cuộc thỏa-hiệp đề trao đổi cảm-giác xác thật thực ra bắt nguồn từ những tiếng gọi ái-ân muôn thuở. Cái trò hú tìm với ái-tình thực ra là một cách dàn cảnh để người đàn bà đa tình giải tâm-tình thắm-thiết.

Đây là tâm-trạng của một người yêu đương :

« Tôi đã quen với khuôn mặt Luc và những rung cảm chàng đem lại cho tôi hình như do lòng yêu mến, do cái gì cao đẹp mà ra » (trang 32)

« Cứ biết tôi chỉ có thể sẵn-sóc đến tôi, yêu mến tôi nếu Luc yêu tôi, nếu Luc sẵn-sóc đến tôi » (trang 69)

Người đàn bà yêu chỉ trông thấy có người yêu :

« Luc xóa bỏ những đàn ông khác » (trang 119) họ thấy người tình đáng khen đáng phục :

« Mấy lại tôi khen phục chàng, tôi chỉ có thể phục trí thông-minh, tâm hồn vững mạnh, cách nhận-định sự-vật đúng mức, không vị nể mà cũng không khiếm nhã » (trang 111) và thấy yên ổn bên cạnh người yêu :

« Chả bao giờ tôi lại có thể thấy được biệt tịch được yên ổn và muốn nói năng như ở bên mình chàng » (trang 120)

Như vậy nàng bị lôi cuốn vào cuộc phiêu lưu cũng vì đã « Yêu vì nết, trọng vì tài », không có gì trái với một cuộc tình-ái thông-thường cả.

Dominique tỏ ra tình-yêu của nàng trọng tinh-thần và lý-tưởng một cách rõ rệt hơn cả trong cuộc gặp gỡ cuối cùng với Françoise, vợ Luc (trg. 184 — 185) Françoise có ý kiêu-căng si-nhục nàng bằng cách báo cho nàng biết Luc chỉ ham muốn xác thịt son trẻ của nàng mà thôi, chứ Luc coi nàng không đáng giá một đồng. Rồi đôn độc-địa hơn cả làm nàng choáng-váng cơ-hồ té xỉu vì bất-thần Françoise làm đổ vỡ tất cả sự tin-tưởng về tình-yêu của Luc. Nàng tin rằng Luc yêu mà không nói ra.

Lúc chớm men tình, nàng cũng say sưa như người mất hồn :

« Suốt buổi sáng tôi không biết tôi đã làm cái gì. Hàng giờ chỉ có bản-năng sinh-tồn mờ mờ một điều-khẩn hành-động của tôi mà thôi » (trg 88)

Đã có những phút nàng mơ-tưởng một mối tình lý-tưởng toàn vẹn, mơ tưởng những phút cùng ai xa rời thế-sự :

« Những cuộc đi chơi xa có Luc ngồi bên tôi, con đường ban đêm hiện ra trắng xóa dưới đèn pha, tôi tựa vào vai Luc, Luc cầm lái vững trãi chắc chắn, đi nhanh như tên. Những buổi bình-minh ở đồng ruộng, những buổi hoàng-hôn ở bờ biển » (trg 71)

Còn biết bao nhiêu tình tiết tỏ ra nàng đã rung-cảm, yêu đương và đau khổ cũng như muôn ngàn người đàn bà khác. Nhất là trong phần thứ 3, người đàn bà bị vò xé bởi một mối-tình vô vọng được mô tả trong những trang giấy rất cảm-động.

Dưới những ngôn-ngữ cử-chỉ của người đàn bà quái gở như mất hẳn bản chất đàn bà vì mặc-cảm thời-đại, ta thấy hiện-hiện hình-ảnh người đàn bà muôn thuở tìm nguồn sống trong yêu đương, mềm yếu trước ái-tình.

Kết luận

Chúng ta phải tự hỏi : mặc cảm thời đại có không ?

Nhiều người cho rằng tác-giả quá trẻ tuổi chưa lăn lộn nhiều với đời, tầm con mắt giới hạn trong cái xã-hội nhỏ bé quen thuộc mà tác-giả đã sống cho nên tác-phẩm phản-ảnh cái khung-cảnh xã-hội ấy. Và chẳng những nét tâm-lý ấy chưa được phổ-biến, Sagan chỉ tô màu sắc vào những cảm-tình mờ mịt trong trạng-thái tiềm tàng bất nhất.

Nhưng qua sự phân tách trên kia thì một vài điểm của mặc cảm thời đại có thực, chẳng ít thì nhiều bằng bạc trong tâm trạng thanh-niên thời đại.

Không phải chỉ có nước Pháp, châu Âu, châu Mỹ, mới có người như thế. Thế-giới bị lôi cuốn vào vùng ảnh hưởng

của văn-minh Âu Tây, hương-vị đời sống vật-chất đầy đủ hơn, quan-niệm tự do cá nhân, tự do của đời sống tinh-thần gần như phổ-biến, con người ở đâu cũng có ít nhiều nét tâm-trạng thời đại, như ông Hoàng-Thái-Linh đã nói (báo Sáng Tạo số 22).

Ghét bỏ cái gì tầm thường, nhàm, khuôn sáo, coi đời chẳng có cái gì quan trọng, đáng chú ý, chán ngán mà đề vật chất khu sừ, tiếp nhận việc đời với tinh thần khô hời một cách vô ý-thức, đều là những nhận xét xác đáng của Sagan. Lỗi lầm của Sagan chỉ là nhiều khi nói quá đáng, có tính cách phóng-tác. Đấy mới là tiếng còi báo động kéo khí sớm, nhưng chẳng thà sớm còn hơn muộn. Mặt khác, Sagan nhìn đời trong một khung cảnh nhỏ hẹp nên cái nhìn thiên lệch, vì bên cạnh những kiểu người ấy còn có những kiểu người cao đẹp như Đại-tá Watrin của Hanaoux, nhân vật của Romain Garry trong les Racines du ciel, Bác-sĩ Jivago của Pasternak v. v. . .

Dấu sao màu sắc văn-chương ấy cũng phản-ảnh một cạnh khía của tâm-trạng phức-tạp con người thời-đại, cạnh khía phổ-biến hơn cả, và dĩ nhiên các nhà văn yếm thế lấy làm băn khoăn hơn cả

Xã-hội vàng thau lẫn lộn không phải chỉ thời-đại này mới có. Văn-chương thời xưa cho ta biết xã-hội thời nào cũng có lớp người sa-đọa. Con người sa-đọa không phải là một sự trạng mới mẻ, một nét riêng của thời-đại. Nghệ-thuật của các nhà văn yếm thế là làm hiện hiện những hình thức mới của sự sa-đọa.

Qua tác-phẩm của Sagan ta nhận thấy sa đọa của thanh-niên có liên-lạc với những

điều kiện sinh-hoạt vật-chất mới, do khoa-học và kỹ-thuật tạo ra, liên-lạc với những tư-tưởng mới của thời-đại như quan-niệm về tự-do cá - nhân, về tự-do của đời sống tinh - thần, về một vài hình - thức tranh-dấu v.v...

Chúng ta sẽ đặt vấn-đề thanh-niên một cách hẹp hòi nếu ta cho rằng họ sa ngã chỉ vì đời sống vật dục cám dỗ, vì họ lấy dật lạc làm lẽ sống ngoài ra không có lý-tưởng gì hết.

Như vậy chỉ đúng với một số ít, còn người thanh-niên « thông-minh buồn » sẽ cười gằn mà càng thêm lý lẽ đề xếp ta vào loại cô lậu không hiểu nổi họ.

Thanh-niên theo thời theo thế phóng túng trong sự dật lạc chỉ là điều đáng e-ngại ít nhất. Mặc-cảm thời-đại của họ bộc lộ sự phủ nhận sâu xa nền nếp kỷ cương của xã-hội cha anh, sự nổi loạn chống lại những ý thức cộng-đồng mà họ cho là giả tạo. Cái tâm - trạng con người như thế mới đáng e ngại hơn cả.

Nguyên do sự tao loạn ấy ta phải tìm ở chỗ khác, ở ngoài sự cám dỗ của dật lạc vật-chất.

Thanh-niên đã hiểu những quan-niệm tự-do cá-nhân, tự-do của đời sống tinh-thần thế nào ? Lý-tưởng công-bình bác-ái họ học trong sách vở đã bị đời sống miệt thị thế nào ? Hình-thức tranh-dấu không đẹp dễ bề sống còn đã gây những thất bại gì cho những thanh-niên tin tưởng ở sự chân thành chính trực ?

Dư-luận hình như muốn thuận tiện đề quy vào ảnh - hưởng của triết thuyết hiện sinh và những tư-tưởng đồng-loại. Nhưng chính những tư-tưởng ấy cũng là một phản ứng trước sự bất phù hợp của những ý thức cộng-đồng mà người ta vẫn cố giữ vì bó buộc phải như thế. Triết thuyết hiện sinh có thể kích-thích cho mặc-cảm thời-đại chóng thành hình nhưng không phải là nguyên ủy sâu xa.

Vấn - đề là phải tìm ra những ý-thức cộng-đồng thu hút được thanh-niên để làm nguồn cảm hứng cho họ tiêu thụ những ca-lô-ri của họ. Nếu không, sinh-lực tràn trề có thể đưa những con người bất mãn đi rất xa. Chừng đó e rằng bức tranh phóng-tác của Sagan sẽ thành sự thật.

CÔ - LIÊU

- ✧ Người đời thường nhút-nhát và hay nghi-hoặc, gặp kẻ thành-tâm thì lòng họ cởi mở, gặp kẻ cộc-cằn thì lòng họ khép kín.
- ✧ Kẻ lãnh-đạo phải biết chăm lo đến hạnh-phúc, sức-khoẻ và tinh-thần của những người mình có nhiệm-vụ điều-khiển. Song điều cần phải chăm lo hơn hết vẫn là nhân-phẩm của họ. Về phương-diện này, tế-nhị đến đâu vẫn không sợ quá đáng. Chính tiến-bộ xã-hội đã khiến tâm-tình người ta ngày càng tinh-tế và cho người ta cái quyền đòi hỏi kẻ khác không được coi họ mãi mãi là những vị thành-niên.
- ✧ Yêu người mà người không thân thì xét lại lòng nhân của mình đã đầy đủ chưa. (Mạnh-Tử)

TÌM HIỂU NGUỒN GỐC

QUAN-HỌ BẮC-NINH

* NGUYỄN-TIẾN-CHIÊU

QUAN họ là một loại dân ca trữ tình, thường được thanh-niên nam nữ ở mấy tỉnh miền bắc Việt-Nam như Thanh-hóa, Bắc-ninh, Hải-dương... thì nhau hát đề để làm duyên, lấy giải, trong những dịp cưới xin, hội hè, đầu xuân v.v...

Trai gái vùng Bắc-ninh, nhất là trai gái ở mấy làng Nội-duệ, Cầu-vồng, Lũng-giang, Dương-ồ... hát Quan-họ rất hay và nổi danh hơn tất cả các miền khác. Bởi vậy, nên có người đã cho rằng quê hương Quan-họ chắc chắn phải là ở miền này, một miền rất phong-phú về các loại dân-ca Việt-Nam.

Hát Quan-họ có nhiều lẽ lối đặc-biệt, nhiều phong-tục lạ lùng. Người nào muốn hát phải xin gia-nhập một đoàn Quan-họ. Đoàn Quan-họ này gồm có cả nam lẫn nữ và do một người nhiều tuổi, hát thật sành sỏi cầm đầu. Người này thường được gọi là anh Cả hay chị Cả. Còn những người khác thì tùy theo sự nhập đoàn sớm hay muộn, hát giỏi hay hát dở mà xếp thứ tự là anh Hai, anh Ba, anh Tư hay chị Hai, chị Ba,

chị Tư trong gia-đình Quan-họ. Muốn dự hát thi, phải biết đi kết bạn với những người làng khác. Lệ kết bạn Quan-họ tựa như lệ cưới xin ở nhà quê, nam kết bạn với nữ, nữ kết bạn với nam, nhưng khác lệ cưới ở chỗ họ chỉ là bạn Quan-họ với nhau mà thôi, chứ không phải là vợ chồng.

Thường thường, một người con trai muốn kết bạn Quan-họ với một người con gái, phải nhân ngày có hội ở làng người con gái, đoàn Quan-họ nhà trai mang trầu cau và đồ lễ đến đình thần đề ra mắt qua viên làng Quan-họ nhà gái. Người đại-diện tỏ lời xin kết bạn, hai bên cùng làm lễ, đốt pháo và ăn uống linh-đình. Như vậy là phụ-huynh ở làng này đã công-nhận đoàn Quan-họ nhà trai là bạn với con em làng mình. Sau đó, đoàn Quan-họ nhà gái cũng phải đến ra mắt và làm lễ ở đình thần làng Quan-họ nhà trai. Cũng đốt pháo, chè chén linh-đình như ngày cưới, rồi quay ra hát Quan-họ với nhau suốt đêm hôm đó.

Khi tan đám, họ hẹn sẽ gặp nhau để hát trong một dịp khác, rồi cứ tiếp tục

đi hát với nhau mãi mãi, hết năm này qua năm khác, mặc dầu cho trong bọn có người lập gia-đình.

Quan-họ có rất nhiều xoang điệu khác nhau, ước chừng độ vài trăm điệu chính, không kể những điệu phụ là những điệu lai hát chèo, chầu văn, ả đào, hát lý... mà ta gọi là những điệu « Quan-họ hoa ». Bởi vậy, biết hát Quan-họ là một điều khó khăn. Người đi hát phải có một giọng hát thật tốt, phải tập từ hồi nhỏ tuổi, phải mất nhiều công-phụ để luyện giọng và phải thuộc cho đủ điệu khi hát giải. Nhưng cần nhất là phải có tài ứng đối, sáng tác ra những giọng điệu mới lạ khi cần thiết để áp đảo đối-phương. Và cũng như khi hát ví, hát đúm, người hát Quan-họ không cần phải có một nhạc khí nào khác phụ họa ngoài giọng ca chính của người hát « dẫn » và giọng ca phụ của người hát « luồn ».

Những bài hát Quan-họ nghe rất êm tai và hấp dẫn. Một nữ danh ca ngoại-quốc, nhân dịp sang Việt-nam, được nghe trai gái các nơi kéo nhau về thi hát Quan-họ trong ngày hội Lim, đã cố công học cho bằng được bài « Qua cầu gió bay » bằng tiếng Việt-nam. Hơn nữa, đã có lần bà ta mặc áo dài tứ thân, quần lĩnh đen, chít khăn mỏ quạ đi lên sân khấu trình bày bản nhạc đó với một vẻ hãnh diện trước mặt đông đảo khán-giả Việt-nam và ngoại-quốc.

Một nhạc-sĩ ngoại-quốc khác, sau khi được dự buổi trình-diễn những bài hát Quan-họ của một số nghệ-sĩ địa-phương, nhất là bài « Trống cơm » (một bài Quan-họ rất phổ-biến ở Bắc-ninh, rất điền hình về nhạc cũng như về lời), đã hết sức

ngạc nhiên khi người ta giới thiệu với Ông đây là những điệu dân ca thuần-túy của đồng quê Việt-nam. Ông lắc đầu thán phục :

« Các bạn có những điệu hát cò-truyền phong-phú, súc tích và « Việt-nam tính » vô cùng. Đất nước các bạn đã có những bông hoa quý báu nở trong khu rừng âm-nhạc. Được nghe nó, thường thức nó rồi thì có lẽ tất cả những người ngoại-quốc không còn ai dám quên một điều này : Trong lĩnh-vực âm-nhạc thế-giới, còn có tiếng nói của một dân-tộc, đó là nhạc ngữ của dân-tộc Việt-nam ».

Nói như vậy thiết tưởng cũng không phải là quá đáng, nếu ta được nghe một buổi thi hát của những nghệ-sĩ Quan-họ ở miền quê Bắc-ninh.

Âm-diệu Quan-họ, rất đặc biệt ở chỗ không bị ảnh-hưởng nhạc Trung-hoa hay nhạc Chiêm - thành như một số cò-diệu Việt - nam khác, và khi hát lên, ta có thể tưởng - tượng được tính - chất thuần - túy Việt - nam của nó rất rõ ràng. Bởi vậy, nó đã hấp dẫn một số nhạc-sĩ và các nhà khảo-nhạc lặn lội về những làng mạc hẻo lánh ở Bắc - ninh để tìm hiểu, sưu-tầm những ca điệu rất cũ mà lại rất mới lạ này.

Nhưng công việc nghiên - cứu đã gặp nhiều khó khăn. Chỉ nguyên một việc đi tìm nguồn-gốc Quan-họ không thôi, Quan-họ do ai đặt ra, xuất hiện từ bao giờ, mà cũng đã nảy ra hàng bao nhiêu ức thuyết khác nhau, đôi khi tương phản hẳn nhau, làm cho người sưu-tầm không biết dựa vào đâu mà phỏng đoán, kết-luận. Đó là chưa nói đến việc sưu-tầm đầy đủ những điệu hát, tìm gốc tích rõ ràng của từng điệu, do ai sáng-tác, sáng-tác trong thời-gian nào,

hoàn cảnh nào, san định những bài hát Quan-họ còn lưu truyền thành một hệ-thống hẳn hoi... là những việc mà đối với chúng ta, trong hiện thời, tưởng như không thể nào làm cho chu đáo được.

Vì rằng, cũng như hầu hết những điệu hát dân gian khác, Quan-họ không phải là sáng-tác riêng của một người nào, mà nó là kết-tinh của sự sáng-tạo của hàng bao nhiêu lớp nghệ-sĩ vô danh trong nhiều thế-kỷ đã qua, nó là những sáng tác-phẩm đặc-biệt của dân-tộc còn được lưu truyền lại đến nay.

Người xưa, trong những dịp thuận-tiện, đã đặt ra một điệu mới, điệu hát này xứng hợp với tâm-lý của lớp người đương-thời nên được phổ-biến rộng rãi. Về sau, có những người khác nữa phỏng theo, dặm thêm tình-tiết, thay đổi ý nhạc lời ca cho vừa ý mình. Cứ tuần tự như vậy, Quan-họ luân-lưu từ miền này qua miền khác, đến đâu thì thích nghi ngay với âm-điệu, thổ-ngữ nơi đó, càng ngày càng phát-triển, càng ngày càng làm giàu có cho cái vốn nhạc điệu riêng biệt của mình mà tồn-tại với thời-gian.

Nhưng vì đã xuất-hiện quá lâu trong lịch-sử, và chỉ là một môn giải-trí của tầng lớp bình-dân, không thích-hợp với những bậc vua chúa quyền quý trong xã-hội, nên các học-giả thời xưa đã bỏ qua, không hề ghi lại trong sử sách một chút tài-liệu nào về gốc-gác của nghệ-thuật này. Hơn nữa, do tính-cách truyền khẩu bất nhất, sự tập luyện lại đòi hỏi nhiều công-phu, từ đầu thế-kỷ thứ 20 trở đi, làn-sóng âm-nhạc Tây-phương lan tràn vào trong xã-hội ta, lấn át cả những nghệ-thuật ca-xướng địa-phương, rồi tiếp đến hơn 10 năm loạn-lạc, xã-hội hoàn-toàn bị đảo lộn, phong-tục bị thay đổi,

lớp người cũ cứ dần-dần mai một đi trong khi lớp người mới không có mấy ai chịu kế-tiếp nên số điệu hát được lưu-truyền đã bị chìm dần vào với thời-gian. Ảnh-hưởng bởi những điều đó, Quan-họ hầu như sắp bị lãng quên hoàn-toàn trong lịch-sử âm-nhạc của thời-đại chúng ta.

Bởi vậy, công việc tìm hiểu và khai-thác Quan-họ đã trở nên cần-thiết. Nhiệm-vụ của chúng ta, hiện nay, là làm sao cho cái di-sản quý-báu đó đừng mất đi, để khỏi phụ công ơn đối với hàng bao thế-hệ, hàng bao nhiêu lớp người xưa đã cố công gây dựng và gìn giữ nó trong hàng ngàn năm qua. Tuy rằng công việc có rất nhiều khó khăn và những tài-liệu mà chúng ta thu được hiện nay rất hiếm hoi, không thể căn-cứ hoàn-toàn vào đó để giải-thích nguồn-gốc Quan-họ một cách rõ ràng đầy đủ, nhưng ít ra nó cũng có thể giúp ta phần nào trong việc mở một con đường để tiến tới. Nói như thế, chúng tôi muốn tỏ ý rằng, muốn giải-thích thấu đáo nguồn-gốc của vấn-đề này, chúng ta phải có thật đầy đủ tài-liệu chính xác về lịch-sử, xã-hội, ngôn-ngữ và âm-nhạc trong nhiều thời-đại đã qua, nhưng trong khi đó, chúng tôi chỉ mới tìm được một số ít ỏi tài-liệu sau đây, cho nên, ý-kiến của chúng tôi, nếu có, cũng chỉ là một sự phỏng đoán sơ sài, một ý-kiến hoàn-toàn cá-nhân mà thôi.

Trong số tới, chúng tôi sẽ xin lần lượt trình bày với quý bạn những ức-thuyết đã có sẵn trong một số sách vở hoặc những tài-liệu do chính chúng tôi thu lượm được trong dịp ở Bắc-ninh để tìm hiểu về nguồn-gốc Quan-họ.

KỶ TỚI . Những ức-thuyết, tài-liệu về nguồn-gốc Quan-họ.

NGUYỄN-TIẾN-CHIÊU

ĐIỂM SÁCH

NGUYỄN-VĂN-XUÂN



VĂN-học tiền bán thế-kỷ XIX, thời-kỳ 1930-1945 kết-thúc bằng ba tác-phẩm: *Bướm-trắng* của Nhất-Linh, *Vang-bóng một thời* của Nguyễn-Tuân và *Mây* của Vũ-Hoàng-Chương. Một quyển truyện

dài, một tập vừa tùy-bút vừa truyện ngắn và một thi-phẩm. Cả ba cùng muốn dùng kỹ-thuật mới nhất, tinh-tế nhất để diễn đạt những lối sinh-hoạt, suy-tư, rung cảm phức tạp mà văn thơ Việt-Nam trong giai-đoạn ấy chưa có quyền nào đạt đến.

Tập *Mây* của Vũ-Hoàng-Chương đã được giới trí-thức, nhất là bạn làng văn đặc biệt lưu-ý. Và mặc dầu có một số người hết sức công-kích nội-dung mà họ cho là sa-ngã, truy-lạc của nó, hình như không ai không công nhận kỹ-thuật uyên-chuyên vững chắc của tác-giả.

Thời thế đổi thay. Chiến tranh bùng nổ. Vũ quân có cho ra tập *Rừng-Phong*, một

Thi-phẩm : Hoa-Đăng

Tác-giả : Vũ-Hoàng-Chương

Nhà xuất-bản : Văn-hữu Á-Châu



thi-phẩm khác. Tôi chưa được đọc tập này, song tôi không tha-thiết đi tìm. Vì tôi nghĩ ông đã viết nó trong một thời-kỳ tâm-hồn bất an. Những đại tác-phẩm — dù phản-ảnh chiến-tranh — phần nhiều chỉ xuất-hiện thời bình. Cứ xem một tập bản kê tên sách rất công-phu, hằng mấy trăm trang của một văn hào Pháp về các tác-phẩm in trong thời-kỳ đại-chiến 1914-1918 ta thấy rõ điều này. Năm năm qua, một thi-sĩ có thể có sự bình-tĩnh để nhìn thời cuộc, nhân-thế hay tâm-tư mình. « Hoa đăng » có đủ thuận-tiện để ra đời, để gây một tiếng vang chẳng ? Nhất là vào giữa thời-kỳ mà các tác-phẩm văn-ngệ đang ở trong thế cờ bị chiếu tướng ?



Cảm tưởng đầu tiên

Tập sách bìa và nền của thi-sĩ Đinh-Hùng. Người ta ít ai giỏi cả mặt thơ lẫn họa nên chúng ta có thể thấy ngay là họa-phẩm ngoài bìa cũng như họa-phẩm làm nền có những gì để ghi kỷ-niệm của hai thi-nhân đối với nhau hơn là trình-bày các tác-phẩm mỹ-thuật.

Tập thơ bắt đầu bằng hai câu thơ rút trong bài « Tuổi xanh » để thay vài lời tựa:

Anh vẫn còn thơ về giáng bút

Em còn hoa đủ kết hoa dâng.

Và kết thúc toàn tập bằng hai câu :

*Hoa Đăng thi - phẩm Vũ - Hoàng -
Chương,*

Năm chục đề thơ chín chục trương.

Hai câu thay lời tựa (ý thế) thì trong sự tự phụ đáng yêu của thi-nhân (giáng bút) đã có tinh-thần uể oải của chàng và cả nàng trong hai chữ còn. Và hai câu kết thì đã muốn biểu lộ cái tài tình — không phải của thi-sĩ — mà của nhà quảng cáo lãnh nghề.

Thi-phẩm mới có gì ?

Nhưng đó chỉ là vài tiêu-tiết không đáng kể. Tập thơ của một thi-sĩ có thực tài như Vũ-Hoàng-Chương đòi hỏi người đọc, nhất là người phê-bình phải xét kỹ trên nhiều phương diện.

Ta có thể thấy *Hoa-Đăng* gồm có hai loại thơ. Mặt tâm tình ta quen gặp và những bài khác, theo một thể-tài ít thấy trong thi-ca Việt-Nam : thể-tài hùng-tráng. Nghĩa là, bên cạnh những cái đề rất « Vũ-Hoàng-Chương » như *Mộng dao dài, Ý giao duyên, Đá ngủ bên thềm*, chúng ta còn gặp những cái tên mới lạ, mạnh mẽ : *Bài ca Bình-Bắc, Giờ đã điem...*

Do lẽ ấy, ta thử xét theo từng mặt đề có thể thấy chung con người của thi-sĩ.

Về mặt tình-cảm, Vũ-Hoàng-Chương còn có thể cho ta nhiều câu thơ đẹp, trau chuốt. Ngay trong bài đầu, bài « *Nhịp trúc mùa Thơ* », ta có thể gặp nhiều câu không dễ mấy ai làm được :

Hoa mai nở tuyết đầu khe suối

Làn sóng kỳ hương nhập ánh trăng.

hay

Từ phen trái Đất ra đi.

Lệ chia phôi đã xanh rì trùng dương.

Lời thơ nhiều chỗ còn quá dễ dàng, nhẹ nhàng với kỹ-thuật dùng chữ bất ngờ và hết sức điêu-luyện :

Sực tỉnh trông ra ngoài giấc mộng

Hãy còn run rẩy ánh trăng xuống.

Xuân Thanh-bình.

Hoa gieo ánh-sáng ngập tinh-cầu.

Bút vẽ thành thơ giấc mộng đầu

Nắng rộng mưa dài thu một nét

Không-gian còn lại có bề sâu.

Tuổi xanh.

Tình-cảm nhiều lúc muốn theo kịp sự tiến-bộ của thời-đại, nên lời thơ chứa đựng những danh-từ khoa-học một cách tài-tình, nói cách khác đã thi-vị hóa những danh-từ này :

Đại lục buồn soi bóng đại-dương

Cỏ hoa rừng đảo úa dần hương

Cũng như trái đất khô dần nhựa.

Còn, chỉ còn dư vị chán-chường.

.

Trên đà tốc-độ siêu-quang ốy

Một chuyến đặng trình, một hóa thân.

Này lúc vèo qua hệ Thái-dương

Ném sau ngàn đốm lửa kim cương

Mạn phi thuyền cháy lên rừng rực

Ta gõ mà ca : thiên nhất phương

(Đăng-Trình)

Nội dung các bài này không khác mấy với những bài ta vẫn gặp ở tác-giả. Ngay

đề thơ cũng đã có thể cho ta một ý nghĩ về tứ thơ : *Tâm sự một người, Tâm sự phổ phòng, Xa gửi người xưa, Mây suốt về đâu, Mộng vẫn còn.* Tâm-tình trong những bài này cũng không khác gì cái tâm-tình ta được gặp trước đây mười mấy năm, và tất nhiên không thắm thía bằng. Tôi thử trích mấy câu có thể tiêu-biểu cho từng ấy ý thơ :

*Trời một phương ai tỏ thức hồng ?
Ngọn đèn ai quạnh, lửa nhàu bông !
Mưa vầy tám nẻo từ chân bướm,
Mà gió xoay chiều loạn núi sông...*

Về kỹ-thuật thì cũng vẫn kỹ-thuật cũ, song không điêu-luyện bằng và sự tinh-xảo, sự trau-chuốt đã để lộ bàn tay vụng về của tác-giả. Khi thơ nhiều chỗ như gượng gạo để có sự nhanh nhẹn, sự hối hả nhưng rồi lại rơi tất cả vào chậm rãi, trễ tràng.

Sự thật, những câu thơ tôi thích ở phần trên không phải bất cứ chỗ nào cũng thấy — điều mà ta có thể thấy bất cứ chỗ nào trong tập « *Mây* ». Ở đây, nội dung đã không mới, mà câu thơ cũng không được mười lần gọt giũa như thói quen của Vũ-Quân — hay trái lại, dẫu có mười lần gọt giũa cũng chỉ để cốt thu lượm những danh-từ cho lạ, cho kêu, những hình ảnh đã thành ước-lệ, những cú-pháp cho êm tai, hơn là những tình-cảm đặc-sắc, rung động chân thật, ý tứ tân kỳ. Đoạn thơ trích sau đây sẽ cho ta thấy sự trễ-nại, triền-miên trong dễ-dãi :

*Tình thôi gốt lệ dầm hoen
Tiệc tan bèo nước sâu lên hôn hoàng.
Trơ vơ một đảo hồng hoang
Chiếu cảm màu biên trường long sắc trời.*

*Quanh mình phấn rụng hương rơi
Cành phiêu-lưu chợt rã rời bướm hoa,
Tiếng cầm chưa dứt dư ba
Nao nao nguồn máu lời ca vọng về
Rối tung hai mái tóc thề
Mây trời cỏ đất lê thê bóng chiều*

Lời thơ như thế quả thật không hiếm trong suốt tập « *Hoa Đắng* ». Không dở, không hay, đều đều lê thê như một buổi chiều xưa cũ...



Về loại thơ mà tôi tạm gọi hùng tráng chiếm phần quan-trọng nhất trong toàn tập thơ mà ngay về hơi thơ, tác-giả cũng muốn nó dài hơn những bài thơ tâm tình khác. « *Bài ca Bình Bắc* » dài một trăm câu ; bài *Giờ đã điem* chiếm bốn trang ; bài *Trả ta sông núi* chiếm hẳn bảy trang trong tổng số chín mươi trang giấy !

Đề tài hùng tráng của ông gắn liền với những hoạt-động của các anh hùng Dân-tộc. *Bài ca Bình Bắc* dành riêng cho Nguyễn-Huệ. *Trả ta sông núi* vẽ lại sức tranh-đấu 4000 năm lịch-sử qua các thời-dại. *Giờ đã điem* kêu gọi mọi người đứng dậy dành tự-do. Và cũng như hầu hết các nhà thơ người Hà-nội, ông cũng có bài *Nhớ Thăng-long*... Ngoài ra, còn những bài ngắn hơn, và rất ngắn viết theo thể tứ tuyệt hay thất ngôn bát cú và nhiều bài bằng hán-văn luật Đường.

Những bài thơ dài hơi của thi-sĩ có nhiều đoạn gây được sự sáng khoái vì ý lạ :

*Người cắt bước, cả non sông một dải
Vươn mình theo... Dải hoành-sơn mẽ
Chạy dọc lên, thông cảm ý ngang tàng.*

*Cũng chồm dậy đáp lời hô vĩ đại,
Chín con rồng bơi ngược Cửu-long-
giang.*

Đó là bước của người anh hùng áo vải. Trong bài giờ đã điềm, ông minh-dịnh rõ lập-trường tranh đấu của con người thời-dại mới !

*Chúng ta nguyện noi dấu bậc đàn anh
Chẳng mơ chuyện nền vương nghiệp
Đế.*

*Mà hạnh-phúc toàn-dân, tự-do toàn-
thê,*

*Mà giá trị con người tương-lai hậu thế,
Đời bảo vệ*

Giục đua tranh.

Đồng tâm dựng một bức thành

Gió tung bay đã non Hoàn rồi kia !

Ý-niệm và danh-từ Dân-chủ, Tự-do rất khó dùng, vì dễ đi vào chánh-trị, vào nghị-luận. Nhưng Vũ-quân vẫn dùng rất tài tình :

*Triều Đế, triều Vương đã rụng dần
Khi thiêng Hồng-lạc này triều Dân.
Xôn xao từng búp vươn từng nhánh,
Điềm tự-do về, lá hiện thân.*

Giọng ông nhiều lúc trở nên quyết liệt, khi ông nhận thấy con người chỉ có một con đường phải đi tới đâu phải đổ máu rơi đầu. Bởi vì mất nó, con người sẽ cam chịu nô-lệ mãi mãi :

*Kỷ nguyên đã hé nụ cười tươi
Trước mặt người và tổ-quốc người
Quyền nước, quyền dân, quyền trọn vẹn
Phải về tay đó hỡi con người,*

Lối thơ « hùng tráng » của ông không phải mới xuất-hiện. Kể từ sau chính biến 1945, người ta đã thấy rải-rác đây đó có đăng một vài bài của ông. Nhưng lúc ấy ông chưa có một quan-niệm rõ rệt về

đường lối mà chỉ phát-biểu sự hân-hoan vì có những công cuộc thay đổi quan-trọng trong một cuộc thế đen tối. Với những bài thơ mới trong *Hoa Đăng*, ông không chỉ bày tỏ sự hăng-hái nhiệt-thành, mà ông còn bày tỏ cả cái quan-niệm về đường lối : chiến-đấu cho tự-do, dân-chủ là cái lẽ sống duy-nhất của người dân Việt hiện tại.

Quả thật, mười lăm năm trước đọc « *Mây* » có ai dám nghĩ là có ngày Vũ-quân sẽ đề cập đến loại thơ này ! Đối với loại tâm-tình, ông đã nhất-quyết gạt bỏ thứ thơ bê-tha, truy-lạc đã là một điều tất phải quá khó khăn, đã thế mà ông còn dám đi vào con đường lành mạnh, hào hùng thì thật ở ngoài sự dự-tưởng của chúng ta.

Tuy nhiên, thiện-chí của con người ít khi đi đôi với kết-quả, nhất là ở trong một thời-kỳ mà *tất cả đều phải bắt đầu lại* ! Nếu loại thơ tâm-tình của ông thất bại thì loại hùng-tráng vẫn chưa thành-công đối với một cây bút mà tự ông không giấu rằng bạn hữu từng khen « ấy văn trời ». Trong tất cả những bài thơ « hùng-tráng » này thì những bài dài có không biết bao nhiêu câu thừa, ý sáo, một hình-ảnh ước-lệ, đọc lên rất khó nghe !

*Nghe từng trang lịch-sử thét (1) từng
trang.*

Một phút oai-thần dậy sấm

Tan vĩa cường-bang

..... (Bài ca Bình-Bắc)

*Người ra Bắc, oai - thanh mờ nhạt
nguyệt*

Khi thế kia làm rung-động càn-khôn.

Lệnh ban xuống lời lời tâm huyết.

..... (Bài ca Bình-Bắc)

(1) Người phê-bình cho in đậm.

*Thì nghiệp lớn vẻ-vang
Thì mộng lớn huy-hoàng
Vẫn ngàn thu còn mãi...*

(Bài ca Bình-Bắc)

Tôi không có ý trích trong nhiều bài, mà chỉ trích trong riêng « Bài ca Bình-Bắc (2) » cả ba đoạn để thấy sự dễ-dãi quá-dáng của tác-giả ở rất nhiều bài khác nữa. Ngoài loại thơ này, còn nhiều bài Đường thi bằng chữ Hán dịch sang tiếng Việt hoặc bằng tiếng Việt. Tôi không nói những bài Hán-tự mà chỉ nói về những bài tiếng Việt dịch. Trước hết, ta phải thấy Vũ-quân đã từng mở ra lối thơ ở thất-ngôn bát-cú không đối, có một « phong-vị » rất Á-đông mà vẫn diễn-tả được những tình-cảm sâu-sắc. Ai quên được những câu :

*Ngoài ba mươi tuổi duyên còn hết,
Một ván cờ thua, ngã bóng chiều.*

Thế mà nay, ông tự trút bỏ sự khám phá của mình để làm những câu :

*Chén vàng dâu đỏ lìa trăng xuống,
Gót ngọc này đây vượt sóng lên*

(Thủy-Tiên)

*Thương chồng thương chị cùng đau đau
Lo nước lo đời há dừng dừng.*

(Vịnh hai bà Trưng)

Thiết tưởng đó không phải những câu « giáng bút » theo cái nghĩa của thiên-tài, mà chỉ theo cái nghĩa hiện rất thịnh hành của một... đạo-giáo nào.



Những mâu-thuẫn trong cái tài
và trong sự tiến-bộ

Một thiên-tài như Vũ-Hoàng-Chương,
tác-giả tập « Mây », bỗng có thiện - chí

(2) In ngay từ những trang đầu sách.

khả-kính thay đổi tình-cảm, tư-tưởng để làm những bài thơ phù-hợp với Thời Đại Mới, tại sao vẫn chưa thành công ?

Xét nội-dung, tâm-tình Vũ-quân xưa, về mặt xã-hội, có những nhược-diểm như phóng - túng, truy-lạc, bê-tha... Vũ-quân không giấu cảnh « Đời tàn trong ngõ hẹp », cảnh nghiệm ngập « Tìm em nơi gác tối », cảnh chơi bời « Bốn tường gương diên đảo bóng giạt-nhân », cảnh mà trời đất với người như cùng thi nhau chặn bước sống con người : « Thuở chưa có ta hề đường đi thênh thênh — chợt tới khi có ta hề, chông gai mộng mệnh (1) »... Nhưng tất cả cảnh đó, người ta hiểu không phải thi-sĩ đang chỉ nhận cho mình mà ông còn mang hộ cho cả một thế-hệ, cái thế-hệ còn đủ lương-tâm, đủ sinh-lực, đủ tài-năng để hoạt-động, nhưng đành thúc-thủ, trong một quốc-gia nô-lệ. Bởi vì họ sợ cảnh tù tội nên không dám làm chính-trị, nhưng họ không muốn tự thấy hèn nên phải tiến đến những « nàng tiên má hồng nâu, giúp đôi cánh biếc dâng sầu lên kheo » và họ cho đó là cái gì cao-quí, cái gì hư-vô, cái gì có thể giải thoát tâm-hồn con người. Nếu tập « Mây » có tác-dụng độc, hại, phần nào vì lan-tràn cái ảnh-hưởng không hay của nó khiến nhiều thanh-niên lấy đó làm điều để ăn chơi truy-lạc thì, trái lại, nó đã đánh dấu tâm-hồn một thế-hệ, sự thực đau thương của một thời-đại và làm cho con người giạt mình khi phải nhìn thấy sự lụn-bại của tư-tưởng vô-dịnh hướng bày ra một cách chán-chường. Đồng thời, mặt khác, nó làm cho những

(1) Những câu thơ trích trong « Mây » tôi chỉ viết theo trí nhớ vì tôi không thấy lại quyển ấy từ hồi chiến-tranh đến giờ. Vậy nếu có chỗ nào sai, xin nhờ các độc-giả bổ chính cho.

người yêu tiếng Việt được thấy sự trưởng thành của tiếng mẹ trong việc diễn-dạt những tư-tưởng siêu-hình, tình-cảm phức-tạp, tinh-tế một cách chuẩn-xác tài-tình. Trước Vũ-Hoàng-Chương cũng có vài ba người (đây tôi nói trong phạm-vi thơ mới) đã khởi sự, nhưng trong địa-hạt này, ông mới thật là người đặt những viên đá căn-bản và khoa-học nhất. Ngoài ra, tập *Mây* còn có giá-trị ở chỗ cho nhiều thi-sĩ khác thấy rõ sự trau chuốt kỹ-lưỡng phần lớn không có hại cho nội-dung bài thơ, trái lại, chỉ làm cho tình-tứ phong-phú hơn lên.

Tập *Hoa-dăng*, về mặt tâm-tình, Vũ quân có tiến-bộ hơn nhiều. Ông không nói ra, nhưng ta biết ông chấp-nhận nguyên-tắc « thời-đại mới, văn-học mới ». Những đề-tài của ông tuy vẫn phảng-phất những chuyện cũ ngày xưa, thật ra đã mang một nội-dung tươi sáng hơn nhiều: *Tiến bạn*, *Tình si phố cũ*, *Ý đàn*, *Nhạc thái hòa...* Lời thơ cũng trở nên giản-dị, nhẹ-nhàng hơn những lời cồng-kính thâm-trầm đầy rung-cảm độ nào. Nói thế, người tinh ý cũng đoán thấy thơ ông, về mặt tâm-tình ngày nay không có gì đáng kể. Và nói thế, sẽ có người cho là tại thi-sĩ họ Vũ không chịu làm những bài truy-lạc, bê-tha, say-cuồng, nó mới là cái « bản-chất thật » của ông. Tôi công nhận Vũ-quân là người có nhiều lương-tâm, có tấm lòng khảng-khái vì ông nhất-quyết đoạn-tuyệt dĩ-vãng. Nhưng tôi cũng quả-quyết nếu ông làm lại, ông cũng sẽ thất-bại mà thôi. Bởi cái « hoàn-cảnh vĩ-đại » của bê-tha, truy-lạc, rền-rĩ chán-chường đã mất. Thời-đại đổi thay, thi-sĩ đã có những niềm thắc-mắc mới lớn lao, mạnh mẽ, nó không cho ông có quyền hoàn-toàn đắm mình trong truy-lạc mà tận hưởng nó,

rền-rĩ cùng nó để rồi gởi niềm xôn-xao rung-động chân-thành đó vào thơ. « Có đau, có rền » đó là chân-lý muôn đời. Cũng trên nguyên-lý ấy, ngày nay ông không đau tất ông không thể rền một cách tự-nhiên, thành-thật. Vậy bảo ông rền-rĩ, xót-xa ngày nay không phải là bảo ông trở lại « bản-ngã », « cái ta » thật, mà chính là đẩy ông xa lìa sự thật, hiện-tại, bản-ngã hiện-thời. Cái điều khiến ông thất-bại trong mặt tâm-tình, chính vì ông không quá tha-thiết với những mối tình mà ông diễn-tả. Ông không rung-động bằng cảm-giác tự-nhiên, không làm sống lại những tình-cảm sâu-xa, tha-thiết. Nói cách khác, hình như ông không còn những tình-cảm, cảm-giác sâu-xa, tha-thiết thật, mà chỉ còn những ảo-tưởng quen thuộc về nó mà thôi. Người ta có cảm-tưởng ông rất bằng lòng với đời sống hiện-tại và niềm thương yêu, đau xót phần lớn chỉ còn là trang-sức tinh-thần. Về mặt hình-thức, người ta càng thấy rõ việc này. Ông chỉ dùng đa-số từ-ngữ, hình-ảnh, cú-điệu quen thuộc, ước-lệ diễn-dạt tâm-tình. Ông không biết tự ông đang đi vào khuôn sáo của chính thiên-tài ông đặt ra. Sự thật là thế ! Một nhà văn có chân-tài, có riêng một bút-pháp đặc-biệt của họ với kho từ-ngữ, hình-ảnh của họ. Thế nhưng nếu họ không « nhật-nhật tân-hóa » cái bút-pháp kia, trở lại mãi cái văn phong đã « cầu chứng tại tòa » là họ bị độc-giả rất dễ mất ảo-tưởng về sức sáng-tạo của thiên-tài của họ ! Mà ở thi-nhân, mất sức sáng-tạo liên-tục là mất tất cả !

Về phần hùng-tráng, ông ít thành-công (chứ không hẳn thất bại) là cũng vì những lý-do ông chưa chặt đứt con người cũ,

văn-phong cũ dễ phù-hợp với hùng-khí mà thời-đại áp-ủ. Nói một cách khác, Vũ-quân rất muốn tiến-bộ, nhưng ông chỉ chịu tiến vừa vừa... như hầu hết những người đứng tuổi. Ông không đi tiên-phong, không can-đảm dẫn bước vào con đường chật hẹp này, không tự nung nấu mình trong những tình-cảm mới, dẫn thân mình vào hoạt-động hùng-tráng, như xưa kia ông đã từng dám bán rẻ hết cho Bê-tha, Đau khổ. Cái phần hùng-tráng nơi ông hoàn-toàn thuộc lý-trí, một thứ lý-trí bị hạn chế, đã thể óc tưởng-tượng cũng thiếu phong-phú, thành ra thơ không có bao nhiêu khám phá mới mẻ. Đây, tôi thử so-sánh ba đoạn thơ thuộc thể hùng-tráng của ta, qua các thời-kỳ văn-học để thấy rõ.

*Rút gươm chém án, ngâm thiên ca rằng :
— Làm trai cho đáng chí trai,
Trong trần ai, chớ lụy ai tâm thường.*
(Thế-kỷ XVIII)

*Ba thước gươm một cổ nhung yên
Xông pha gió bãi trắng ngàn
Tên reo đầu ngựa, gláo lan mặt thành.*
(Chinh phụ ngâm)

*Rằng : Từ là dấng anh hùng
Dọc ngang trời rộng vẫy vùng bề khơi
Tin tôi nên quá nghe lời
Đem thân bách chiến làm tôi Triều-đình
Ngõ rằng phu quý phụ vinh
Ai ngờ một phút tan tành thịt xương
Năm năm trời bề ngang tàng
Đem mình đi bỏ chiến tràng như không.*
(Truyện kiều)

*Ót ! bầu mệnh mông chuyền động tiếng
loa gầm,
Tiếng gươm ca, tiếng trống hò, tiếng
ngựa hí !*

*Binh Nam Quốc như hải triều kêu
hãnh,
Sẽ cuốn theo, cùng cát phủ, cùng mây
nhanh, cùng gió mạnh,
Đổng Man-Di rất rắc nút non Hời !
Rồi bóng kìa rợp mát bốn phương
giời,
Như thác nước cao văng thân ví đạt.
Quán xông-xáo tới bên bờ Thiên-trúc
hải...
Huy-Thông*

*Giờ điem rồi đây hỡi tuột xanh !
Có nghe nét chữ rêu tung hoành ?
Có nghe giòng mực sôi trang giấy
Nhịp bốn ngàn thu sử đấu tranh.*
Vũ-Hoàng-Chương

Theo một bài tường thuật trên tờ nhật-báo nọ thì đây là những câu thử thách của ông. Song cho dầu bốn câu này hay bất kỳ đoạn nào đã trích ở phần trên, ta cũng có thể thấy ông không mới hơn nhà thơ đồng thời (Huy-Thông) mà hùng khí và tình ý không mạnh, không thật bằng của các thế-kỷ đã qua.

Tất cả nhược điem trên mà có là vì ông hết giữ vai trò tiên phong. Trước, ông dám tiên phong nhất trong sự lột trần nỗi đau khổ của một lớp người thời-đại, cho nên lời thơ ông thấm-thía đến tâm-can khiến người ta cũng theo ông tìm lối thoát trong « miếu nguyệt, vườn sương » hay chỗ « mười lăm nhà riêng chiếm một thiên thai ». Còn bây giờ về trữ-tình, tình cảm, ông chỉ khéo lặp lại phần nào những tình ý cũ. Còn hùng-tráng của ông là hùng-tráng Hình-Thức, ông chỉ tiếc thương các thế-kỷ huy-hoàng, kể-lễ lại nó hơn là dùng tưởng-tượng thể-hiện lại. Về những tư-tưởng Tự-Do, ông chỉ là người kêu gọi theo lối kêu gọi

suông. Ông không sực-sạo, rung-động, gây những tình-cảm lớn lao phát-xuất ra từ nó, từ sự tranh-đấu và bảo-vệ cho nó. Ông không có tinh-thần chiến-sĩ không tiến trong hùng-khí. Ông chỉ « chiêm-nghiệm », mà trong thi-ca, đặc-biệt thi-ca hùng-tráng không thể là kẻ « hoan-hô » mà phải là kẻ « dẫn đầu » phải dám làm tiên-phong của phong-trào, mới sống đầy đủ với tình-cảm mới được.

Kết-luận

Tập « *Hoa-Đặng* » đánh dấu một sự thay đổi lớn của Thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương trên quan-niệm sáng-tác. Sự thay đổi này

vô cùng cần-thiết cho cá-nhân của thi-sĩ cũng như cho Văn-học Việt-nam. Nhưng nếu ông chưa thành-công, đó chưa phải là điều nên thất-vọng. Tập « *Mây* » đã chứng tỏ ông là một thiên-tài đáng mến thì sự thử thách lần này có thể làm bừng dậy cái khả-năng đang ngủ chừ chưa chết nơi ông, để rồi đây cũng như bao nhiêu thi-sĩ từng thành-công, thất-bại, ông sẽ trở lại dẫn đầu một cách hào-hùng cho nền thi-ca hiện-tại, cũng như ông đã oanh-liệt kết-thúc huy-hoàng cho thời-đại vừa qua.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

Vui sống ! Vui sống !

Tờ tuần-san đứng-đán mà không khô-khan

HÌNH THỨC LINH BỘNG

THẺ TÀI ĐỘC ĐÁO

NỘI DUNG XÂY DỰNG

Đặng toàn bài sáng tác, chớ không xen bài phóng tác và bài dịch.

99 % bài mới, chưa hề in đâu cả.

Bình-Nguyên-Lộc chủ biên — Số 1 ra ngày 10-9-59.

BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường "Độc-Lập"

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

KHẮP MỌI NƠI, NGƯỜI BẠN VIỆC



thích
bút Parker T-Ball
VÌ NÓ DÙNG NHIỀU MỰC NHÚT

Khôn ngoan thay !
Người thiếu phụ này chỉ dùng cây viết kỳ diệu "PARKER T-BALL"
Cây viết dầu hòn đạn mới sáng chế viết năm lần lâu hơn nhờ sức chứa mực vĩ-dại. Khi các cây viết thường hết mực thì bút "PARKER T-BALL" vẫn tiếp tục viết ra mực rất êm và sạch trong một thời gian rất lâu.



**HÒN ĐẠN CÓ NHIỀU LỖ NHỎ :
SẢN-PHẨM ĐỘC-HỮU CỦA PARKER**

Mực bao quanh hòn đạn, chun vô hằng ngàn tế bào nhỏ, tạo thành một kho chứa mực sẵn sàng để dùng khi viết hơi cọ đến giấy.

Parker *tBall* đầu hòn đạn

MỘT SẢN-PHẨM CỦA Φ PARKER PEN CÔNG-TY

TRẢ LỜI CUỘC

PHỎNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

★ XIII.— PHAN-NGÔ

Bất hệu Áo-Giàn. Sinh năm 1921 tại xóm Phần-khều, dưới chân núi Chúa, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam.

Năm 1943, đương học Luật ở trường Đại-học Hà-nội, bỏ học để đi theo « Tiếng gọi Sinh-viên » (sau này là « Tiếng gọi Thanh-niên », và bây giờ là « Quốc-ca »).

— Dạy học, hoạt-động chánh-trị trong một đoàn-thể Cách-mạng dân-tộc, bị tù, rồi dạy học, lại bị tù; từ 1955, gĩa từ sân khấu chánh-trị để chuyên hẳn về giáo-dục và văn-hóa.

— Từng chủ-trương các cơ-quan ngôn-luận: Sóng mới, Duy sinh, Dân đen ở Huế (1947-48-49), và cộng-tác với các tờ báo giáo-dục Việt-nam: giáo-khoa tập-san, Khuyến học, Chuyên cần ở Sài-gòn (1953, 1959).

— Hiện là hiệu-trưởng trường trung-tiêu học tư thục Tân-Phương ở Giadinh.

— Soạn-giả sách giáo-khoa: Việt-nam tân-văn hợp-tuyển (cùng soạn với Huỳnh-Hòa, 1949), bộ Giảng-văn cho bậc Trung-học đệ nhất cấp (1953-1956), Nghị-luận luân-lý (3 tập: 1952-1958).

Tác-giả các vở kịch thơ lịch-sử và giáo-dục: Lệnh Thầy (1954), Người giữ ngựa (1955), Ăn cỗ đầu người (1956), Lời thề đền Hùng (1957), Khúc hát Ngày mai (1959).

Bạn Ngu-Í,

TÔI tin chắc không có một cuộc phỏng-vấn nào « dày-vò » người lại phỏng-vấn lâu dài bằng « cuộc phỏng-vấn văn-nghệ » do bạn phụ-trách cho « Bách-Khoa ». Từ ngày nhận được những câu phỏng-vấn, năm tháng đã trôi qua với hàng chục số « Bách-Khoa »... Tôi tưởng các vị tài-danh đã có bài nói hết, nói quá đầy đủ, thì bạn và nhà báo « miễn dịch » cho hạng tôi...

Nhưng mà nghề - nghiệp khiến bạn thường gặp tôi hơn ai hết trong số các « bị phỏng - vấn gia », thành chẳng lẽ « khất nợ » với « Bách-Khoa » hoài, nên dẫu dài ngắn dở hay, cũng phải có phần đóng góp.

Phân trần với bạn cũng khá rồi, giờ xin vào đề vậy.

[...] Tôi không phải là một nhà phê-bình văn-học. Tôi lại vốn không ưa tiểu-thuyết

dầu ngắn, dầu dài. Nói thế chắc có người chỉ biết những sách giáo-khoa về loại giảng-văn của tôi đã soạn mà chưa hề « biết tôi », sẽ cho là vô lý hay kém thành-thật. — Trích nhiều và đủ các văn-gia như thế thì không đọc làm sao được ? — Thưa tôi đọc, đọc khá nhiều, nhưng không hề đọc theo lối thông-thường của độc-giả tìm thú vui, hay của nhà phê-bình tỉ-mỉ. Tôi đọc như cánh bướm lướt vườn hoa. Bướm đã dùng cánh trên biết bao nhiêu đóa, đã hút bao nhiêu thứ nhụy ! Nhưng nếu có ai hỏi bướm thích hoa nào thì bướm làm sao mà trả lời ? Hằng ngày bướm sống bằng nhụy hoa. Hằng ngày tôi đem những tinh hoa lượm lặt được ra giảng dạy, phê-bình cho học-sinh nghe. Bây giờ hỏi tôi thích « truyện ngắn » nào thì thật là khó lòng mà trả lời.

Đó là những cảm-trởng và cũng là những lúng-túng đầy dốt-nát của tôi khi phải đáp lại cuộc phỏng-vấn của « Bách-Khoa ».

Và đó cũng là cách trả lời thành-thật nhất của tôi trong hiện-tại. Tuy nhiên, nếu phải ép thì tôi sẽ kể lại một câu chuyện, một kỷ-niệm không xa-xôi lắm : Mùa hè năm ngoái, tôi có hân-hạnh tham-gia ủy-ban cải-tổ chương-trình Trung-học. Ủy-ban sơ-bộ chúng tôi có nhiệm-vụ phác-họa những nguyên-tắc căn-bản của nền Giáo-dục Việt-Nam. Sau đó ba nguyên-tắc : Nhân-bản, Dân-tộc, Khai-phóng đã được Đại-hội thừa nhận với bản chương-trình dự-thảo...

Công cuộc khàn-hoang bắt đầu trong giáo-dục lâu nay không có cứu cánh, — tôi có cảm-trởng như vậy, hay mơ ước như thế. Giữa những ngày tôi sống với cảm-trởng

hay mơ-ước đó thì tôi được đọc một truyện đăng trong Bách-Khoa số 36, ngày 1-7-58. Đó là chuyện « Rừng mấm » của Bình-Nguyên-Lộc.

Trong truyện ngắn này, tác-giả kể lại cuộc đời lam-lũ, cần-cù, kiên-nhẫn, tự-lập và đầy tin-trởng ở sức người của một gia-đình nông-dân vì quá nghèo, không có một tấc đất cắm dùi, đành phải rời bỏ làng xóm, mò mả tồ-tiên di-cư đến một nơi bùn lầy nước đọng, hoang-vu với rừng trăm-trăm-thủy mênh-mông, đó là U-minh. Gia-đình đó chỉ gồm có một ông nội già mà tuổi tác tượng-trung cho kinh-lịch đời-dào và sức bền dẻo ; hai vợ chồng và một đứa con trai duy-nhất, tuổi độ 13, 14 với cái tên hơi man rợ : thằng Cộc. Họ rời bỏ Sa-đéc đến U-minh để đốt rừng trăm, chinh-phục thiên-nhiên, khàn hoang thành ruộng rày. Họ tin rằng mồ hôi của họ sẽ thấm-nhuần đồng chua nước mặn để biến nó thành nước ngọt đất lành, thôn xóm sầm-uất vui-vẻ... Họ là những lớp người tiên-phong mở sinh-lộ cho cả một dân-tộc ngọt thờ vì nạn nhân-mãn nên : phải Nam-tiền.

(Đến đây tôi muốn trích độ hai mươi dòng, đoạn ông cháu thằng Cộc nói về hai loại cây mấm, cây trăm, nhưng e lạm-dùng lòng tốt của « Bách - Khoa », nên phiền bạn đọc xem lại truyện này.)

Câu chuyện « Rừng mấm » mang một ý-nghĩa tượng-trung.

Ý-nghĩa đó làm cho tôi thích-thú trong những ngày mà tôi cảm thấy mình là một cây trăm nhỏ bé trong cái rừng trăm-trăm-thủy tức là nền Giáo-dục của nước ta hiện nay vậy.

— Hãy đốt đi bởi gia-dình thằng Cộc !
 Hãy cau-dầm và kiên-nhẫn đốt phá rừng
 tràm kia để khai-khẩn thành ruộng đất
 màu-mỡ cho cây Văn-hiến bốn nghìn năm
 khỏi già cõi...

« Ta quyết làm ngọn nến trên bàn thờ
 « Đốt cho Người! hơi tiếng của
 Nguyễn-Du !

« Của Đoàn-Thị-Điễm, Thanh-Quan,
 Công-Trứ !

« Dầu phải cháy, phải mòn, ta vẫn cứ
 « Đẻ thân tàn cho bọn Trẻ mển
 Người ! »

Ào-Giân (trích : Hồn-thiênug tiếng Mẹ)

... Tôi thiết-tưởng đã thỏa-mãn 50%
 cuộc phỏng-vấn, tức là về phương-diện
 « quốc-gia ».

Còn phương-diện « quốc-tế » nữa ! Rắc
 rối quá ! Tôi nguyện sẽ rất vắn-tắt, sẽ
 rất « cán mai » (đốt đặc cán mai).

Tôi sẽ trả lời như một học-sinh, mặc
 dầu tôi mang tiếng... giáo-sư.

— Dạ... thưa... tôi chỉ biết thích có
 tập « Lettres de mon Moulin » (1) của
 Alphonse Daudet a !

— Vì những lẽ gì ?

— Dạ thưa vì văn-từ của ông thật
 là thuần-túy, ý-nghị, lắm khi thi-vị. Còn
 nội-dung thì nhuộm đầy màu sắc đất nước ;
 mặc dầu đó là đất nước của ông, nhưng
 sao tôi vẫn cảm như trước những cảnh-
 trí của non sông xứ sở mình. Hay là
 tác-giả đã đạt đến cái chỗ thông-tính
 (l'universel) rồi ?

(1) Một số truyện trong tác-phẩm trên đây đã
 được ông Lưu-Bàng dịch trong một loại sách Song-
 ngữ dưới cái nhan « Những cảnh thư hề », và hai ông
 Nguyễn-Xuân-Hiếu, Trần-Mộng-Chu cũng dịch
 một số đang ở tuần báo « Rạng-Đông » (Huế)
 dưới cái nhan : « Những lá thư hề ».

(lời chú của Nguyễn-Ngu Í)

Lúc còn học ở các lớp đầu của ban Cao-
 tiểu, tôi đã học thuộc lòng bao nhiêu trang
 trong tập sách ấy.

Ngày nay những lời « dã-ca » bằng văn
 xuôi như các câu sau đây vẫn còn âm-
 hưởng trong lòng tôi như tiếng sỏi dưới
 vó ngựa của cô con gái xinh đẹp của ông
 chủ trại vang dội trong tâm-hồn si-tình của
 anh chàng mục-tử trong truyện « Les
 étoiles » (tập Contes du Lundi).

... « Il faut vous dire qu'en Provence,
 c'est l'usage, quand viennent les chaleurs,
 d'envoyer le bétail dans les Alpes »...
 (Installation)

và...

... « Figurez-vous une île rougeâtre et
 d'aspect farouche ; le phare à une pointe, à
 l'autre une vieille tour génoise où, de mon
 temps, logeait un aigle [...] Ce que je
 faisais ?

« Ce que je fais ici, moins encore. Quand
 le mistral ou la tramontane ne soufflait pas
 trop fort, je venais me mettre entre deux
 roches au ras de l'eau, au milieu des
 goélands, des merles, des hirondelles, et
 j'y restais presque tout le jour dans cette
 espèce de stupeur et d'accablement délicieux
 que donne la contemplation de la mer .. »

(Le phare des Sanguinaires)

Đến đây, tôi chỉ còn xin phép chấm
 dứt bằng một lời :

Ót núi Hành-sơn, núi Hải-vân !
 Sông Sài-giang ấy cảnh thanh tân.
 Trà-mi rừng quế xuân về đó
 Muốn dăm chờ ai chén tẩy trần...

(Nam-Xuyên)

Bạn Ngu-Í ! Biết bao giờ tôi sống
 được những phút như Alphonse Daudet
 bên cạnh cái máy xay gió phong-kiến mà
 thái-bình của ông ? ?

PHAN-NGÔ

★ XIV.— NGUYỄN-VỸ

Sinh năm 1912 (trong « Thi-nhân Việt-nam » của Hoài-Thanh và Hoài-Chân ghi 1910, theo ông Nguyễn-Vỹ, là sai) tại Phò-phong (Đức-phò, Quảng-ngãi).

Giáo-sư Trung-học, nhà báo, nhà viết tiểu-thuyết, nhà thơ (chủ trương trường thơ « Bạch-Nga »).

Trước 1945, đã viết các báo : *Amit du peuple*, *Le Cygne*, *Văn-học tạp-chí* 1935, *Hà-nội báo*, *Phụ-nữ*. Từ 1945, chủ-trương báo *Tô-quốc* (1945), *Dân chủ* (ở Đà-lạt, 1948-50), *Phò-thông* (1952-53, rồi 1958...), *Dân ta* (1953-54), *Bông lác* (1957-58).
Đã xuất bản : *Tập thơ đầu* (1934), *Grandeurs et servitudes de Nguyễn-Văn-Nguyễn* (*Những cái vinh và nhục của người dân quê nước Việt*) (1931), *Đứa con hoang* (1938).
Người yêu của Hoàng-thượng (1938), *Thi-sĩ Kỳ-Phong* (kí : *Lệ-Chi*, 1939), *Chiếc bóng* (1941), *Kẻ thù là Nhật-bản* (1941), *Đứng trước thảm kịch Pháp-Việt* (1946), *Hai thiêng liêng*, *Chiếc áo cưới màu hồng*, *Dây bí rợ* (1957).

Anh thuộc về số người bận rộn nhất ! Nhà báo, nhà văn, nhà thơ, lại kiêm chủ một tờ tạp-chí : tạp-chí Phò-Thông, kiêm luôn chủ một nhà xuất-bản : nhà xuất-bản Dân-Ta. Nên chỉ gặp được anh, là tôi đã mừng rồi, và vội vàng tay đưa, miệng nói. Anh sửa lại cặp kính, đọc. Đọc chưa hết tờ nêu lí do cuộc phỏng-vấn và mấy câu hỏi, anh nhẹ nhàng lắc đầu :

— Tôi chịu thôi.

— Sao vậy anh ?

— Phải nhớ lại, phải xem lại... Tồn nhiều thì giờ. Mà tôi, thì như anh thấy...

Tôi cười : « Tôi chẳng những thấy mà còn nghe, còn biết nữa. Anh bận rộn lắm. Nhưng xem lại, lớp anh em sáng-tác đứng tuổi, nhiều kinh-nghiệm như anh Nhất-Linh, như anh, mà giờ cũng vẫn đeo đuổi cái nghiệp văn - chương, còn được mấy ? Anh chẳng cho chút ý-kiến gì, thì... »

Anh mỉm cười : « Thì anh cứ đề bài phỏng-vấn lại đây. Nhưng tôi không hứa gì với « Bách-Khoa » đâu nhé ».

Nửa tháng sau, lại tìm anh, và cũng may mắn, được gặp anh. Tôi nhắc lại. Anh như mơ màng.

— Truyện nước mình, thì đến giờ, tôi chưa thấy có truyện nào làm tôi thích nhất. Còn truyện nước người, tôi nhớ có đọc mấy truyện của Đan - mạch, lấy làm thú. Anh đừng hỏi tên truyện hay tên tác-giả, tôi hiện quên mất.

Hiện giờ anh quên mất, nhưng biết đâu một tháng sau, anh nhớ. Và lại, bắt chước chàng Lưu..., Lưu-Bị, tôi cho mình một nguyên-tắc : phải « ba lần » đến quấy rầy những vị, những bạn « bị » phỏng-vấn đề công việc mình đảm nhận, may chăng còn lưu lại chút gì.

Một tháng sau, tôi lại tìm đến nhà văn miền Trung, mà hoạt-động văn-nghệ hết ở miền Bắc, tôi ở miền Nam này, và lần này là lần thứ ba.

Lần sau cùng này, vừa bước chân vào tòa-soạn là tôi e « rồi ra cũng chẳng nước non gì ». Vì anh đang chăm chú vào cái bla báo Phò-Thông vừa in thử. Và câu chuyện mở đầu là những lời than phiền của anh về bao cái đảng cay bực dọc của nghề làm báo, xưa cũng như nay. Tôi càng thấy cái « e » trên kia hẳn thành cái « chắc ». Nhưng đã liệu đến hai lần, thì còn tiếc chi mà chẳng liệu thêm lần nữa.

Tôi nhờ anh xem lại những lời tôi ghi lại hai lần quấy rầy anh. Anh xin chữa lại một chữ trong bài, và cười cười đọc lên câu chốt :

« Và lần này là lần thứ ba... »

— Anh cố nhớ giùm một tác-giả, hay một tên truyện Đan-mạch mà anh thích...

— Thật ra, chỉ có một tác-giả, và chỉ có một tên truyện thôi, nhưng mà tôi lại không thể nhớ được mới khổ cho anh chớ !

Nỗi ngạc-nhiên chưa biến trong mắt tôi, thì anh tiếp :

« Và mới khổ cho tôi nữa chớ ! »

Linh-tính báo cho tôi biết sắp có chuyện huyền-diệu, diệu-huyền gì đây, nên tôi ngại « bước đi sẽ đứt, động hồ sẽ tiêu », bèn ngồi im như ông... thánh Đổng đen và câm miệng như con cá chép. Quả nhiên, có sự lạ :

— Anh đề thùng thẳng cho, họa may tôi nhớ lại cốt chuyện. Từ bây giờ, tôi buộc tôi phải nhớ, biết đâu...

Anh bỏ lửng, nhưng ai là người chẳng thể nói xuôi :

« Biết đâu... Hợp-phố mà mong châu về. »

Thì thôi vậy. Đề khi nào người chủ-trương trường thơ Bạch-ngã biết, hãy hay. Giờ, thì cùng ai bàn chuyện phiếm đầu Ngô mình Sở vậy: bài thơ họa bài « Mừng Tết Ki-hợi » bị kiểm-duyet này, bài thơ « Gởi Trương-Tứ » không đúng nguyên-tác này, thái-độ « không đẹp » của tác-giả « Thi nhân Việt-nam » đối với tác-giả bài thơ « Sương rơi » này, bài anh sắp trả lời cho Hoài-Thanh này... Nhưng dường đã rộn ràng xe cộ, cô thư-kí đã sắp xong giấy tờ, bài vở, dậy bàn đánh máy.

Còn nước non gì mà chẳng đứng dậy, rồi đi ? Thì, huyền-diệu thay, ông Thần phong-vấn bỗng mở miệng tôi :

« Anh cố nhớ giùm cốt chuyện Đan-mạch đó nhá ! Biết đâu rồi chẳng có một bạn sinh-viên Việt nào ở hải-ngoại, hay nhân-viên tòa Lãnh-sự Đan-mạch ở đây, tình cờ đọc được cốt chuyện ấy, lại biết ngay truyện ấy tên gì, của ai, và cho chúng ta hay. Anh có tin rằng trong giới văn-chương, có lắm cái bất ngờ li-kì và thú-vị hơn trong tiểu-thuyết không ?... »

Anh khe khẽ gật đầu, và cái « nước non » chờ đợi ấy đến.

— Thú thật với anh rằng khi anh hỏi truyện ngắn quốc-tế nào tôi thích nhất, là tôi có thể trả lời anh ngay, mặc dầu tôi không biết tên tác-giả cùng tên truyện. Tôi đã chẳng nói thật với anh là để coi anh có thiết-tha đến điều đó không. Giờ, thì đã có bằng-chứng rồi, tôi xin nói rõ, kéo anh lại cho rằng anh chàng Nguyễn-Vỹ cứ ỡm-ờ.

« Anh cho tôi dài dòng một chút. Từ 1940 đến 1945, tôi bị chánh-phủ Pháp bắt đi an-trí cùng một số trí-thức, nhà văn khác. Các « ông nước mẹ » ấy lo xa vậy mà. Vì Nhật đã vào Đông-dương rồi. Tôi bị nhốt ở trại giam Trà-kê, thuộc tỉnh Phú-yên. À này, anh có ở tù lần nào chưa ? »

Tôi chỉ cười, không đáp. Thế mà chẳng biết sao, anh nói : « Vậy thì anh dễ hiểu tôi lắm. Trại giam gồm những cán-bộ Cộng-sản, anh em Cao-dài và một số không đảng-phái, không tôn-giáo, trong số này, có tôi. Và vì tôi chơi với tất cả mọi người, thẳng-thắn và vui-vẻ, nên được hai phe « bất cộng đái thiên » nói trên bầu

làm đại-diện. Và nhờ thế, tôi tương-đối hưởng được tự-do hơn anh em. Một hôm, tôi được lão trưởng đồn Pháp bắt đi chân bò. Một tên lính Mọi coi chừng tôi. Tên lính này lại học chữ Tây với tôi, nên hầu vô cùng dễ dãi. Để bày bò tự-do ăn cỏ, tôi ngồi chơi dưới một gốc cây, thì bỗng thấy một tờ nhật-trình. Anh dự biết lúc mình ở tù, bắt được một tờ nhật-trình, sung sướng biết bao. Đó là một tờ báo Pháp, một tờ báo hằng ngày, bị rách nhiều nơi và dính bơ lấm chỗ. Tờ báo này, tên trưởng đồn đã xem xong, lấy gói bơ, phò-mát, rồi chẳng biết ai vứt nơi đây. Tôi như vớ được vàng. Ngồi đọc chẳng xót một chữ. Một truyện làm tôi cảm-động vô ngần. Tôi xin kể sơ cốt chuyện :

— Một chàng trai nọ, có chút tâm-sự gì đó, thường la cà các hộp đêm. Đề nghe, đề nhìn hơn là đề nhảy, đề uống. Một đêm kia, chàng ta sung sướng đến cực độ. Chàng vừa thấy một thiếu nữ đẹp như chàng hằng mơ tưởng, mà bấy lâu nay, chàng cố tìm, nhưng đã luống công ; khi sắp tuyệt vọng, thì lại gặp nàng, đêm ấy. Chàng tìm cách làm quen, rồi gọi chuyện. Người đẹp im lặng nghe chàng nói, nhưng trong khoé mắt, trong làn môi, trong cử chỉ kín-dáo, tỏ ra có cảm-tình với chàng. Là một điều, là chàng nói, chàng kể, chàng hỏi..., mà nàng thì cứ làm thính, nghe, chăm-chú nghe, và cười nụ. Chàng ngạc nhiên, rồi chàng đau khổ, rồi chàng tức bực. Tức bực đến một hôm, đón nàng giữa đường, chàng cất vắn, chàng van nài, chàng hùng hổ nữa ! Lần này, người đẹp không mỉm cười như trước, mà nghẹn ngào, mà tức-trởi, rồi ôm mặt, khóc. Chàng chưa hết ngạc nhiên, thì nàng đã vụt chạy biến

mất. Chàng ngỡ ngác, như người lạc mất Thiên-dường, đề rồi hôm sau, nhận được bức thư đầu tiên và cũng là cuối cùng của người đẹp trong mơ hiện giữa cõi đời, trong khoảng khắc. Đại khái :

« Anh được thư này, là em xa anh mãi mãi. Đừng tìm kiếm em, vô ích. Không nghe anh được, nhưng em biết rằng anh yêu em, thiết-tha và chân-thành. Không trả lời anh được, nhưng em yêu anh với tất cả tâm hồn. Vì, anh ơi ! em điếc, em câm ».

Im lặng một chập, tôi mới hỏi anh :

— Anh còn nhớ lúc ấy, một ngàn chín trăm bốn mươi mốt chẳng ?

— Còn nhớ, anh à, 1943.

— Còn tên tờ báo, tên truyện, và tên tác-giả ?

— Rủi lại mất những cái đó. Tôi mà biết đó là truyện Đan-mạch, là nhờ ở chót, có mấy chữ « Dịch truyện Đan-mạch ».

Anh trầm ngâm một hồi.

— Tồi lại, tôi kể cho một bạn năm gần, anh ta cũng lấy làm thích lắm. Tôi càng thích truyện ấy, là vì giọng kể là giọng tâm-tình ; người viết phải sống trong cuộc mới có giọng văn bi-thiết và cảm-động như thế. Trước kia, tôi đã chứng kiến một cuộc tình-duyên não-nuột của Nguyễn-Nhược-Pháp, có chỗ giống như truyện này ; cuộc tình-duyên của Nhược-Pháp, đã đăng « Phò-Thông ». Thuở thiếu thời, lúc học ở Qui-nhơn, tôi đã sống một cuộc tình-duyên gần như thế : người tôi tỏ tình tha-thiết, lại cứ một mực làm thính, tai lẳng nghe, mắt ngời sáng, mà chân cứ bước đi..., tôi đã ngờ nàng câm...

Rồi anh kể sơ câu chuyện tình thời đôi chín ấy.

Tôi hỏi : « Anh có định viết chuyện anh chẳng ? »

— Không, anh à. Chẳng phải tôi ngại ai bảo tôi ăn cắp cốt chuyện người ta, mà là vì tôi muốn nhà văn Đan-mạch mà tôi chẳng được may mắn biết tên kia, tôi muốn nhà văn Đan-mạch ấy hưởng toàn vẹn sự độc đáo của sáng-tác mình, còn tôi, tôi lại muốn hưởng trọn vẹn cái thích-thú được gặp người đồng điệu, mà chỉ riêng mình mình biết.

— Thế thì, sở dĩ anh thích truyện Đan-mạch trên là vì...

— Anh đoán đúng. Anh có nghĩ như tôi không ? Một truyện mình cho hay, mình thích, ngoài cái hình-thức nó phải ra sao, ngoài cái nội-dung nó như thế nào, còn có cái gì hợp với ta, giống ta, gọi lại trong ta bao nỗi, bao niềm... Phần chủ-quan đóng vai trọng yếu, có phải thế không anh ?

NGUYỄN-NGU-Í

thuật lại

KỶ SAU : Triều-Đầu và Phạm-Công-Thiện



Các bạn yêu thơ hãy đón coi :

TỪ THỨC

hay là KỂ TÌM ĐƯỜNG

... Dùng nhiều thẻ cò kim, tác-giả đã chọn mỗi thẻ đúng vào tình vào cảnh trong truyện một cách rất tự-nhiên, không gò buộc, văn thơ vẫn được liên tục và phong-phú, khiến độc-giả chuyển từ lục bát song song thất lục bát, từ song thất lục bát sang cò phong hay đường luật hoặc thơ mới một cách nhẹ nhàng, tâm-nôn như được cuốn theo nguồn cảm hứng dồi-dào và uyển-chuyển của thi-sĩ,

... Ngọn bút của thi-sĩ, đã khéo diễn tả tất cả những nỗi dằn đo, thắc-mắc của các Từ-Thức mới và cũ, phân vân đi tìm lẽ sống, đề sống một cuộc đời hữu ích và « trường tại với sơn-hà ».

VŨ-VĂN-MẪU

★ **Từ thức hay là Kể tìm đường** bắt đầu từ ngày 1-9-59, đã có bán tại các hiệu sách Đô-thành và các tỉnh. In rất mỹ-thuật, khổ 21x27 dày 361 trang, giá 50\$

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Dai-lô* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Bureau de Représentation

HONGKONG

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box n° 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. * A *); à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN); à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Lubate Matta (British and French Bank); à Bâle (Banque pour le Commerce International) à Mexico (Banco del Atlantico); à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

« TÔI ĐÓNG PHIM TẠI PHÁP »

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

Một dịp may

TỪ lúc đóng phim bên Anh về đến nay, đã gần một năm trời, tôi được yên thân học-hành. Không dám đi dự mấy buổi tiệc trà tiệc rượu của mấy kịch-sĩ quen biết, cũng không thường léo-hánh đến văn-phòng của bà B. S. để tìm việc làm. Mục-dịch của tôi là đóng phim để kiếm được một ít tiền, rồi yên sống mà đeo đuổi sự học — Đóng phim chỉ là một phương tiện chứ không phải một cứu cánh. Nhưng cạnh bên người sinh-viên trong người tôi còn ẩn một nghệ-sĩ, một kịch-sĩ, lúc cần thì hiện ra để giúp cho sinh-viên có tiền hầu đi đến chỗ thành-công — Lắm khi, lối nghệ-sĩ càn-nanh với lối sinh-viên, cho rằng mình bị lấn-lướt. Quanh năm cặm cụi trong các thư-viện, bảo-tàng-viện, người sinh-viên hài lòng mà người nghệ-sĩ thấy tù-túng.

Hè 56. Người sinh-viên đã thỏa-mãn với việc khảo cứu và thấy cần đi nghỉ ở bờ biển hay trong đồng bãi, để đổi gió, để lấy lại sức khỏe cần thiết cho năm tới. Nhưng muốn đi nghỉ hè cũng phải có một ít tiền. Mà suốt năm nay, chỉ lo đi học, óc có đầy thêm một chút hiểu biết thật, nhưng túi tiền thấy nhẹ đi đến gần trống trơn. Một lần nữa, người nghệ-sĩ có dịp tiếp tay người sinh-viên. Anh Vũ, một người bạn kịch-sĩ, vừa gọi điện-thoại báo

tin cho biết rằng có một nhà đạo-diễn đã quay phim bên Sài-gòn vừa về, và cần một vài kịch-sĩ để quay những « xen » còn thiếu hay bị hỏng.

11, đường Vienne (Vi-en). Một văn-phòng có vẻ nghèo-nàn. Vừa bước chân vào đã thấy 5, 7 người Việt đứng đợi. Một người Pháp, thấp người, phốp pháp, đang đứng phía sau một cái bàn viết dài và to giống như loại tủ tiền của một hiệu bán rượu, và tiếp chuyện với một người Việt đã tới trước. Phía trong, có một buồng giấy và chuông điện-thoại reo không ngớt. Trong một góc, mấy cái nón lá ; loại nón công cấy bên nhà thường đội, được máng chung với vài ba cái kết của lính cảnh-sát, và tôi thấy ngay là họ đang tìm một vài kịch-sĩ để đóng phim về nước Việt.

Mấy người Việt sau khi trả lời vài câu hỏi, lấy địa-chỉ của nhà đạo-diễn rồi ra về, trên mặt đầy hi-vọng. Đến phiên tôi — Người Pháp vừa tiếp mấy người Việt kia là phụ-tá đạo-diễn. Ông ta nhìn tôi từ đầu đến chân rồi nói : « Ông cao lớn người. Có thể đóng vai tên đầy-tớ trung-tín trong mấy xen còn bỏ dở. Nhưng nếu đóng vai đó có lẽ ông phải hớt tóc lại theo kiểu « *brossant* (bờ-rô-xăng). » Rồi ông cho tôi địa-chỉ của nhà đạo-diễn André P. hẹn hai hôm sau vào lúc 2 giờ rưỡi chiều đạo-diễn sẽ tiếp tôi.

Đến gặp nhà đạo-diễn

Nhà ông André P. ở gần Porte Dauphine (Poọc-tờ Đô-fin) một vùng sang trọng, kế cận rừng Boulogne (Bu-lô-nhơ). Người gác cửa chỉ tôi đi vào phía trong. Cửa mở ra. Ba người Việt đã ngồi đợi tại phòng khách. Một trong ba người ấy thường đóng mấy vai phụ hay « fi-guy-răng » trong đài vô-tuyến truyền-hình (télévision) gặp tôi, bắt tay và hỏi tôi lúc này làm gì. Cách đây vài năm, ông ấy bảo tôi nên ghi tên vào nghiệp-đoàn kịch để dễ tìm việc hơn. Nhưng tôi lại lờ đi vì như tôi đã nói, chuyện đóng kịch, đóng phim, đối với tôi chỉ là một « phương-tiện sinh sống » tạm thời.

Trong phòng bên cạnh, ông André P. hỏi thăm một người Việt về thành tích của anh trong kịch giới và sau cùng, tôi nghe hai người đọc một đoạn đối-thoại. Rồi tôi lướt những người đến trước tôi. Một ông kịch-sĩ Việt bảo rằng mình đã đóng vai phụ trong nhiều phim Pháp và trong các tuồng hát cho đài vô-tuyến truyền-hình. Cửa phòng mở. Ông ấy đi ra, nét mặt tươi cười, đầy hi-vọng. Tự này giờ, trong số người giáp mặt với đạo-diễn có lẽ ông là người ở trong « nghề » lâu nhất. Ông phụ-tá đạo-diễn mời tôi vào.

— Chào ông — André P. Ông bạn ngồi đây là Howard Vernon (Hô-va-dơ Veec-nông) người đóng một trong mấy vai chánh.

— Hân-hạnh biết các Ông. Văn-Ca l... Tôi tự giới-thiệu.

— Ông đã đóng phim bao giờ chưa ?

— Thừa có. Tôi đã đóng phim quảng-cáo cho hãng Rémont (Rê-mông) và một phim khác cho người Anh.

— Phim nào ?

— Phim « A town like Alice » (một đô-thị như thành Alice) mà người Pháp dịch lại là « Ma vie commence en Malaisie » (Đời tôi bắt đầu tại xứ Mã-lai).

— Tôi nghe nói phim đó khá lắm. Ngoài ra ông có đóng chi khác nữa không ?

— Tôi có thay tiếng phim cho các hãng Fox Europa (Fóc-xê Ô-rô-pa) C.T.M. tại Genevilliers (Jen-nơ-vi-li-ê, và cho nhiều hãng phim Việt.

— Như vậy được lắm. Chúng tôi thế nào cũng cần người biết thay tiếng để thâu thanh lại hết thảy những câu đối-thoại trong phim.

Ông André P. nhờ ông phụ-tá đạo-diễn đọc với tôi một đoạn tuồng ; ông ấy đọc vai Monique (Mô-ních), tôi đọc vai Cảnh-sát trưởng.

— Được lắm. Được lắm. Xin mời ông đến gặp ông Darbel (Đạc-ben) Giám-đốc sản-xuất để ký hợp-đồng. Có lẽ tôi sẽ lựa ông đóng vai Cảnh-sát trưởng. Tôi chưa quay xen nào về vai ấy cả. Dầu có người khác hạp với vai đó, thì tôi cũng lựa ông đóng vai người Trung-hoa già bán đồ cồ. Xin chào ông, và mời ông giáp mặt với ông Darbel trước khi gặp ông tại phim trường.

Chưa biết mình sẽ được vai nào, nhưng chắc chắn là sẽ được một ít tiền túi để đi nghỉ hè, trời tuy nắng gắt mà nhớ đến những vùng thông thoáng ở đồng quê hay nước xanh miền duyên-hải cũng thấy đỡ mệt.

KỶ TỚI : Hội kiến với ông Giám-đốc sản-xuất.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở: 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T.: 23529



Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp
với phân **THẦN-NÔNG**
Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGLIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



Gipsy

một loại xe hai đít mới nhất
và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, dầu cho đường hết sức xấu ! Có hai loại máy :

— chạy bằng essence, giá phồng định mỗi chiếc : 136.000\$.

— chạy bằng diesel, » » » » : 156.000\$.

Quý ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe này,
xin đi nơi :

SOCIÉTÉ DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

**Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

MỘC-LAN TỬ

(VÔ DANH THÌ)

Dẫn.— Bài này có tên là Mộc-Lan ca, lại còn một tên là Mộc-Lan thi. Cả bài có sáu mươi hai câu, chia làm hai phần :

Phần I.— Đại khái kể truyện Mộc-Lan vừa làm việc nữ-công, vừa ưu-sầu than-thở. Vì trong trí nàng đương nghĩ kế-hoạch để làm một việc phi-thường là : thay cha đi lính. Rồi mạo tên thân-phụ, cải-phục nam trang, mua sắm chiến-mã, thay cha ra ái-quan ứng-chiến... dòng dã ngoại mười năm, thắng trận trở về. Được vua phong quan thưởng tước, Mộc-Lan nhất-luật từ chối, chỉ xin một con lạc-đà để trở về quê nhà.

Phần II.— Tả cảnh Mộc-Lan trở về quê, cả nhà tung bừng vui vẻ... Nàng liền thay bỏ nam trang, trở lại bản sắc nhi-nữ. Đi thăm các bạn đồng ngũ ngày trước, hết thấy bạn hữu đều kinh-ngạc, lúc ấy mới biết nàng là con gái hóa-trang.

Về lý-lịch Mộc-Lan, mỗi thuyết nói một khác.

Dòng họ — Sách Minh Nhất-thống-chí thì chép là họ Chu. Sách Thanh Nhật-thống-chí thì chép là họ Ngụy. Sách Tứ-Thanh viên truyền kỳ của Từ-Vị thì chép là họ Hoa.

Quê quán — Sách Trục-lệ Hoãn-huyện chí thì chép nàng là người huyện Hoãn (nay thuộc tỉnh Hà-bắc). Sách Hà-nam Thương-khâu Chí thì chép nàng là người Thương-khâu (nay thuộc tỉnh Hà-nam).

Sách Khang-từ kỷ-hành của Diêu-Oánh thì chép nàng là người Lương Châu (nay thuộc tỉnh Cam-túc). Sách Thanh Nhất-thống Chí thì chép nàng là người Đinh-Châu (nay thuộc tỉnh An-huy).

Thời đại — Về điểm này, cũng như hai điểm trên, mỗi thuyết đều khác nhau ; sách Quá đình lục của Tống-Phụng-Tường thì chép là người đời Cung-đế nhà Tùy (618 trước C. ng.) Sách Khang-từ kỷ-hành thì chép là người thời Bắc Ngụy. (581 trước C. ng.) Sách Diên Phần lộ

VÔ DANH THỊ

- Nam thị mãi bí-đầu, bắc thị mãi trường-tiên.
 - Triều từ gia-nương khứ, mộ túc hoàng-hà biên,
 - Bất văn gia-nương hoán nữ thanh,
 - Dân văn Hoàng-hà lưu thủy minh tiên-tiên.
 - Đán từ Hoàng-hà khứ, mộ chí Hắc-thủy đầu.
 - Bất văn gia-nương hoán nữ thanh,
 - Dân-văn Yên-sơn hồ-ky minh từ-từ.
 - Vạn lý phó nhung ky, quan-san độ nhược phi.
 - Sóc-khí truyền kim-thác, hàn-quang chiếu thiết-y.
 - Tướng-quân bách chiến từ, tráng-sĩ thập niên quy 1
 - Quy-lai kiến Thiên-tử, Thiên-tử tọa minh-dường.
 - Sách huân thập nhị chuyền, thưởng-tứ bách thiên cương.
 - Khắc-hàn văn sở dục, Mộc-Lan bất dụng Thượng-thư lang 1
- Nguyệt tá minh-dà thiên-ly túc, tổng nhi hoàn cố-hương.
 - II— Gia nương văn nữ lai, xuất quách tương phù-tương.
 - Ất-ti văn muội lai, dương hộ lý hồng trang.
 - Tiều-dệ văn ti lai, ma đao hoắc-hoắc hương chư dương.
 - Khai ngã đông-các môn, tóa ngã tây gian sàng
 - Thoát ngã chiến thì bào, trước ngã cự thì thường.
 - Dương song lý vân-mấn, đối kính niêm hoa-hoàng.
 - Xuất môn khan hòa-bạn, hòa-bạn giai kinh-mang.
 - Đồng hành thập nhị niên, bất tri Mộc-lan thị nữ-lang.
 - Hùng thỏ cước phác-sóc, thi thỏ nhân mê-ly.
 - Song thỏ bạng địa tầu, an năng biện ngã thị hùng thi.



Bài từ kể truyện Mộc-Lan

- 1.— Thờ dài lại thờ dài, Mộc-lan dật bên cửa.
 - Không nghe tiếng đưa thoi, nghe tiếng nàng than thoi.
 - Hỏi : nàng nghĩ sự gì ? Hay nàng chạnh lòng nhớ ?...
 - Thiếp chẳng nghĩ sự gì, Thiếp cũng chẳng hề nhớ.
 - Đêm qua xem yết thị, đức chúa diềm quan-gia.
 - Mười hai cuốn sớ linh, đều thấy có tên cha.
- Cha không con trai lớn — Lan cũng không có anh.
 - Xin mua sắm chiến mã, thay cha trầy biên-đình.
 - Mua tuấn-mã chợ đông, mua cổ-yên chợ tây,
 - Chợ nam sắm bộ cương, chợ bắc sắm roi dài.
 - Sớm cáo từ mẹ cha, tối ngủ bến Hoàng-Hà.
 - Cha mẹ gọi, con nào nghe tiếng, chỉ nghe nước sông ồ-ạt đồ cuồng ba 1

MỘC LAN TỪ

Sớm qua dòng Hoàng-hà, tối đến
bờ Hắc-thủy.

Nào nghe tiếng cha mẹ gọi con, chỉ
nghe đất rợ non Yên (1) tiếng
ngựa hí!

Dặm dài đi ứng chiến, vượt quan-
ải như bay.

Áo giáp lông ánh lạnh, nhịp mõ rì
hơi may.

Tướng-quân trăm trận theo hồn lạc,
Tráng-sĩ (2) mười năm gặp vận may.
Trở về châu thiên-tử, thiên-tử giữa
trăm quan.

Thường công mười hai cấp, ban tiền
ức-vạn quan.

Đức vua hỏi ý muốn,
Lan không nhận chức Thượng-thư-
lang

Chỉ xin một con lạc-đà khỏe (3)
Đưa con trở về làng.



II— Cha mẹ nghe con về, đón ngõ xóm
đã-đề.

Chị lớn nghe em về, trang-diềm giữa
phòng-khê.

Em trai (4) nghe chị về, mài dao
lật-đặt ngắm heo dè.

Mở gác đông cho ta, kê giường
tây cho ta.

Cởi bộ chiến-bào ra, lại mặc tấm
xiêm là.

Vấn tóc bên cửa sổ, soi gương gián
bông hoa (5)

Đi thăm bạn khố lửa, (6) bạn cũ
thầy kinh-hoàng.

Mười hai năm đồng ngũ, không ngờ
Mộc-Lan là nữ lang!

Thỏ đực nhầy bập-bồng, thỏ cái
nhìn hấp-háy.

Đôi thỏ chạy cặp-kề, đổ ai phân-biệt
đực với cái!

LĂNG-NGÂM-KHÁCH

(1) Núi Yên-nhiên ở bờ bắc Hoàng-hà, nay thuộc ngoại Mông-cổ tên mới: Hoàng-Ái-Sơn,

(2) Mộc-Lan tự nói mình.

(3) Nguyên văn chữ Hán: Minh-dã: một giống lạc-đà, đem ngũ bụng không sát đất, trời hé sáng là bắt đầu chạy và chạy rất nhanh.

(4) Trong khi Mộc-Lan đi tòng chinh, thì cha mẹ nàng ở nhà mới sinh con trai — Khi nàng về thì em trai đã hơn mười tuổi.

(5) Một lối trang sức của phụ nữ thời cổ, đính bông hoa bằng vàng trên trán.

(6) Quân-chế thời cổ, 10 người là một hỏa — nên bạn chiến-trận gọi là hỏa-bạn (Tứ-Nguyên)

Thư từ, bưu phiếu và bài vở xin gửi tới:

Tòa soạn **BÁCH KHOA**

160, ĐƯỜNG PHAN-ĐÌNH-PHÙNG, 160

— SAIGON —

BÀI THƠ CỦA NHỮNG KẺ KHÔNG NHÀ

Có một đêm

*Tôi nằm cô-đơn ngoài nội cỏ
Ánh sao mờ lạc hướng bơ-vơ
Tôi tưởng về bên bếp lửa năm xưa
Mà ánh mắt nhìn tôi âu-yếm lắm
Khoác áo phong-trần đường đi ngàn dặm
Bước chân sâu hun-hút những đường xa
Chiều cuối đông sương lạnh vẫn không nhà
Khói thuốc quện những ngày hoa mộng cũ
Tôi mộng về bến sông xanh tình-tự
Cung đàn xưa vẫn nước-nở vui đầy
Nụ môi hồng và mắt biếc thơ-ngây
Là bia đá trên đài kỷ-niệm
Tôi quỳ xuống trong đêm hoang sơ cầu-nguyện
Được trở về đường cũ cỏ thơm non
Đi giữa mùa xuân mây trắng đất linh-hồn
Tôi e-lệ cõi lòng nguyên thơ đại
Rất cảm-dộng bởi những lời mừng tuổi
Lòng vội-vàng nở đón vạn tình xuân
Tôi ân-cần nắm chặt những ái-ân.
Mà hơi thở đồn căng lồng ngực
Tôi tìm đến hội mùa xuân nô-nức
Nhưng người Anh những người Mẹ thân yêu
Nhưng người Em bé nhỏ yêu-kiều.
Đề tâm-sự những Sông Hồ rộng lớn.
Nhưng bước đi dài, hành-trang rất gọn
Mà tâm-tư thì thương nhớ rất nhiều
Tôi vẫn mơ về bên bếp lửa thân-yêu
Lời du tử vẫn là lời ước hẹn
Tôi nhìn sao thừa mộng về len lén
Với người Em bé nhỏ thân-yêu
Với Mẹ hiền chờ đợi sớm chiều.*

1959

HOÀNG-KHANH

ĐỐT SÁCH

Ký-sự của MỘNG-TUYẾT Thất tiều muội

*Sách tội-linh gì phải kiếp tro
Thủy-hoàng ông mắc cái lăm to
Diệt Tân gặp phải tay Lưu, Hạng
Một chữ nào ai biết cóc khô (1)*

(Tiếp theo B.K. số 63)

Một buổi chiều tháng bảy, trời nặng giọt mưa ngâu, cô Út nhận được một phong thư. Trong có bức vẽ và chép một trong tám câu thơ của bài Đường-luật, do « người đi chu du thiên-hạ » gửi về.

Đây mới có mỗi một câu thơ, thì tất-nhiên còn bảy câu nữa ở đâu chứ. Ai đã nhận được một câu thì phải đồ xô đi tìm, ở bảy nhà khác, cho có đủ một bài nguyên vẹn.

Thế là bất kể mưa gió, che dù mà đi. Hướng chỉ câu thơ kia cũng là tả cảnh sùi-sụt của buổi tiến-hành.

Dầm mưa ra đến Góc Nam-phong, gặp anh Trúc-Hà thì cũng mới được thêm một câu nữa mà thôi.

Thấy vẻ băn - khoăn của cô Út, anh Trúc-Hà chăm rái, cái chăm rái hòa hoãn lúc nào cũng có ở người anh.

Anh bảo :

— Cô Bảy không vội gì tìm, nội ngày mai, tôi sẽ có trọn tám câu cho cô. Bảy

giờ, có một việc hơi quan-hệ hơn. Anh vừa nói vừa đưa ra một gói to bọc giấy dày cẩn-thận. Anh hạ thấp giọng :

— Cô Bảy đem gói sách này về Rẫy giữ hộ cho.

Mấy hôm nay, bắt bớ xét hỏi dữ lắm. Cậu Tư đi khỏi, tôi không biết giải-quyết bằng cách nào hơn. Lỡ mai kia, có bị khám xét gác sách nhà, thì phiền cho Ông mà cũng khó giữ vẹn các sách vô tội khác. (Tiếng Ông đây, là anh Trúc-Hà gọi cụ Ngoại Hữu-Lân).

Cô Út vẫn chưa biết việc quan-hệ ra sao. Trong lời nói, có cái gì nghiêm-trọng, Út nghe như một lịnh truyền. Nghĩa là Út tuân lời, kè kè ôm bó sách về. Một bó to lớn nặng nề quá sức của cô. Nhưng Út vẫn cố gắng, vì mang máng biết là, trong ấy, tất có cái gì khác thường lắm, và cũng nguy-hiểm lắm.

(1) Không được nhớ chắc tên tác-giả ; như là của Nguyễn-Thiện-Kế.

Về nhà, vào buồng học, đóng kín cửa lại, Út mở mấy lớp giấy bọc ra. Ôi chao ! Sách ! Sách toàn là những quyển lạ, Út chưa từng thấy bày trong tủ sách của gác Nam-phong. Những sách đủ khổ và đủ cỡ ; dày có, mỏng có. Út lật qua qua. Nào là :

Hồi trống tự-do, Tiếng chuông truy hồn, Ngồi tù khám lớn, Paris — Khám lớn — Sài-gòn. Có quyển bìa in bức ảnh Nguyễn-An-Ninh tay chống đầu bù. Mười tờ báo La Cloche fêlée. Một ít tờ báo Việt-nam hồn, ít tờ báo Phục-quốc in ở Paris...

Những tên sách cấm bấy giờ, lúc viết, người viết bài này kể lại, quên đi gần hết. Chỉ nhớ là toàn những sách cò-dộng tuyên-truyền về dân-quyền, dân-chủ, tự-do, cách-mạng ; sách về những chuyện khởi-nghĩa của các đảng Căn-vương, chuyện chống sưu-thuế, chuyện Đông-du xuất-ngoại của các nhà chí-sĩ, cùng với những chuyện tù đầy, đàn áp của chánh-quyền thống-trị... Như *Tự-do từng-thư* của Trần-Hữu-Độ như *Nữ-lưu từng-thư* của Phan-thị-Bạch-Vân, như bộ *từng-thư* của *Nam-đồng thư-xã* ..

Hiện thời, những sách đó nghe kể lại, thấy nó hiền lành lắm. Cũng như những danh-từ : *út-quốc, quốc-gia, phục-quốc, cách-mạng, tự-do, độc-lập, dân-chủ, dân-quyền* bây giờ đã mất hết tính cách ghê gớm của nó rồi. Chúng ta đừng quên mỗi thời-kỳ có đẻ ra những danh - từ kỳ hứ. Phải có sống trong thời-kỳ, mới thông cảm được tính cách khủng khiếp của danh-từ.

Út cảm biết rằng, trong đồng sách này, tất có chứa đựng những cái gì mà đối với kẻ học trò nhỏ như cô, hãy còn bỡ ngỡ,

như những vần thơ « *A-Tế-á...* » mà cô đã chép năm xưa.

Út soạn ra ít quyển, đọc dần, còn thì bọc kỹ cả lại và tìm chỗ giấu.

Đằng sau nhà bếp, có một chái dề chứa các vật dùng cũ, hoặc vật ít khi dùng tới. Út rán sức, giờ một cái trà to rộng miệng, rồi lách, na gói sách dề vào và úp cái trà lại nguyên chỗ cũ.

Thế này thì chắc chắn là không ai biết đợc. Từ hôm đợc làm chủ bó sách cấm, trí-thức Út mở một chân trời mới. Út bắt đầu đọc say mê lịch - sử các nhà cách-mạng Đông Tây, Phong-trào Đông-du, Đông-kinh Nghĩa-thực, Lịch-sử các cụ Nguyễn-Thương-Hiền, Phan-Châu-Trinh, Phan - Bội - Châu... Gần hơn nữa, những hoạt-dộng của Nguyễn-An-Ninh của Phan-Văn-Hùm.

A ! Bấy giờ, Út mới hoát nhiên biết ra : « *Phan - Bội - Châu bị tuyên án khổ sai chung thân* » mà cô đã gặp trên tờ báo bao tập năm nào đó, là một nhà đại chí-sĩ ái-quốc, đã đợc quốc-dân kính mến trọng vọng sùng bái biết ngần nào.

Những con chữ tít to, đậm nét, trên tờ báo, từ lâu, đã tiềm tàng trong trí cô bé, giờ đây, đã chuyển sang một bức ảnh bán thân của ông cụ già quắc thước, mắt sáng, trán cao đầu tròn, với chòm râu quai nón buông dài trước ngực.

Cô Út, tự-nhiên. đợc làm chủ một kho sách lạ.

Cô đợc sung-sướng bình-yên, đọc lần hồi các sách đó, Có một bỡ-ngỡ và thích-thú không ngờ, và không giải-thích đợc.

Cho đến một hôm...

Út đi học về, thấy trong nhà như có vẻ gì khang-khác. Như có một linh-cảm giục cô chạy vội ra chái sau, bên hè bếp. Các tráp trách nôi niêu đã bị dờ tung lên. Còn gói sách đâu. Gói sách của cô giấu đó đã biến đâu mất rồi!

Thôi chết!

Hoảng-hốt, Út chạy vào buồng học. Không thấy có gì lạ! Nhưng khi chạy xuống tới bếp thì thấy chị Sáu ngồi bên lò lửa dăm-dăm lo lắng.

✱

Nhân nhà sắp có giỗ, chị Sáu của Út sửa soạn các nôi trách to để nấu nướng. Bỗng bắt gặp gói sách của ai đã giấu một cách bí-mật. Chị đã ngạc-nhiên lắm rồi. Khi mở ra, lại thấy toàn là những sách cấm. Chị càng thêm lạ-lùng lo sợ. Thế này là thế nào? Tay bí-mật nào đã đem của tai hại bỏ đây? Một ý-nghĩ ghê-gớm thoáng trong óc chị:

« Hay là có ai định gieo vạ? »

Chị Sáu đã dỗi ngạc-nhiên ra hốt-hoảng cuống-cuống. Chị lăm-lét, như có bao con mắt to-mò đang soi-bói đâu đây.

Không chờ chậm một phút, chị Sáu ôm thu-thu gói sách, mang vào bếp.

Sẵn có lò than to nôi hấp bánh xong, chị mở gói sách ra, không một phút trù-trừ, chị lăn-lướt ném từng quyển một vào bếp than hồng.

Quyển nhỏ thì cứ để nguyên như vậy mà ném, còn quyển dày thì chị bức xé ra một cách tàn-nhẫn.

Út chạy lại, giăng đợc, ở trên tay chị Sáu, một quyển cuối cùng chưa kịp xé.

Đó là quyển *Ngôi tù khám lớn* bìa đỏ còn nguyên vẹn.

✱

Ánh lửa bập-bùng trong lò cuộn khói. Ngọn-ngang đồng giấy, trang chữ in, đang bị ngọn lửa xanh, cháy xém. Lửa liếm tới đâu, tờ giấy như thun mình lại, uốn-éo. phồng lên, co dúm, quăn-quại như có tri-giác, nép tránh sức bạo-tàn thiêu-đốt.

Nhưng mà ngọn lửa bạo-tàn có ngừng lại cho đâu. Một cái cử-dộng nhỏ của que cời, đã giúp cho sức hung-hăng, vừa khói vừa lửa, kiêu-hãnh vươn cao gần tới nóc nhà bếp.

Út không dám có một lời nào, một cử-chỉ nào: Cô đứng im như tượng mà nhìn trân trân đồng lửa.

Út thấy lòng mình bồi-hồi đau xót. Ruột gan như cũng uốn mình chống trả lại với một quặn-thắt vô hình, thần-kinh như cũng co giãn theo mỗi chuyển-mình của tờ giấy.

Trang giấy trắng tinh nôi rõ hàng chữ mực in, lần lần ngả sang màu vàng, dưới lưỡi lửa xanh lè ám khói, rồi mới cháy bùng lên.

Lửa ngọn hạ thấp dần, khói đen nhạt dần, những tờ giấy trở thành tờ than đen nhánh. Kiếp giấy, than ôi đã mỏng, mỏng như phận mỏng cánh chuồn, nhưng mà tờ than của kiếp sách nó còn mỏng-mạnh hơn mấy kiếp cánh chuồn-chuồn!

Cô Út muốn đưa tay gom lại những tờ than giấy còn lơ-mờ nôi những nét chữ mực in kia. Nhưng mà, trong lòng khói than giấy, lửa hầy còn âm-ĩ. Lửa chưa

MỘNG-TUYẾT THẤT TIÊU MUỘI

hóa được những tờ kia thành tro bụi,
lửa dầu đã chịu tàn cho.

Lửa hầy còn đốt phá ngấm-ngấm cái
mỏng-manh hết sức mỏng-manh của tờ
than giấy.

Út đã từng thấy có người giữ « áng tro
tàn » Có lẽ đó là áng tro của những bức
thư tình diễm-lệ. Người tình nhân khi đốt
những trang hoa tiên ấp ủ mỗi tình thơ
mộng, lúc nhìn những trang chữ viết quăn-
quại dưới ánh lửa hồng, không biết người
tình-nhân đó có nỗi xót-xa như cô đang
chứng kiến những trang chữ in đang hóa
kiếp tro tàn này chăng.



Than hồng đã ngấm hết rồi,
Ngoài trời đã sập tối.

Hoa cau lác-dác rơi trên mái lá như
những giọt mưa nhẹ vương hoàng hôn.

Than đã nguội, tro đã tàn, mà Út thấy
mắt mình hầy còn cay cay, bởi làn khói
nhẹ nào còn vương dầu đó.



MỘNG-TUYẾT thất tiêu muội
(Văn cao Dưới Mái trắng non)

Hộp thư Bách-Khoa

Cùng các bạn gửi bài :

Trân trọng xin nhắc lại đề quý bạn lưu ý những thể-lệ thông thường
về việc gửi bài đăng trên Bách-Khoa như sau :

- Bài gửi đăng, xin viết một mặt, và viết rõ ràng.
- Nếu có hình vẽ gửi kèm, xin vẽ bằng mực đen để tiện làm bản kẽm.
- Những bài không đăng, tòa soạn sẽ không trả lại bản thảo.
- Dưới mỗi bài, ngoài bút hiệu, xin viết thêm tên thực cùng địa chỉ hiện tại để tòa báo tiện liên-lạc, gửi tiền nhuận bút hoặc báo biểu.
- Mỗi bài gửi đến Bách-Khoa, xin đừng đồng thời gửi tới các báo khác. Nếu thấy Bách-Khoa chậm đăng hoặc vì một lẽ gì mà tác-giả đòi ý-kiến muốn gửi sang báo khác xin tin lại cho Tòa soạn Bách-Khoa rõ, để Bách-Khoa khỏi đăng trùng bài với các đồng-nghiệp, có nhiều điều bất tiện.

TAO-ĐÀN MỘNG-KÝ _____ ĐOÀN-THÊM

NGÀY xanh thư thái, nghe lời anh tản bộ nhàn du ; vốn phục anh lạc-phách giang-hồ, theo gót, chắc thế-dỗ không mỗi bước (1).



ĐƯỢC dẫn khỏi vết xe thời trước, mây khói chập-trùng, bào ảnh mông-lung. Anh cười khuyên : xin chớ ngại ngừng, chán lắm rồi gió mát giăng trong, của mấy mươi đời mặc-khách phương đông, hãy tới phương tây tìm thú lạ lùng...

TÔI giọi mắt xa trông, đi kỳ-dị ! Núi sừng sững với tháp ngà chót vót, sâu vùn mây vờng ; sông quanh co chảy qua sa - mạc, đầy măng-xà uốn khúc đoạn-trường ; liễu xòa tóc rối nhuộm màu tang-thương, ba tiêu xác xơ khóc gió, rờn rờn giọt sương...

ANH giải nghi : đây là nơi cảm xúc dị- thường, chí tưởng-tượng vẫy vùng và biến hóa âm-dương, khách lãng-mạn mới am-tường và độc-đáo.



ĐI, đi nữa, tới kỳ - hoa dị - thảo. Không màu cầm - tú, không nét đan-thanh, nhưng tuyết mắc đầu cành như tóc bạc vờng đầu xanh ; đường cheo-leo hiểm trở thác ghềnh, đóa hồng nhung gai tua tủa nhọn : Dracula hay hồ-ly tuyệt sắc đơ móng nhe nanh ? có úa nhánh cần đâm máu, những mảnh tim tươi rơi vỡ tan tành. Vi-phong quyện hương phảng phất mùi tanh ; gió cũng có màu, không vàng, nhưng đỏ trắng long lanh ; nắng cũng thơm, đến cả âm-thanh cũng có vị mặn nồng chua chát...

TÔI sững sốt, nhưng anh cười và ngáy ngất : muốn thưởng thức, phải là người bản-chất Baudelaire, vượt mức tầm-thường mới biết say mê... Tôi gật gù đề khỏi bị cười chê, tuy tâm trí muốn quay về nơi chất-phác.



(1) Thơ Đl-Mục, bài Khiên-hoài, có câu : « Lạc-phách giang-hồ tái tửu hành ».

KIA có phải Vân-dài Yên-Các ? Cảnh thần tiên ngọc-bệ kim-môn... Bên nguyệt-hồ tiêu địch véo von, tiếng chim non hay tiếng tự môi son rớt ru êm ái ? Ngõ tiếng gọi của Sirené thủy-quái, tôi rùng mình và e ngại, rút lui...

ANH nắm tôi, tay kéo miệng xui : phải tới đó mới biết mùi thế-vị. Đây là chốn nạp hồn cho qui, hãy lăn lóc một phen cuồng-túy, cầm, hoa, tấu, giai-nhân đều tuyệt-mỹ, đời chờ gì, chớ phí tuổi xuân ! Thơ, tìm nơi bề ái nguồn ân, câu tuyệt-diệu gieo vần không cần bút ; phó mặc cho sắc hương thu hút, lắng tai nghe ngọc thốt, chị Ly-Tao :

TRƯỚC trăm hoa, bùng nở đóa yêu đào, tiên-nữ động phủ nào giáng-thế ? Màng lụa thướt tha màu nguyệt bạch, cánh bạc vờn quanh, mười ngón búp chơi vơi, cung Thiềm triết quế. Vũ-diệu tung hoành, nhạc-luật bất chấp, gót vàng cao thấp tùy hứng tùy cơ, lúc gần lúc xa, lơ mơ như sương tỏa đầu non, uyển chuyển như liễu tơ lướt gió, mắt sao băng, vai ngọc chuốt, lộng-lẫy, mơ-màng, đoan-trang, tình-tứ, khi chau mày luyến tiếc, khi hé miệng đón chào, khi lao đao rền rĩ, nào nùng kêu gọi tình-lang... Tôi hiểu vì sao tan vỡ những ngai vàng !



RAO rực mê - ly, nhưng phút chốc thấy hoang-mang : Đã say sưa, anh chẳng để yên nàng, với thanh sắc nhẹ nhàng của trời Âu lan sang đất Á. Đời tuyệt-dối, anh tìm mới lạ, bắt nàng đi xa quá mức hèn-nhiên. Anh thúc nàng trút bỏ cánh tiên, che ánh trăng cho cảnh-vật u huyền, giục làm dáng khoe duyên trăm điệu bộ.

TAO-NHẢ nhượng ảnh hình lờ-lộ. Tóc tơ liễu biến thành đuôi ngựa, màng lụa hóa blue-jean, bước nghệ-thường hay gót Terpsichore, quay ra trận giặc Rock'nd Roll, cơn cuồng dại của người rừng Nam Bắc Mỹ. Ôi phẩm-cách tiên-nương, ôi buồng tuồng thanh-kỹ ! Từ nghệ thuật siêu-luân tới loạn thần lạc trí ! Bỏ cao mình tìm nơi huyền-bí, anh cùng nàng tự thị xuất-nhân. Hát những bài chi, tôi chẳng thấy vần, tẻ hơn nữa, ngu đần không lý hội ; ngôn-ngữ quá dị-kỳ, khiến tôi càng bối rối. Chẳng tứ tuyệt, câu vè hay câu đối, cũng xin chỉ cho tôi đường lối cảm thông, khi nghe tiếng sắt tiếng đồng, dù trong dù đục tơ lòng đợi rung.



NÊN anh lại đưa tôi đến bước đường cùng, nhìn xuống dốc, một vùng thảm đạm. Khói đen tỏa, mùi sông hôi hám, lửa đục-tình thiêu đốt đám cây ma : nào da phấn, nào mặt hoa nhưng phảng phất bóng thu tà, nào mắt nhung sâu nhớ ánh ngày qua... Rồi những tiếng kêu la thảm khốc, tự ngàn tầm hang hốc âm u, của kẻ lăm đường, sa ngã, tội tù, kẻ thất-bại, oán thù căm giận, câu sám hối và lời ân hận... Hoa mắt nhức đầu, tôi vội vàng xa chốn vực sâu.

KHANH khách anh cười : đồ biết nơi đâu ? Lòng ta đầy, đầy lòng thắm kín, với tội lỗi và trăm nghìn hồ thẹn, những ước-vọng ngày mai không hứa hẹn, những bóng tăm ần hiện vô-thường, những tiếng thét gầm át cả giọng thiên-lương : cảnh thiện ác với âm-dương sáo trộn... Kìa quái-vật không đầu, ba mắt mọc trên rốn, chó tưởng y cùng bọn, với nhân-vật Picasso ; đó là kẻ bán khoán thối mắc thắm dò : đầy lòng người giữa chốn hữu vô, tìm thực, mộng, bắt nguồn cho hội-họa với thi thơ huyền-ảo...



TÔI chóng mặt và bước lui lao-đảo, càng phục anh táo-bạo hiên-ngang...

NHUNG mau đưa tôi trở lại xóm làng, đợi buổi chiều vàng nghe hát trống quân.

VÌ tôi mong vị thuốc an-thần, để vui sống với nhân-quần xã-hội.

ĐỜI nghệ-thuật, bại, thành, không mắc tội : gieo hoang-mang trên đường lối đời thay.

SAO anh quên màu sắc nước non này, đẹp ở đó, hà-tất đi xa mượn vay không trả ?

CÔI huyền-ảo, chúc anh ngồi thi-bá, tôi cam bề trưởng-hạ, chúc thi-công.

BÔN ngàn năm văn-hiến tồn-vong, ngồi bút sắt bút lông, lo trách-cứ.

NÓI một tiếng, dẫn do lòng quân-tử, hướng ngàn năm nét chữ chưa mòn.

GIỮ quang-minh là tôn-trọng quốc-hồn, bao công của vàng son mới rạng.

TIẾNG mẹ đẻ mong mỗi ngày tươi sáng, như những tâm-tình
xúng đáng nghĩa văn-chương.

CHÂNG âm-u quái-dị, Lý-Bạch cũng phi-thường. Nhạc muôn
điệu, kỳ-cương đồng nhất.



Anh là khách tài-hoa phóng đạt,
Hút nhị đời, nhả mật với kìm-cương ;
Tôi luống ngại buồng tuồng sai mực thước,
Lúc cảm hoài, bách bộ chữa nên chương.

Nét văn-mặc lở hoen không tẩy sạch,
Khua đáy lòng vẫn đục, ố thiên-lương.
Đề lẳng cặn cho tinh-thần trong trắng
Như hồ thu lặng sóng nguyệt soi gương.

Chớ thôi lại gió sầu se não ruột,
Tôi muốn quên tôi, và quên cả tang thương,
Dắt tôi đến những chân trời quang đông,
Hương không phai vì hoa sắc Thịnh-Đường.

Tôi muốn sống, đưa tôi xa cõi chết,
Gọi xuân về cho ai-cúc thắm sương,
Rọi ánh sáng tung bừng sông núi cũ,
Mang trúc tùng giồng khắp chốn quê-hương.



Vườn cỏ-thụ rắc gieo mầm mới lạ,
Đôi sắc hương, mạch đực vẫn tuôn dào.
Thay y-phục, ai thay xương với máu ?
Muốn tục-linh, khi cốt vẫn thanh-tao.

Tôi biết trong anh sức sống dâng trào.
Hãy tế-độ những con người bạc nhược,
Gột rửa hộ sâu-bi là giáng phước,
Mở rộng tâm-hồn, rót ánh trăng sao.

Cuộn màn kín đề truyền xa thanh khí.
Anh thương tôi, rời bỏ tháp ngà cao,
Tìm tri-kỷ, muôn lớp người chung cảnh,
Muốn đồng-linh, phải cộng-lạc đồng-lao,

Nhóm Vigny, Rimbaud không trở lại,
Say, chìm đờ, Lý-Bạch biến nơi nao ?
Siêu, Quát, Tùng, Tuy chẳng kém Tôn, Tào,
Thuyền lan thả suốt Đào non nước Việt.

ANH THỢ NHÀ IN



Suốt năm trời tôi sống bên các anh
Những con người luôn luôn âm thầm
Bên giàn chữ cỡ to và cỡ nhỏ
Có những em vừa rời trường lìa sách vở
Cổ lăn tìm từng học chữ ở vương
Nhưng mái đầu xanh còn khao khát yêu thương
Sớm cần cỏi vì cha già em đại
Trước trong bài em dăm chiều ít nói
Từng tờ in, từng ngày tháng trôi mau
Những cụ già sương đã diêm mái đầu
Trẻ cập kính miệng đọc thăm từng chữ
Tôi đã vui khi bài trao đầy đủ
Tôi đã lo khi thiếu chữ, thừa khuôn
Bên các anh tôi sống những đêm buồn
Nghe tiếng máy đều đều trong vắng lặng
Anh đã hiểu thế nào là cay đắng

Của cuộc đời khi tính toán thành trang
Nhưng màu tươi những nét chữ hiên ngang
Đâu nói được tấm lòng anh sắp chữ
Mộng của anh : lo bài sao có đủ
Chữ dư dùng, tác giả chớ bôi lem
Bài xong rồi đừng dõn xuống đưa lên
« Bông » mang xuống kịp giờ cho máy chạy
Đơn giản quá cả mộng lòng anh đấy
Và tình anh tôi thấy ở từng trang :
Chỗ này đây mỗi hồi anh nhỏ từng hàng
Cổ gọt lại những dấu ô, dấu ă
Dòng chữ đứng kia đôi thành chữ ngã
Bản kềm này cần phải dán thêm lên.
Màu mực tươi, mùi giấy mới, ngọn đèn đêm
Máy đều đặn nhịp theo tim anh đập



Báo đã xong, giấy nòn nà từng xấp
Chờ đóng bìa, ôi tờ báo thân yêu
Sẽ ra đi trong nắng sớm, sương chiều
Nơi khuê các hay bùn lầy tăm-tối
Giấy vô tri như vang lên tiếng nói
Trong màu đen tôi đọc thấy tình anh
Qua từng trang, tôi thấy rưng máu xanh
Của tuổi trẻ say mê cùng nghề-nghiệp
Trả nợ dâu tằm kia mong trọn kiếp
Người đọc đâu có biết tới công anh
Khi đèn màu soi sáng khắp đô thành
Đời nhung lụa tôi thương anh biết mấy
Và lòng tôi, nghe vang lên tiếng máy...

XUÂN.HIẾN

Thầy trò nhà tôi...

Nhật-ký của một giáo-viên:

TRÚC-ANH

Chúng tôi giới thiệu cùng bạn đọc, một cây bút mới, một cây bút trẻ : Trúc-Anh.

Tác-giả mới đi vào cuộc đời hiện giữ chân giáo-viên Tiểu-học ở một trường làng trong những khung-cảnh khuất lấp của thôn-quê miền Trung mà hương đồng gió nội ít nhiều vương bụi thị-thành.

Vừa là hiệu-trưởng, vừa là giáo-viên phụ-trách cả hai lớp, lớp tư và lớp ba, chen chúc những trẻ em mang đủ vui buồn—và buồn nhiều hơn—của đời sống nông-thôn, Trúc-Anh ban đầu đi vào nghề như một người « tìm gốc cây tránh nắng » và che màn, quay lưng lại phía học trò. Nhưng dần dần chính cái quần-chúng ấy đã chọc thủng bức màn, đã xát mạnh vào lưng tác-giả và buộc tác-giả phải quay người trở lại.

Trong buổi ban đầu chưa quen tự hạn-chế mình nên tác-giả không ngăn được cái nao-nức nói lên cho hết sự-tình. Lại như những kẻ mới ra trình-diện, chưa lượng được tầm chung quanh, lời văn cổ tạo một dáng điệu mà người đọc có thể cho rằng kiểu cách.

Tuy vậy, qua những dòng đậm đà tính-chất suy-tư, nóng hổi thực-tế, qua cái thái-độ cố-gắng chối từ những sự hời hợt, tầm-thường, chúng tôi nghĩ rằng Trúc-Anh có nhiều triển-vọng tiến xa.

QUẢ thật tôi chưa dạy được gì cho học trò của tôi, nhưng tôi lại học được ở chúng rất nhiều. Suốt hai tháng qua, tôi hoàn toàn bị nhồi xóc trong một sự cảm-dộng liên hồi đến cái độ như là tôi không còn tự-chủ được nữa.

Các bạn thử xem, tôi còn tự-chủ làm sao được khi tôi như cây kim nhỏ bé lọt vào giữa đám học trò của tôi là khối nam-châm hỗn-dộn. Mới vào nghề được hai tháng nay—ai mới bước chân vào nghề mà

không nhằm tính cần-thận như vậy — tôi đã có cảm-tưởng vừa qua một biến-cải mới lạ của thời-gian dài. Về thể xác quả tôi có gầy hơn trước, râu mọc chổng. Nhưng về tinh-thần, tôi được hoàn toàn êm-ả trong một niềm vui chân-thật. Ngay từ buổi đầu khi mới diện-kiến với niềm vui đó tôi có cảm-tưởng thấy mình phải nô-lệ cho nó suốt đời, nên dù qua thời-gian, qua những va-chạm hằng ngày đến nay tôi vẫn còn giữ được trọn vẹn cái say sưa ban đầu,

giây phút mong-mạnh đơn-giản của niềm vui khi mới phát-hiện.

*

Trong hai buổi học đầu của ngày đầu khai giảng, tôi đã thấy rõ cái số phận hẩm-hiu mà tôi phải đảm-nhận, sự thừa hưởng cái di-sản kỹ-luật của ông thầy cũ để lại: Gã như học trò tôi, hơn tám mươi dứa — không dứa nào chịu gọi tôi bằng Thầy. Chẳng có gì lạ, trước khi gặp tôi, chúng đã quen gọi ông Thầy cũ của chúng — một ông Thầy dạy tư — bằng lối xưng hô gia-phả, nghĩa là bằng sự liên-hệ bà con xóm giềng — mà ông Thầy này lại rất đông bà con — nên đại-đề trong lễ khai-giảng, trước một số đông các vị đại-biểu, quan-khách chúng thầy đều gọi tôi bằng chú, bằng anh, bằng bác... có dứa gọi là... dượng.

Nếu không có chữ « Thầy » trong khoa sư-phạm mới đã khuôn-định có lẽ tôi sẽ phải nát óc để tìm một chữ dung-hòa cho được cái tình bà con quá rộng - rãi ấy. Trong tuần đầu, để trấn-áp cái tình-trạng có một không hai đó, tôi gần như không biết kêu cứu về đâu, vì cứ bị chọc cười trong những lúc phải nghiêm-nghị nhất.

Chẳng hạn đang giờ đức-dục, tôi đang dụng tận-lực để cắt xé những danh-từ đạo-lý cho toát ra cái nghĩa hữu-hình hợp với sự ưng-thích thực-tiến của Học-sinh — thật khó mà phá vỡ chữ thực-tiến này để truyền vào một chút mơ-mộng cho đám thính-giả của tôi chỉ thích lời nói biến thành kẹo bánh hoặc ít ra cũng là cơm khoai, những thức mà các ngài thấy cha mẹ các ngài thường ngày cũng đành phải bắt-lực ! — thì một dứa, nghĩa là một ngài, từ trong hàng ghế lò-dò đi lên, nhìn trân trân vào mặt tôi :

— Dượng, cho đi tiêu.

Không sặc cười được. Không nổi khùng được. Nhưng không làm sao lấy lại được cái đà hứng đang bị cụt ngang để tiếp-tục giảng lại một cách vui-tươi với nét mặt giả đạo-đức nặng như băng đất trét của mình.

Không phải tôi đã tiếc rẻ, không bỏ một chút thì-giờ để căn-dặn học-sinh tôi về cách xưng-hô cho ổn-thỏa, vì đối với trí nhớ của chúng, danh - từ « Thầy » không phải là một chuyện khó-khăn, nhưng cơ-sự đến nông - nổi đó chung-quy chỉ - tại vì chúng chỉ có thể đem danh - từ này ra dùng trong những lúc chúng bình-tĩnh với cái áp - lực của toàn-thể như giờ phát biểu ý-kiến, giờ hoạt-dộng thanh-niên nói chung là trong phạm-vi giờ học — còn ngoài ra khi một hai dứa cần thưa bẩm riêng rẽ với tôi, thì chúng lại lúng-túng — đứng trước tôi mà như đứng trước một quái-vật nguy-hiêm — những lúc này thì khó có hiệu-lực nào ngăn cản chúng đừng gọi tôi bằng cậu bằng dượng được.

Sự dễ cho thói quen làm việc đó tương-tự như sự buột miệng của những người vốn hiền lành mà cứ phải văng tục một tiếng rồi mới nói được.

Cái tặng phẩm thứ hai ông Thầy cũ đã để lại cho tôi là phương-pháp sư-phạm mà nếu tôi tuân theo thì tôi sẽ thành một giáo-viên loại quái-kiệt và nếu tôi không tuân theo thì tôi cũng đến ốm lao vì phải thường-xuyên dượng đầu với những khồ-tâm.

Học trò tôi, dù đã đến lớp Ba, chỉ thích đọc một việc là được chép lại bài trên bảng để rồi gào như quốc, và nếu là

toán thì chép lại đề mà tranh diễn đại vào những số thành, hoàn-toàn theo óc tưởng-tượng chứ không bao giờ chịu công-nhận có một giờ thứ hai là giờ giảng bài.

Đối với chúng, giờ giảng bài là giờ tôi nói đề tôi nghe, đề làm khổ chúng vì bắt chúng phải ngửa ngáy với sự ngồi không mà chúng chưa hề quen biết — làm nét mặt chúng trở uên ngô-nghe trong khi chúng có hàng đống công việc chưa làm : gãi, cái-cọ, thụi-lộn, ngáp, vẽ bậy, nhìn vợ-vần, ngủ gục.

Sự im lặng cần thiết trong giờ giảng bài để chú tâm và phát-biểu, đòi hỏi hoạt-động độc nhất của cặp tai và khối óc, là một trường-hợp bất thường mà chúng không hề thấy xảy ra với ông Thầy cũ chỉ chuyên dạy học trò với cái nghĩa là nhốt trẻ lại để bắt chúng đầu-hàng bằng những công việc liên-tục của cặp tay, và dĩ-nhiên chúng chiến-đấu lại rất hăng vào những khoảng trống mà chúng thấy cặp tay ở không.

Đối với ông thầy cũ khoảng trống đó là giờ chấm bài, còn đối với tôi, một khoảng trống thứ hai mà chúng vừa tìm thấy để tăng thêm hoạt-động đó là giờ giảng bài.

Đại-đề với cái đà gây-cấn như vậy, lớp học được xem như một cuộc đua nước rút — như đua xe đạp — mà ông thầy được biến thành chướng-ngại-vật có nhiệm-vụ phải kìm-hãm các tay đua lại trong khi các tay đua thường-xuyên phải vất-vả với hai mối cạnh-tranh : đua với nhau và đua với chướng-ngại. Nghĩa là bất-cứ bài làm hay bài học nào mà ông Thầy vừa phóng ra là học-sinh liền phóng lại ngay — phóng đây còn có nghĩa là ném ra và ném lại —

vì rằng học-sinh sẽ làm xong bài vở trong đánh loáng một cái không cần đếm xỉa đến nội-dung mà chỉ cần đạt cho được cái phận sự của một người, ném trả cho địch thủ trái banh còn nóng hổi trong tầm tay.

Với cái đà tốc độ phi-thường như vậy, học-sinh đã làm cho vị Thầy của chúng phải chung-hửng, vã mồ-hôi trán, trong khi ông này, cứ ngỡ rằng đã đầy được chúng rơi vào trong những chướng-ngại-vật bằng chữ nghĩa, hình số mà ông đã giảng ra.

Sự tranh-thủ thời-gian diễn ra dưới hình-thức Thầy và Trò, thiếu-số và đa-số, đó là tóm-tắt cái tình-hình giáo-dục của trường tôi mà tác-giả là vị thầy cũ đã lưu lại cho tôi.

Bảo ông ta là một nhà sư-phạm độc-đáo thì không phải vì sự thật ông ta không thể làm thế nào khác, khi phải một thân một mình, một gian nhà xiêu-vẹo, và cùng chịu chung một giá-trị thời-gian như mọi người mà ông ta phải đảm-nhận thọ-giáo hơn một trăm học-sinh với đủ loại từ vỡ lòng đến lớp ba

Và cũng chỉ vì như thế mới có tiền. Hơn ba phần tư số môn-đệ ấy bây giờ là học trò của tôi.

*

Những điều trên đây tôi sẽ kể lại với một giọng khá chua chát hãn-học nếu về sau tôi không mắc vào những cảm-động làm tôi phải xót-xa hối-hận và quyết-tâm lật-ngược lại những gì của sự suy tư trong tôi vốn đã thành nề-nếp ngán-ngẫm sâu đậm.

Tôi đi dạy như một người đi tìm gốc cây tránh nắng. Sau hai ngày khai-giảng tôi bắt đầu các buổi dạy bằng một giảng

điều bình-thản, ngang-ngang như chằng cần biết rằng nhất-cử nhất-động của mình có định-dự mật-thiết đến một bầy tám mươi đứa trẻ, cố-tâm không để ý đến âu lo toan-tính khi thừa biết rằng trường đang dạy đây là một trường mới, học-sinh cũng mới và giáo-viên là mình cũng mới nốt.

Như một kẻ lâm trận mang tấm yếm-tâm trước ngực, tôi tự nhân-nhủ là phải luyện cho mình một tấm màn vô trách-nhiệm khả-dĩ có thể bảo-bọc tránh xúc-động cho cái thần-trạng mỗi-một — mà tôi đã chuốc lấy ở ngoài đời — để có thể đứng-dưng trước mọi bận tâm mệt trí mà tôi đoán biết sẽ xảy ra tức-khắc khi đã đành đại-dột bắt tay vào nguy-nghiệp.

Đúng hơn là từ giờ phút bước chân vào cửa lớp, thật sự đương-đầu với hơn tám mươi cái khối hoạt-động đang sẵn-sàng làm trái lại bất cứ những ý muốn nào của mình dù là những ý muốn đã đến mức khẩn cầu.

Sự chai-lì trước ngoại-cảnh — như là một sự hờn dỗi cuộc đời — làm tôi có một nghệ-thuật lừa-biếng khá cao-độ dù rằng đã phải va-chạm ngay từ phút đầu đầy những thử-thách vượt cả mức dự-tính.

Tôi muốn nói đến những kiện-cáo về những mất-mát xảy ra không chừng một buổi học nào về những vật-dụng tuy vật-vĩnh nhưng lại rất quyết-định cho tình-trạng an-ninh của từng đứa cũng như cho cả lớp — như bút chì, tẩy, giấy thấm, — làm đôi lúc tôi phải lúng-túng mà nghĩ rằng cần phải có một ít vốn-liếng về trình-thám trước khi tốt-nghiệp khoa sư-phạm.

Không cứ phải kể hết ra mới gọi đủ, chỉ một trong những trường-hợp như sau đây cũng đủ làm cho một người khỏe mạnh nhất

phải lưng mật, nếu người đó chưa kịp như tôi khoác sẵn một tấm vải dầu ngoan-cổ làm trơn tuột tất cả những bận-bịu được xem như là những bụi-bặm không muốn cho bám vào mình, (hoặc nếu quả tim của kẻ đó vẫn còn nguyên nhịp sôi-nổi yêu đời, chưa phải niêm-phong vào cái hộp thiếc han rỉ bịt-bùng như trong tình-trạng của tôi).



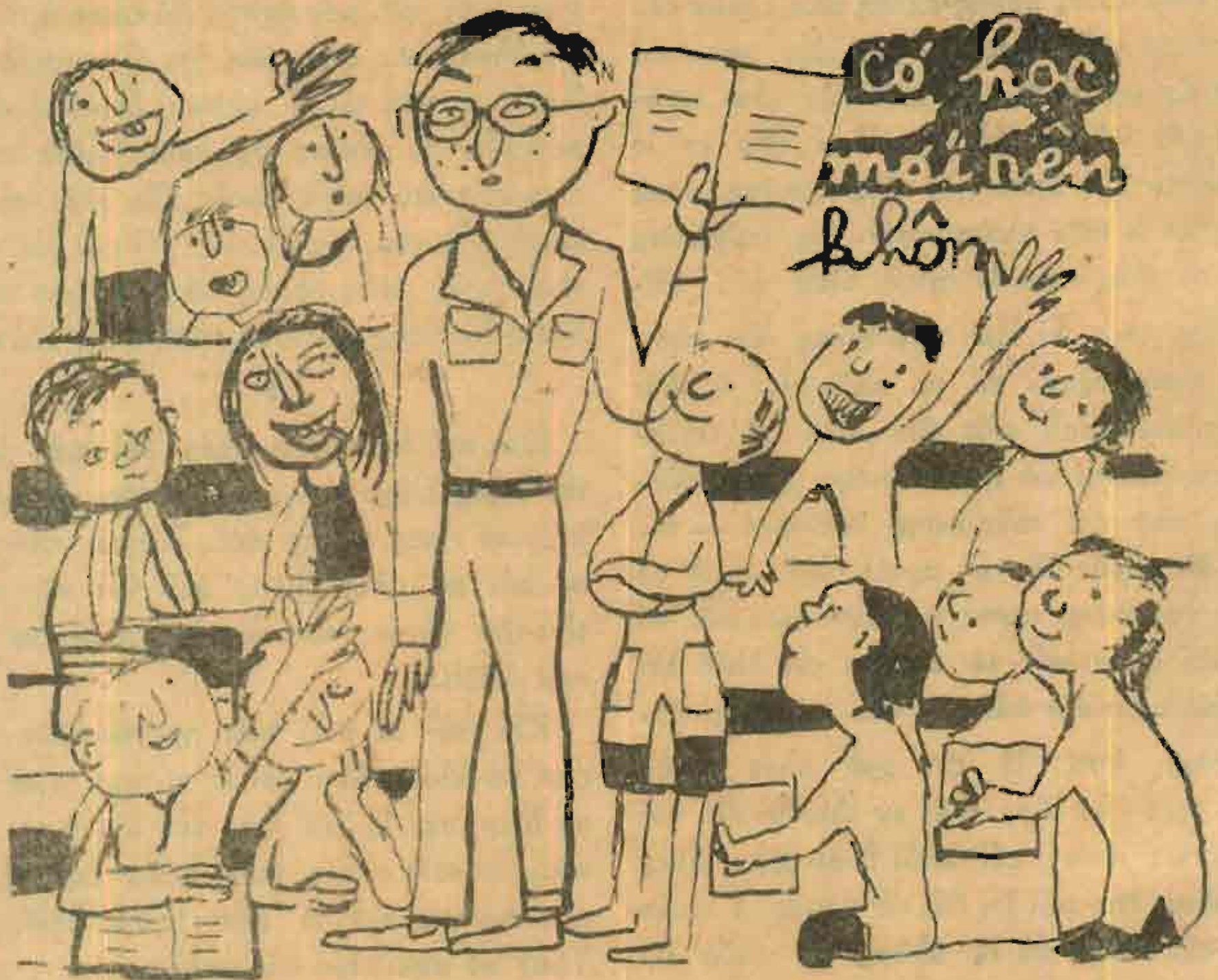
Đương lom-khom chép bài trên bảng thì thằng Đình khóc rầm-rít lên. Hắt hàm hỏi, nó cũng không nói. Xuống cầm tay nó hỏi nó cũng không nói. Cứ một mực thít-tha ăm-ức và cứ nhìn trân-trân vào mặt mình.

Khi hỏi ra mới biết nguyên-nhân làm cho nó khiếp-đảm chỉ là vì mực viết của nó hôm nay không hiệu sao lọt hơn mọi bữa, nó viết chằng thấy húng tay, và nó xem tai-nạn này là điều khủng-khiếp mà Thầy nó phải chịu trách-nhiệm.

Rồi lại còn biết thêm rằng cũng chính nó là đứa đã lò-dò từ hàng ghế lên, tay ôm quần, miệng thừa thảng vào mặt mình « dượng, cho đi tiêu »

Nó nhìn trân-trân vào mặt mình chỉ vì nó sợ-sệt nhưng vì nó vào số những đứa nhỏ nhất, nên nó không biểu-lộ sự lúng-túng bằng cách cúi đầu hoặc ngập-ngừng như những đứa lớn, mà cứ một mực trân-trối nhìn vào mặt mình, mặt đại hân đi và đỏ dờ-dầu như uống phải rượu nặng và chỉ cần mình gặng hỏi một chút là nước mắt nó úa ra rùng-rùng, nhưng nét mặt lại không có vẻ gì là khốc mếu cả.

Một điều bí-mật thứ hai ở thằng Rình — cũng như nhiều đứa khác — mà tôi đã khám phá ra một cách miễn-cưỡng; bằng tò-mò hơn là trách-nhiệm, là tuồng ngôn-



ngữ độc-dáo của chúng. Xin phép đi về vì đau đầu thì chỉ lò dò lên đứng trước mặt, nhìn trân-trân vào thầy :

— Đau đầu quá

Ngồi viết gầy ngồi tản-mãn không làm việc trong giờ chép bài, nếu hỏi đến thì trả lời :

— Gầy

Hoặc như những đối đáp sau đây của tôi và của thằng Đi, khi tôi thấy nó bận chiếc áo «veste» dần bà, quá trái ngược với cảnh nghèo-nàn của lớp học, của bản-thân nó, cũng như của cả toàn-thể lối xóm.

— Đi ! Cái áo của em đẹp nhỉ ?

— (Nhìn trân-trân) : Mẹ !

— À ! của mẹ cho em phải không ?

— (Gật đầu và cười). Lần đầu-tiên nó dám cười với tôi.

— Mẹ làm gì ở nhà ?

— Đà-nẵng.

— À, mẹ ở Đà-nẵng. Làm gì ngoài đó ?

— (Cười và nhìn trân-trân không nói gì cả).

Thì ra không có gì sợ-sệt chúng nó mới nhìn trân-trân. Những lúc thích-thú hả-hê chúng vẫn cứ đặt cái nhìn đó vào mình như là để cứu-cứu.

Đã có lần tôi nghĩ rằng, cùng chung một tốc-lực phi-thường — tốc-lực chạy đua với thầy — mà những con đà-điều của tôi không bao giờ lại chịu chun đầu vào các hiem-ghèo... dù rằng cách biểu-lộ

tình-cảm của chúng — trước những hiềm-nghèo — cũng đại-dột nguy-hiềm không kém gì đà-diều.

Trở lại chuyện thằng Đi, khi tôi hỏi mẹ nó làm gì nó chỉ trả lời tôi bằng cặp mắt vô-trách-nhiệm và cái cười để lộ mấy chiếc răng sún. Nó cười không phải để che cái nghề của mẹ nó dù rằng sau này tôi biết mẹ nó đi ở mướn ngoài Đà-nẵng.

Hôm ấy, nó cười chỉ vì nó thấy tôi chú-trọng đến cái áo đẹp của nó, đến nó, và giọng nói của tôi ngọt-ngào.

Sự ý-thức về cái nghề như vậy chưa có ở tuổi thằng Đi, dù rằng những tiếng « đi ở mướn » không phải là đã không lọt vào tai nó những khi nó được dự những cuộc bình-phẩm về mẹ nó của bà con lối xóm. Con nít chóng nhớ chóng quên, danh-từ hơi lạ tai về nghề của mẹ nó không còn đọng trong óc nó mấy-may khi tôi hỏi nó tình-linh, nên nó chỉ lấy mấy chiếc răng sún trả lời tôi.

Về sau tôi lại biết rõ thêm, không riêng gì thằng Đi, gần hai phần ba số học-sinh của tôi đều có cha mẹ anh chị biệt làng đi làm ăn xa. Đà - nẵng, Phan - thiết, Sài-gòn... mà hầu hết đều làm một nghề giản-dị như nghề của mẹ thằng Đi.

Sự khám-phá của tôi không có ần-ý sẵn-sóc gì cho đám học-sinh mà chỉ là do những tình-cờ của những trường-hợp tôi bắt gặp những vật-dụng vượt hẳn mức mua sắm thiếu hụt của chúng.

Như trường-hợp thằng Rân. Dù đã nhiều lần tôi dọa-nạt nó vẫn không sắm nổi một quyển vở học, để cứ viết lãn lộn bài tập và bài học vào chung một quyển hoặc đã nhiều lần tôi thúc-dục nhưng nó vẫn chưa chịu hớt tóc dù cái đầu bù-

xù của nó làm nóng lây đến những ai thoát nhìn nó, chỉ vì nó không có hai đồng để hớt tóc, thế mà một hôm tôi thấy nó có một quyển sách sử-ký lớp nhì, giá 25\$, còn mới tinh nhưng lại rách đi một nửa cái bìa mặt. Xin nhớ rằng nó mới học lớp Tư.

Cũng theo lối vấn đáp trên, tôi được Rân cho biết cặn kẽ vì thằng này lớn hơn thằng Đi hai tuổi — quyển sách đó là của cha nó đang làm việc ngoài Đà-nẵng mới « đi xe điện » về cho nó.

Không hiểu làm sao hôm ấy, khi nhìn thằng Rân vui sướng lộ trên nét mặt, nghiêm chỉnh ngồi giữa lạt từng trang cho các bạn vây quanh thưởng-thức những tranh ảnh trong sách — bức ảnh chúng đương dừng lại lúc ấy là bức ảnh tướng Henri Rivière râu - ria xồm - xồm trong chuyến đi trận ở Cầu Giấy — tôi lại xây dựng trong óc một trường hợp tương-tượng kỳ quái là cha thằng Rân trước hết cũng làm cái nghề như mẹ thằng Đi — dù rằng nó có khoe là cha nó đi về bằng xe điện — và sau nữa quyển sách lở mới lở cũ đó do cha thằng Rân đã đánh xoáy của nhà chủ ở Đà-nẵng, trong trường hợp thấy bỏ vật vạ rẻ rúng để rồi dấu cất vào một nơi và nhân một ngày được phép chủ về quê, như ngày mồng năm chẵn hạn — trong giờ đoàn tụ gia - đình chồng vợ cha con lâu ngày gặp gỡ, quyển sách rách bìa đó sẽ đứng ra làm chứng cho mối tình tha thiết của cha thằng Rân khi vì sinh kế ông phải từ giã cái quyền làm cha để đi phụng-dưỡng cho những người cha khác.

Tại sao tôi lại không nghĩ rằng cha thằng Rân đã xin quyển sách đó của chủ, một việc thật êm đẹp ? Có lẽ phải cứ nghĩ

CHIỀU TÌNH LÝ

*Côn-trùng than dưới cỏ
Con đường đá mờ dần
Người lê đôi gót gỗ
Chiều tình lý rộng không*



*Ngàn thương như bằng quơ
Lên không-gian mờ mịt
Tiếng hát buồn vu-vơ
Đưa lòng bay xa tít*



*Từng mái tranh le lói
Đèn không sáng âm-u
Nỗi eo sèo chẳng nói
Sầu ngưng thành lao tù*



*Người ngồi trong bóng tối
Khe khe giọng kính cần
Sao lên ngày hấp hối
Buồn tan trong đêm sâu*



*Ôi! những chiều tình lý
Năm tháng dài hoang-liêu
Đời đời không biến đổi
Như thành-phố tiêu-diêu.*

HUY-TRÂM

rằng ấu cấp đề thâm-thiết hóa — hay là hân-học hóa ? — sự nghèo nàn của đám học-sinh của tôi trong khi chính bản-thân tôi đã được sinh sống trong những tiện nghi đầy đủ mà vẫn khó chịu.

Viết đến đây tôi thấy rằng tôi đã dính-dự quá nhiều vào đám học-sinh — từ đời sống riêng-tư cho đến những sinh-hoạt thất-thường — trong khi cũng chính tôi lại nói rằng đã tách rời được khỏi chúng bằng tấm màn đề-phòng mà tôi đã lo liệu từ trước. Rồi hình như cũng chính tôi đã tuyên-bố rằng đã thành-công trước mọi khiêu-khích của chúng bằng cách dựa ngửa vào tấm bình-phong — tấm màn — để xây lưng lại với đám học-sinh.

Như vậy phải chăng là tôi đã tự mâu-thuẫn ?

Hay là tấm bình-phong của tôi đã bị chọc thủng rồi ?

Thưa các bạn, nếu tấm bình-phong đó là cái lưng của tôi thì ngay bây giờ tôi có thể vén áo lên ngay đề các bạn thấy rõ nguyên từng lỗ thủng một.

Vâng, những con đà-điều của tôi đã bắn thủng thành bằng những viên đạn mãnh-liệt, và chắc các bạn đã hình-dung được rồi về thâm-hại của tôi, ông tướng giữ thành, khi không tìm được gì, ngay cả hai bàn tay, để bít lại những lỗ thủng đó.

Một trong những đứa bản mạnh nhất là con Ba. Thật không ngờ những cử-chỉ nhỏ-nhặt của nó lại quyết-định cho cả thái-độ gần như là cả cuộc đời của tôi.

Hôm ấy lễ phát tặng-phẩm của hội « Mẹ nuôi Quốc-tế » — là 80 đôi gấc sơn quai hoa — đương cử-hành long-trọng ở trường với sự dự-chứng của các vị đại-biểu chính-

quyền địa-phương, khi tất cả những đứa khác đang mãi-mê hí-hửng vì những chiếc guốc xinh-xắn làm giàu sang cho bàn chân của chúng, thì con Ba ngang-nhiên làm một việc kiện-cáo mà tôi không ngờ được.

Nó lãnh được một đôi guốc rất đẹp, sít-sao với chân nó, bàn chân của tuổi lên sáu chỉ hơi nhích hơn một chiếc bánh sứa, nhưng nó không chịu nhận và xin được đôi một đôi nhỏ hơn.

Tôi gắng hỏi thế nào nó cũng không nói.

Mãi đến khi tôi nghiêng tai vào sát miệng nó, nó mới chịu lí-nhí hai ba tiếng như những tiếng lảm-nhảm của một bà già đứng tuổi: nó muốn một đôi guốc nhỏ hơn để cho em nó.

Tôi giật mình. Thật sự không phải vì cảm-động nhưng vì cái ý-nghĩ lẩn-thần làm tôi không xua đuổi được sự khó chịu gần như vô-lý: thế ra con Ba chưa phải là một hiện-tượng bé-bóng với cái khô-hình lách-nhách như một con chim sẻ cần rất nhiều sự che-chở của một người trưởng-thành là tôi như tôi thường tưởng xưa nay?

Trái lại, từ lâu nó vẫn ngang-nhiên làm công việc của nó là che-chở săn-sóc — thật đúng là săn-sóc — cho một đứa trẻ khác.

Tôi có cái cụt-húng như vừa gân cổ trình-bày một bản tân nhạc khi ngay bên cạnh một máy hát đang mở đúng bản đó.

Một điều làm tôi bật ngửa ra, chứ không phải chỉ cụt-húng thôi, là con Ba không những chỉ có một mà có đến ba đứa em.

Một đứa năm nôi, một đứa đang bò, và đứa lớn nhất lên bốn là đứa đang được dùng đôi guốc.

Tôi biết rõ cái quyền làm chị dỗi-dào của con Ba, nhân một câu trả lời của nó trong bài Tập-làm-văn.

Đây là câu hỏi: « Em hãy kể những người ở gia-đình em. » Và đây là nó trả lời:

« Những người trong gia-đình em là: cha em, mẹ em, anh của em, em của em, em của em, em của em. . . »

Từ hôm tôi biết được ba đứa em của con Ba theo lối trả lời của nó, tôi lại còn phải hối-hận xót-xa vì lại được biết thêm rằng những vết mực, những dấu rách trên sách vở của nó — mà tôi hằng quờ-phạt — không phải là do nó gây ra mà là do con Tư đứa em kể nó, những khi giận-hờn thường xốc-xáo vở sách bút mực của nó cho hả giận.

Mà nó thì vừa tan học về liền phải vất sách vở ra để nách lấy một trong hai đứa nhỏ cho mẹ nó đi làm.

Nó mới lên sáu?

Sự lẩn-thần nếu không nói là ích-kỷ của cái thành, cái bình-phong, cái màn, hay tấm vải dẫu, trong tôi bắt đầu tan từ đây.



Tôi xin kể các bạn nghe một vài nhận xét của học-sinh của tôi — những em học-sinh của tôi — từ ngày tôi đổi thay cách nhìn về cuộc đời.

Một hôm, buổi chiều ở lớp học ra, tôi chợt nhìn thấy thằng Đi vừa chạy vừa nhẩy cẳng làm vung-vãng cả bao sách vở làm bằng giấy xi-măng đeo ở vai tay xia về phía mặt trời lặn miệng reo dòn dã:

— Dưa hồng bữa nay ít chín! Dưa hồng bữa nay ít chín! Thì ra như thế. Mọi hôm mặt trời lặn da trời đậm-điều

mầu máu ứa, vì là những hôm trời mưa, còn hôm nay cả ngày gió dịu, nên khi mặt trời xuống núi, chân trời chỉ phơn-phớt mầu hồng, nên thằng Đi bèn nghĩ rằng đũa hồng của nó ở trên nền trời — cũng có đũa cho rằng da ông trời — không chín đỏ bầm như mọi bữa.

Như những nhà trào-phúng hiền-lành, thỉnh-thoảng học-sinh của tôi còn giúp tôi tìm thấy những khuyết-diểm của tôi mà không có một chút tự-ái nào cho tôi cả.

Nhân dạy chữ « Hợp-quần », đáng lẽ phải dùng lối quy nạp, không hiểu sao hôm ấy tôi lại đâm lảng như cũ, dùng lối diễn dịch, bắt đầu vào tôi liền hỏi ngay :

— Hợp-quần là gì ? Ai biết ?

Qua một giây yên-lặng thằng Chính trả lời :

— Hợp-quần là, thưa là cái hộp đựng quần áo.

Bước chân chỗ tôi đứng như vừa sứt, tôi giặt nầy mình thắm rõ cái lỗ của mình.

Tôi đã phát-vấn học-sinh trong khi chưa gây trước cho chúng ý-niệm đúng được chữ hợp - quần, nghĩa là tôi không dùng, lối qui-nạp để những nhà du-lịch tí-hon của tôi hăng-hái đi chệch ra ngoài toa tàu lệch - bệch là sự chuẩn - bị chềnh - mảng của tôi.

Đã lỡ khó bề xoay ngược tôi tiếp luôn trong khi cố giữ bình-tĩnh, vì khoa Sư-Phạm không cho phép trực-tiếp phủ-nhận ý-kiến của Học-sinh dù là ý-kiến ấy sai.

— Chưa đúng ! em nào có ý-kiến ?

Cả một loạt tay đưa lên. Tôi mừng rỡ tưởng rằng lần này những trái pháo thặng-

thiên đã rơi vào đúng mục-tiêu. Tôi chỉ thặng Ờ, một đũa lớn nhất, khá nhất.

Như đồng ý với tôi, Ờ đứng dậy trang nghiêm, và nói một cách chắc chắn :

— Thưa Hợp-quần nghĩa là phải giữ gìn quần áo sạch sẽ, phải giặt bằng xà-phòng...

Tôi không cảm được nóng-nảy :

— Chưa đúng ! em khác !

Thằng Sang — một đũa trong loại bé nhất — đứng thặng dậy, mắt nhấp-nháy một cách có ý-nghĩa :

— Và thưa, và phải ủi, là cần-thận cho hợp Vệ-sinh nữa ạ !

Tôi hoàn-toàn chịu lỗi ở phút đầu cũng như ở phút cuối trong cái nghĩa Vệ-sinh của chữ Hợp-quần, vì cái thói quen sau đây của tôi : ngày thường khi một đũa đã phát-biểu đúng tôi vẫn tảng lờ như là sai, giục những đũa khác phát-biểu tiếp để tập chúng suy nghĩ và tập cho đũa kia sự giữ vững ý-kiến.

Cho nên... từ chỗ « hợp-quần » được giải thích ra là hộp đựng quần áo, học trò tôi vẫn ngang nhiên diễn dịch ra đến những vấn-đề giặt và sát xà-phòng.

Và dù tôi đã xằng giọng không nhận, thằng Sang vẫn tỏ ra là đã đi guốc trong bụng tôi với cái nhấp nháy mắt có ý nghĩa như nói với tôi là đã cảm thông cái giả vờ của tôi, tặng thêm cho tôi sự quyết-định cuối cùng là công việc ủi, xếp cho thành nếp những bộ đồ đã giặt xong để chấm dứt nghĩa chữ « hợp-quần » trong một sự lạc quan vô bờ bến của nó.

Không nói chắc các bạn cũng đoán được sự chung hứng chán ngán của học-sinh khi

tôi lôi chúng lại, bắt chúng đi vào chữ « hợp-quần » với cái nghĩa luân-lý.

Giờ Đức-dục hôm ấy tôi dạy một cách khờ sờ như người phải ăn một chén cơm đầy ớt và muối mà chính tự tay mình bỏ vào.

Những mẩu chuyện đầu của tai nheo như vậy của thầy trò nhà tôi làm tôi thêm kính nể những nhà hải hước mà tin rằng những sưu-tầm của họ — mà tôi được đọc trong các sách báo trước đây — không phải là những điều bịa đặt.

Một hôm, giờ « Tập-đọc », tôi hỏi học-sinh lớp Tư, vì sao ông ngoại của Tuấn — nhân-vật trong bài Tập-đọc — lại mang gương trong khi đọc sách ?

Thằng Đi không ngần ngại trả lời :

— Vì cặp mắt của ông đã bạc rồi.

Nó nói cũng có lý đấy chứ, các bạn nhỉ ? Tại sao trong khi tóc có thể bạc, râu có thể bạc, mà mắt lại không bạc được ?

Cái đám học-sinh của tôi hay lẫn lộn cái đã học và cái chưa học làm một. Như một hôm tôi hỏi một đứa ở lớp Tư nước ta ngày nay do ai làm chủ — lãnh-đạo — thì có đứa trả lời là do ông Lữ-Gia vì hôm qua nó mới học được bài Việt-sử « Vì nước quên mình ; ông Lữ-Gia » là bài đầu tiên nó được học theo lối kể chuyện ti-tê, thêm lại được xem tận mặt hình ông Lữ-Gia với đủ cả ba chòm râu dài.

Và rồi liên-tiếp những tuần sau khi đã qua khá nhiều hiểu-biết của nhiều giờ Việt-sử, có đứa an-tâm trả lời tôi là ông Ngô-Quyền người nước Tàu khi tôi hỏi đến thịnh-linh.

Trong cơn thất-vọng bất-ngờ, tôi chợt hiểu rằng với câu trả lời như vậy, đứa Học-sinh đó không phải là đã cầu-thả

TÌNH BẮC NAM

Anh là người xứ Bắc
Em là người miền Nam
Một chiều nghe tiếng hát
Mòn mỏi anh đi tìm.



Tìm mãi tới xóm Tây
Không người em tiếng hát
Khỏi sầu dâng man mác
Em miền Nam thơ ngây !



Tìm mãi sang xóm Đông
Có người em áo hồng
Lẳng lơ đưa tiếng hát
Cuồn cuộn sóng dòng sông



Hàng tre cao vi vút
Hàng dừa ngã thướt tha
Phải người em tiếng hát
Lòng anh dường để mê



Ngày ngày qua bên ấy
Chiều chiều sóng dòng sông
Đôi ta tìm nhau thấy
Ấm ấm tình đôi lòng.



Đôi ta cùng thệ ước
Cuối năm trời trăng tròn
Em về bên xóm Bắc
Cho tình thêm mặn nồng.



Đôi ta ở với nhau
Son sắt đẹp coi trầu
Ngày kia đàn con nhỏ
Vui cảnh đời khổ đau.

TRẦN-HÀ-TRUNG

hoặc kém trí-nhớ mà chính là nó đã ghi-nhận đúng những gì nó được nghe nhắc đến nhiều nhất. Phải chăng bài Việt-sử nào mà không có nhắc đến « Quân Tàu » « vua Tàu » « nước Tàu » thường-xuyên đi kèm với tên các vị anh-hùng của ta — trong nhiệm-vụ chống lại lũ đó — mà trong một sự vô tình là người ta không hề nhắc rõ ràng cho nó hiểu nước của các vị anh-hùng, nước của nó đang sống là nước Việt, đề cử nghĩ theo lối người lớn dùng trống không những tiếng « nước ta » « quân ta » mà cứ tưởng rằng khối óc tí-tẹo của nó đã thừa hiểu nước ta, quân ta là ai rồi.

Khi nó bảo ông Ngô-Quyền — một danh-từ riêng kêu gọi như một cái nhãn đẹp — người nước Tàu — cũng lại một danh-từ riêng thì cũng giản-dị như cái việc nó lặp lại vu-vơ không đầu, không đuôi một câu vọng-cò hấp dẫn nhất mà nó còn nhớ sau một đêm kịch.

Từ đó tôi thấy rằng căn phải chịu khó gập cái lưng người lớn xuống một chút nữa để bắt cho gập những hơi thở — có thể không lấy gì làm tốt cho bộ phổi nếu không được gạn lọc — của lũ học trò đang còn là chồi non mới nhú là là trên đất.



Những chiếc chồi non ở đồng quê của tôi ấy, các bạn ạ, nó đi đến học văn bằng một đường thẳng băng, giản dị. Những cái gì chúng bắt gặp hôm qua chúng đều gặp chung với cái hôm nay mà không hề phân chia riêng rẽ : có đĩa lãn đầu tiên được xem đôi đĩa mun — sau khi quan-sát — nó cho là làm bằng lọ nôi. Cũng như con Ba — chuyện này nói nhỏ thôi — gọi cái « ú-chiêng » là cái « xíp-líp vú » khi nó được biết cái « xíp-líp » trước cái « ú-chiêng ».

Con đường ấy trong tâm não của các em tôi còn thẳng suốt chưa có một vết chân ngờ vực, thật là in hệt như chiều đi của những con đường nhựa nào mà chúng bắt gặp — trong những bài địa-lý cũng như trong thực-tế — đều đưa chúng đi đến Đà-nẵng dù bất chấp là khi ấy chúng đang quay mặt về hướng nào.

Cũng chỉ vì « Đà-nẵng », « mẹ » và « cha » là những thứ chúng cần biết đến nhiều nhất khi cha mẹ chúng đều ở Đà-nẵng. N... hời óc là một chiếc hộp có nhiều ngăn thì những tiếng ấy chắc chúng luôn luôn để chung trong một ngăn.

Từ sự nhớ cha, nhớ mẹ của thằng Rân và thằng Đi, có thể bắt qua chuyện thằng Được. Ngay bây giờ và chắc là cả về sau này, không có ai trên đời này có thể lấp được cái lỗ hồng của cuộc đời của thằng Được, chỉ vì nó là một đứa con hoang, không cha, mẹ.

Mùa chiêm năm Tỵ, ông Hí nhất được nó trong đám dêu ngoài bãi, nó đương còn là một cục thịt đỏ hồng như một con chuột con chưa mở mắt, đến nay tuy đã được xác-định làm người với cái tên « Được », nhưng cái mỹ-hiệu này lại nặng về nghĩa động-từ hơn là trạng-từ nên địa-vị của nó trong gia-đình ông Hí cũng không vẽ-vang gì cho lắm.

Sau nữa, đối với tôi, nó là một học-sinh trong buổi sơ-giao, và cuối cùng nó còn là một người bạn một nắng hai sương của con trâu xe. (Đa số học-sinh của tôi đều một buổi đi học một buổi chăn trâu).

Ngoài ba đối-tượng trên, chưa có ai tha-thiết đặt cho thằng Được cái hôn trên cặp mắt lé của nó bằng cặp môi của một người mẹ, hoặc người chị, miễn là cùng

BƯỚC THỜI GIAN

Hãy gieo cánh hồng
Trên bước thời gian
Semons de roses
Les pas du temps.

Gérard de Nerval.

II. CHIỀU

Hồn chuyển màu tô sông núi xanh
Về đây mây nước lạc tâm-tình.
Mỗi chiều say mộng hôn trong sách :
Anh của em và em của anh.
Dịu dịu hương trời nắng nhạt say
Bờ cây lưu-luyến tiễn đưa ngày
Mây chiều thấp-thoáng trôi sau núi,
Tóc liễu dầm sương gió lất lay.
Chỉ neo ai sang ai chẳng sang
Chòm hoa mơn mõi như trăng vàng.
Bâng-khuâng tóc rối vương đầu gió,
Mơn lướt chờ tay thuở dịu dàng.
Thuyền buộc bờ sương đêm sáng trăng,
Vườn khuya lọc bóng nở gương vàng.
Lơ thơ lá rụng đêm dày dại
Ai hát hoài câu : thiếp nhớ chàng !
Lặng lẽ đời trôi không dư-âm,
Lòng xuân hoài-tưởng mãi trăng rằm
Còn bao xa nữa về trong đất ?
Tình giấc thần-tiên, vớ nguyệt cầm !
Mây đây hương theo gió hững hờ,
Hồn chiều nghe vọng những âm mơ.
Lung-linh khói thuốc vờn hư ảnh,
Nặng nặng đầu mỗi ý đợi chờ ...

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

điệp với nó một dòng máu. Hoặc ước gì cái giọng nói ngọng của nó đọc cái « ổng điếu » thành ra cái « ổng đi » — mà được một cái miệng yêu-dấu nào nhái lại trong một đêm mưa quây-quần dưới mái ẩm, hoặc cái đầu chốc của nó có một bàn tay thần-thí nào gỡ bớt cho nó ít mảng, thì cuộc đời của nó sẽ êm-i, thi-vị biết bao !

Tôi biết hơi muộn về lai-lich của « con chim sâu » của tôi, học-sinh thấy nó ốm quá nên mượn tên một vật bé nhất của ngành lông vũ mà gán cho nó như vậy.

Nhân một ngày vào giữa niên-khóa, tôi khen nó một cách thành-thật trước mặt ông Hi, mà tôi tưởng là cha ruột nó, về sự thông-minh của nó, thì tôi bắt gặp ở miệng của ông này, một cái cười xā-giao, không lấy gì làm tươi lắm, chỉ gì ông ta không thấy tôi đã động gì đến thằng Như, đứa con ruột của ông cùng học một lớp với thằng Được — mà học rất tồi — mà bấy lâu tôi vẫn tưởng là anh em ruột với Được.

Như một người yêu đời thình-thoảng phải nói dối ít nhiều với người chung quanh để được cùng nhau vui chung trong một vài khoảnh khắc về một đề-tài có thể là rất vu-vơ, tôi đã định tâm sẽ theo-dết thêm về tình-cảnh của thằng Được, từ khi tôi rõ được sự thật về đời nó, để cống-hiến với các bạn một ít tài-liệu thăm nảo của đám học trò mà tôi được xem như là người gần-gũi chúng nhất, và cũng chính là đề-thỏ-l (những tình-cảm thiên-vị của tôi đối với riêng thằng Được, đứa học-sinh mà tôi tưởng là hình-ảnh khổ-sở độc nhất và hiếm có nhất của trường.

Nhưng rồi tôi đành thôi vì những lý-do sau đây :

Một hôm, trong một bản báo-cáo về cấp trên, tôi có nhiệm-vụ phải chọn mỗi

lớp — tôi dạy hai lớp — một học-sinh nghèo nhất để lãnh số tặng phẩm mà cấp trên đã phân-phát.

Ở lớp Tư, tôi chọn thằng Được.

Sang lớp Ba, tôi tưởng sẽ khó-khăn vì sẽ không có trường-hợp nổi-bật như của thằng Được để mà chọn.

Nhưng rồi việc làm cũng thành ra khó-khăn — với cái nghĩa trái lại — là lại có rất nhiều trường-hợp nổi-bật và rắc-rối hơn là của thằng Được. Làm suốt một giờ mà tôi chưa biết sẽ chọn ai trong những đứa sau đây :

Thằng Khanh, mà với cái xác của nó, đáng lẽ phải học ban Trung-học, sống với bà nội, và bà nội của nó thì sống bằng nghề buôn lá chuối, ngược ghe về nguồn mua lá rồi xuôi về chợ bán.

Điều mà nó giấu tôi, mà vẫn lọt vào tai tôi, là hết năm nay nó thôi học vì bà nó muốn nó ở nhà để cưới vợ và lo khói hương vì nó là đứa cháu trai độc-nhất trong khi cha nó đã đại-dột bỏ làng đi « tập-kết » từ bốn năm nay.

Còn mẹ nó thì cũng bỏ làng đi « trong », từ hồi năm ngoái vì một chuyến buôn thua bán lỗ không trang-trái nổi nợ nần.

Đứa thứ hai là Hồ-Bá-Minh. Danh-tính quả không hổ với người : vóc lạnh lợi, gương mặt sáng-sủa và có triển-vọng là một ca-sĩ vọng cổ vì giọng nói tốt và nhờ nó dựa lưng với rạp hát.

Tôi còn nhớ ngày khai-giảng cái tên đôi hoa-mỹ của nó trong xấp đơn lãn-lộn những tên chiếc nôm-na khác : như Trần-Vện, Nguyễn-Kền... đã làm tôi chú-ý đến nó do cái cử-chỉ gần như vô-ý-thức của thói quen chuộng hình thức của tôi. Và

cũng do đó tôi tìm ra tên cha nó là Lê-Bống chứ không phải cùng một họ Hồ như nó. Điều này, vì bạn chưa có dịp hỏi ra, đến nay tôi mới biết : ông Bống là cha ghe của thằng Minh, người chồng thứ hai gá nghĩa với mẹ nó từ ngót mười hai năm nay, sau hai năm kể từ ngày cha nó bị xử bắn ở bãi Cồn bèn dê.

Cha nó bị Việt-Minh trong ngày đầu khởi-nghĩa ghép tội là thân Tây, tuy ông chỉ là một đội « khố-xanh » về hưu.

Kề ngược lại thì ngày ông Hồ-Bá-Trùng cha thằng Minh bị xử bắn nó mới gặp tôi-tôi.

Cuối-cùng còn hai đứa, trong số bốn đứa được tuyên-lựa, là thằng Út và con Chén, một đứa mất mẹ và một đứa mất cha và cùng mất trong một trường-hợp như nhau : nghĩa là đều bị mòng phận chết dưới mũi đạn của Lê-Dương trong những cơn căm ngái này muốn giải-trí bằng cách giết người.

Tôi không có cảm-tình mấy về cái chết của cha và mẹ của Út và Chén, vì quả thật tôi không biết nói sao về cái ấn-tượng đã thành thành-kiến trong tôi, là trong ngày khói-lửa của thời-gian xa-xưa ấy, những cái chết trong nháy mắt, vì đường đao mũi đạn, được xem là khỏe-khoản hữu-phúc vì con người còn phải ngạc-ngoại với chán-vạn những cái chết thảm, chết khốc khác vì đau vì đói vì bom lửa lột da, vì tra khảo lâu ngày...

Nói như vậy cũng không có nghĩa là tôi sẽ nhứt tâm chọn một trong hai đứa là thằng Khanh và thằng Minh, vì hôm ấy sau khi đã cân nhắc cẩn thận, cuối cùng tôi đi đến kết-quả là không chọn đứa nào cả trong bốn đứa tôi đã kể trên.

Sự quyết-định đó tôi vừa nảy ra một cách bất ngờ trong khi đang tiến hành cuộc thăm dò ngán ngủi, chính chỉ vì một lý do giản dị mà không làm cho tôi vui lắm, là tôi vừa được học trò của tôi ở lớp Ba cho biết là xong niên-khóa này sẽ không còn đứa nào trở lại trường nữa. Có đứa còn cả quyết rằng sẽ không phải đợi hết niên-khóa mà chỉ trong một tháng hoặc trong một tuần nữa — và nếu tôi không nghe lắm thì chính thằng Minh đã bảo rằng chỉ trong nay mai — là tất cả chúng sẽ không còn để cho tôi trông thấy mặt nữa.

Chúng cho biết con đường thực nghiệp của chúng sẽ khởi sự với những bước đầu sau đây : đi học may, học hút, học sửa xe đạp..., hoặc xa hơn, thành một bác phó mộc, một bác thợ hồ, hoặc gần hơn là tiếp tục cuộc sống nông tang như chúng đã từng dính dứ ít nhiều xưa nay.

Trên đây là số phận của những đứa phải dứt ngang việc học vì ý muốn của gia-đình. Chỉ sấu một nỗi là có một vài đứa sẽ rời khỏi trường với cái động-lực thúc giục của riêng cá-nhân nó — mà cha mẹ, anh chị nào của nó cũng không lay chuyển nổi — là sẽ đi tìm một cuộc sống mà chúng tưởng rằng rất vẻ vang, ở bất cứ thành phố nào mà nó được nghe nói đến do sự truyền đạt về vời của một số các ông anh vốn đã từng bỏ làng đi làm ăn ở ngoài đó, trong một chuyến về làng với một bộ cánh sặc-sỡ đã không tiếc lời khuyến-khích lôi kéo chúng.

« Thôi được vậy. Những sách vở giấy bút này sẽ đồn lại cho lớp Tư, cho bọn thằng Rân, con Ba..., ít ra nó cũng thuộc về mình trong một năm nữa ».

Tôi tự bảo mình, gần như là kêu lên như vậy, khi phải chứng-kiến sự việc vừa xảy ra.

Rừng...

*Rừng mênh-mông xanh thẳm
Màn cây bao mịt mù
Tránh cuộc đời bụi-bặm
Nằm giữa rừng, nhớ nhung...*



*Tiếng rừng dang âm í
Từ đâu đó dội về
Suối ngàn năm rử rí
Tám-sự buồn sơn-khê...*



*Hương-hoa thơm dịu-dịu
Ngây ngất kẻ phố-phường
Phong-lan rừng yếu-điệu
Phò mình trước gió hương...*



*Ta nhập vào cây cỏ
Rừng bao-la... bao-la
Hồn bơ-vơ bé nhỏ
Đất trời mở rộng ra...*

Rừng Bào

30-7-59

HUY - LỰC

Có gì đâu. Đối với tôi bây giờ, học-sinh lớp Ba chỉ là những con chim sớm bay cao, sắp lìa xa, những thức mồi thông-dụng này là sách, vở, giấy, bút đối với chúng đã trở nên vô-nghĩa.

Lối kết-luận như vậy rõ ra đã xuất-phát từ một tâm-trạng không mấy bình-tĩnh, nhưng nếu các bạn hiền cho, quả thật tôi không còn tự chủ được nữa, như tôi đã nói ở đoạn đầu, khi phải đứng trước một tình-trạng quá đột-ngột.

Từ bấy lâu, tôi cứ tưởng thầy trò nhà tôi đã được sống trong một trật-tự bình-thường. Học-sinh được yên ổn học tập trong không khí bình-tĩnh, cái việc buổi buổi cấp sách đến trường là một sự việc hiền-nhiên đã được ghi nhận trên bước đường tương-lai của chúng.

Nhưng sự thật bây giờ đã hiện ra với tôi. Tôi biết ra rằng những gì bấy học trò tôi đã được hưởng trong thời gian qua — trong thời gian không quá sáu tháng — chỉ là một giấc mộng bành-bồng, một giai đoạn thí-nghiệm của cuộc ganh đua cấp thời khi gia-đình chúng cũng như toàn thể địa-phương đều xem sự cho con em đi học là một sự cạnh tranh với láng-giềng, một loại bắt chước hay lây, như những bệnh hay lây khác ở thôn quê.

Tôi tự hứa sẽ đề tâm dạy dỗ siêng năng những thằng Rân, thằng Đi, con Ba, là đám học-sinh lớp Tư còn lại, trong khi tôi hoàn toàn bất lực không ngăn cản nổi chuyện lấy vợ của thằng Khanh, chuyện đi vong mang của thằng Minh... những chuyện cấp thiết đang dồn-dập tới cho bọn học-sinh lớp Ba của tôi khiến chúng phải nôn-nả háp-tấp như những nhà nông đương nông-vụ tân-thời.

Nếu không có một chút xao-buồn vô cớ, tôi có thể thỏa-mãn với tình-thế để xem việc làm của tụi lớp Ba là hợp lý chí-tình, khi, hoàn-cảnh gia-đình và địa-phương đã tạo-định cho chúng thành những móng chuối trui-trần đang sục-sạo thêm-thường đất sống để này nức lan tràn, khi lớp học, với bao nhiêu nề-nếp bình-tĩnh đòi hỏi thì giờ và tiền gạo, là một chiếc chậu kiền xa lạ chỉ riêng thích-hợp với loài hoa...

Hôm thứ năm, cách ngày chọn phát tặng-phẩm đó không xa, tôi suýt ứa nước mắt khi thấy thằng Kỳ của dục trên vai lẻo-đẻo sau cha nó, cùng đi ngang qua trường để đi nghề trong một chuyến mở hàng, khi mới tuần trước nó còn đang dậm-dọ, thắc-mắc với tôi về những vòng « cực-khuyến » ở Bắc và Nam bán-cầu trong một giờ Địa-lý.

Và tôi đã cười ra nước mắt, khi một tháng sau đó tôi bắt gặp thằng Hồ-Bá-Minh hớn-hở trong chiếc áo ca-rô cỡ bẻ hơi quá rộng đối với cỡ hình nó đang

ĐÓN ĐỌC :

MÂY MÙA THU

Giai-phẩm mùa thu của một nhóm văn hữu miền Trung sẽ xuất bản vào thượng tuần tháng 9 năm 1959: Tiều-Dân, Phan-Du, Minh-Đức, Bùi-Giáng, Vũ-Hạnh, Vũ-Hân, Tạ-Ký, Tường-Linh, Võ-Phiến, Nguyễn-Phúc, Thu-Tâm, Đỗ-Tấn, Huy-Vân, Nguyễn-Vân-Xuân... cùng một số cây bút quen thuộc khác.

đứng trước cửa lớp bình-thản nhìn vào thầy trò tôi như không hề bao giờ quen biết, như tưởng nó có phần thị-uy với đám học-sinh và lẫn cả tôi về vai trò nó đang làm ở Đà-nẵng.

Và điều làm nó có cảm-tưởng đã ngang-hàng với tôi, không cần phải chào hỏi đến tôi, là dưới chân nó cũng dang-hoàng một đôi « săng-dan » da lộp-cộp như tôi, tuy có hơi cũ xác-xơ và không vừa-vặn với chân nó.

Nếu cần phải dò một hồi trống, như hồi trống bãi lớp để chấm dứt sự liên hệ giữa tôi với thằng Minh và toàn thể học-sinh của tôi ở lớp Ba — cũng như để chấm dứt câu

chuyện của tôi hôm nay — tôi tưởng cũng nên buông ra đây mấy câu thơ tôi đã làm trong một lúc hứng cảm sau những cơn buồn, vui lẫn lộn ấy :

*Trường tôi có nắng buổi mai
 Có đồng lúa hẹp chạy dài ven đê.
 Có em đang ngóng mẹ về
 Có em đang quyết ra nghề độ thân.
 Trường tôi có một cái sân...*

.....

Gửi các em học-sinh
 trường Vinh-Phước Điện-bản 59.

TRÚC-ANH



CẦN MUA LẠI VỚI GIÁ CAO

- Báo TRI-TÂN (trọn bộ hay những số lẻ)
- Báo TRUNG-BẮC CHỦ-NHẬT (trọn bộ hay những số lẻ)
- VĂN ĐÀN BẢO GIÁM (cuốn 1, 2, 3)
- SỬ-KÝ của TƯ-MÃ THIÊN (Nhượng-Tổng dịch)
- THƠ ĐỒ-PHỦ (Nhượng-Tổng dịch)
- TRANG-TỬ NAM-HOÀ KINH (Nhượng-Tổng dịch)
- VIỆT-NAM CỔ VĂN HỌC SỬ (Nguyễn-Đông-Chi)
- THƯỢNG-CHI VĂN TẬP (Phạm-Quỳnh) (cuốn 1, 2, 3)
- TÙY BÚT, — QUÊ-HƯƠNG, — TÓC CHỊ HOÀI
 (Nguyễn-Tuân)

Xin viết thư về địa chỉ : (miễn phí)

Ô. PHẠM-VĂN-ĐỨC

KBC. 4310

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— Những bài đã nhận được : Đặt lại vấn-đề tìm hiểu triết-học Á-đông (Thanh - Thuyền). 15 tháng tám Xuôi chảy một dòng sông ; Qua khung cửa (Trần-Đại). Ký ức ngày khai trường (Trần-Vưu). Lịch - sử cấu-tạo núi đá vôi Ngũ-hành-sơn ở Quảng-nam (Trần - Kim - Thạch). Tôi vẫn đi một mình ; Ý-nghĩ , Phải nói (Nguyễn-Đông-Ngạc). Lữ-thứ sâu (Kim-Tuấn). Định-nghĩa, Nụ cười ; Mai sau ; Đất cũ (Thế-Viên). Dịch thơ (Lương-Mộc) Chiếc lá xanh (Phan-Thái-Linh) Truyện bên mờ (Lê-Điền) Ghé ; Lay lắt ; Hận tình ; Cầm tức (Trần - Hà - Trung) Trăng rừng (Hy-Vũ) Mưa trắng ; Thương Yêu (Từ - Thế-Mộng) Ánh mắt ; Chơi voi ; Mất mát (Kim-Phượng-Vũ) Nếu có bao giờ (Trần-Anh) Tâm tình (Trần-Lê-Mỹ) Mơ về núi Ngự sông Hương (Đặng-Hữu-Đạo) Ngày tận Thế (Nguyễn-Trình-Dzoanh). Con đường mới tại Trung-hoa Cộng-sản (N.T.M. dịch) Sao thêm (Điệp-Dạ-Tứ) Đồi bán chân (Hoài-Chi) Lặng lẽ (Trần-Đại)

Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

— Những bài không đăng : Khúc du hành (L.C.) Mưa đêm (T.Đ.) Hai con gà chọi, Người mẹ hiền (H.V.) Siemréap. Phiêu diêu (L.L.) Đẹp trong rừng (T.V.T.)

Những bài trên đây vì nhiều lý do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

— Sẽ đăng : Mưa đêm (Nguyễn-Đức-Thu).

Ô. Nguyễn - Văn - Hậu : (An-giang) Đã nhận được thư và bài của ông. Xin cảm ơn ông. Những điều ông thắc-mắc trong thư, đúng như ông nói, đều vô lý cả. Những bài đã nhận đăng đều sẽ đăng, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do. Nếu thắng hoặc có bài nào đã nhận đăng mà lại không đăng thì cũng sẽ có thư riêng với tác-giả.

Ô. Đào-Viên (Saigon) : Chúng tôi sẽ xin chuyển, danh-từ địa-phương của ông đến các ông Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í phụ-trách mục đó. Xin trân-trọng cảm-ơn sự sốt sắng góp ý kiến của ông.

Ô. Nguyễn-Trình-Dzoanh (Hội sinh-viên khoa-học kỹ-thuật Việt-nam tại Pháp). Đã nhận được thư và bài của ông. Trân-trọng cảm ơn ông. Chúng tôi rất hoan - nghênh sự cộng-tác của quý-hội. Sẽ có thư riêng.

Ô. Đ. và S. : Đã nhận được bài của ông. Đương xem — Xin ông cho biết tên thực và địa-chỉ hiện-tại để tiện trao đổi ý-kiến.

Ô. Cao-Hoàng-Nhân : Đã nhận được bài của ông (điểm-sách — thơ — tản-truyện). Rất cảm ơn ông. Xin cho biết tên thực và địa-chỉ để tiện liên-lạc.

Anh Mạc-Ly-Châu : Đã nhận được tất cả. Rất cảm ơn anh.

N. T. M. (Rome) : Đã nhận được thư và bài của ông. Rất cảm ơn ông đã góp những nhận-xét xác-đáng và khuyến-khích chúng tôi nhiều. Sẽ xin có thư riêng.

Điệp-Dạ-Tứ : Đương xem « Sao Thần »
Sẽ xin có thư riêng.

Tam Thập Ngũ-Lang : Xin ông cho biết
tên thật và địa-chỉ để tiện việc liên-
lạc và trả nhuận-bút.

Ô. Lãng-Lãng : « Siemréap » có một
vài nét đẹp. Nhưng rất tiếc toàn
bài không được hay. Chờ sáng-tác
khác của bạn.

Anh Trần-Đại : « Mưa đêm » không dở,
nhưng chờ đăng những sáng-tác
đặc-sắc khác của bạn.

Bạn A. P. L. (Huế) : Sẽ đăng « Chuyến
toa và sân ga ». Thân.

Bạn Tường-Linh : « Quê em » đã cho
sắp lại thấy trên C S C H. Sẽ cho
đăng « Sầu Thu » « Tôi yêu miền
Nam ». Có gì thay đổi xin cho biết.
Thân mến.

Anh Hương-Quy : Sẽ có thư riêng về
hai bài mời bạn vừa gửi.

Anh Đặng-Trần-Huân (Chợ-lớn) và anh
Phan-Minh-Nguyễn (Tân-sơn-nhứt) —
Đã nhận được thư hai anh góp ý
về truyện ngắn hay nhất hoặc thích
nhất và về lý-luận của đôi nhà
văn đã trả lời. Xin cảm ơn lòng
sốt-sắng của hai anh và xin phép
hai anh được trích đăng khi cuộc
phỏng-vấn văn-nghệ này chấm dứt.
(Ng-Ng-l)

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

- « Gieo gió gặt bão » truyện dài của
Bình-Nguyên-Lộc do *Bến-Nghé* xuất-
bản và tác-giả gửi tặng. « Gieo gió
gặt bão » là quyển thứ ba của nhà
xuất-bản *Bến-Nghé*. Sách dày 280
trang, giá bán 58\$00.
- « Tôi khóc em cười » thi tập của
Trần-Hoan-Trình, do tác-giả xuất-
bản và gửi tặng. Thi tập gồm 20
bài, dày 46 trang, giá 20\$00.
- « Bướm lạc rừng xuân » thi tập của
Nguyễn-Xuân-Từ và *Hà-Li-Hải* do
các tác-giả gửi tặng. Hai nhà Thơ
đã trình-bày 21 bài, trên 38 trang,
giá 20\$00.
- « Tuồng Lộ-Địch » phiên diễn theo
sự tích tuồng *Le Cid* của *Corneille*,
của *Cụ Ứng-Bình-Thúc-Giạ-Thị*, do
tác-giả gửi tặng. Tuồng in lần thứ
hai, dày 46 trang, giá 48\$00.
- « Từ-Thức, hay là Kẻ tìm đường » thi-
phẩm của *Đoàn-Thêm* do tác-giả
xuất-bản và gửi tặng. « Từ-Thức »

gồm nhiều thể thơ, với cách trình-
bày và chú-thích đặc-biệt. Sách dày
362 trang gồm 2129 câu thơ, giá
bán 50\$00.

- « Danh - từ khoa - học » của *Hoàng-
Xuân-Hân* in lần thứ 6 do nhà xuất-
bản *Trùng-Thị 26 Võ-Tánh Saigon*
gửi tặng. Giá bán 65\$00.
- « Thăm lặng » tập truyện ngắn của
Tân-Vũ và *Trúc-Duyên* do các tác-
giả gửi tặng. Sách trình-bày khổ
« bô túi », dày 116 trang, giá 30\$00.
- « Tân-Phong » số 1, giai-phẩm Văn-
nghệ do *Bảo-Sơn* chủ-trương, cùng
những cây bút quen thuộc của Văn-
Hóa ngày nay. « Tân-Phong » dày
46 trang giá 12\$00.



- Bách-Khoa xin trân-trọng cảm ơn
các tác-giả, nhà xuất-bản và ân-
cần giới-thiệu cùng độc-giả.

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

BÁCH-KHOA ĐÔNG TẬP

đã có tập 5 (48-60)

Giá 105 \$ và 110 \$



Có bán tại các hiệu sách và
tại Tòa soạn **BÁCH-KHOA**
160 Phan-dinh-Phùng—Saigon

CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- ★ Đường miếng lọc
- ★ Đường cát trắng tinh
- ★ Đường cát trắng ngà
- ★ Đường cát trắng Hiệp-Hòa

II. — CÁC LOẠI RƯỢU :

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rượu Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI :

- Các tiệm tạp hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON. Tél. 21.065
- Kho 6 Bến Vân-Đồn :-: Tél. 21.360

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

Adresse Tél.
LOSSEIC

SOCIETE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE

« SAIGON — GARAGE »

Angle des Bds Nguyễn-Huê et Lê-Lôi — SAIGON

Tél N^o
20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions

SIMCA

STUDEBAKER

Motos et Scooters

BIANCHI

RUMI

DEPARTEMENT FROID

Installation

Réparations

Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)

Tracteurs forestiers

Tracteurs agricoles

Bulldozers

Groupes électrogènes

Groupes marins

Moteurs hors-bord

Atelier de réparations

Station Service

Pièces détachées d'origine

Pneumatiques «MICHELIN»

Moteurs marins

Groupes électrogènes

Mới có lần đầu tiên ở nước Việt

TRINH - THẨM

(Tuần báo xuất bản ngày thứ tư mỗi tuần)

Chuyên về : gián-điệp, phiêu-lưu, mạo-hiểm, rừng-rợn, điều-tra,
phóng-sự, trinh-thám.

Giám-đốc : Hoàng-Hồ

Thư-ký tòa-soạn : Tyca

với sự cộng-tác thường-xuyên của những cây bút lành nghề:

Phạm-Cao-Củng, Huyền-Thanh, Hoàng-Hoa-Tâm, Liêu-Dương, Châu-Anh, Lão-Túc, Hồ-Điệp, Lão-Sơn, Cô Ngọc-Anh, Hồ-Thúy, Bạch-Phát, bà Ngọc-Điệu... và bạn đọc bốn phương.

Giá mỗi số 6500

Tòa soạn : 217, Phạm-Ngũ-Lão — Sài Gòn.

Điện thoại : 25,538.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nói : 21.253 — 23.913

GIAO - THÔNG - NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

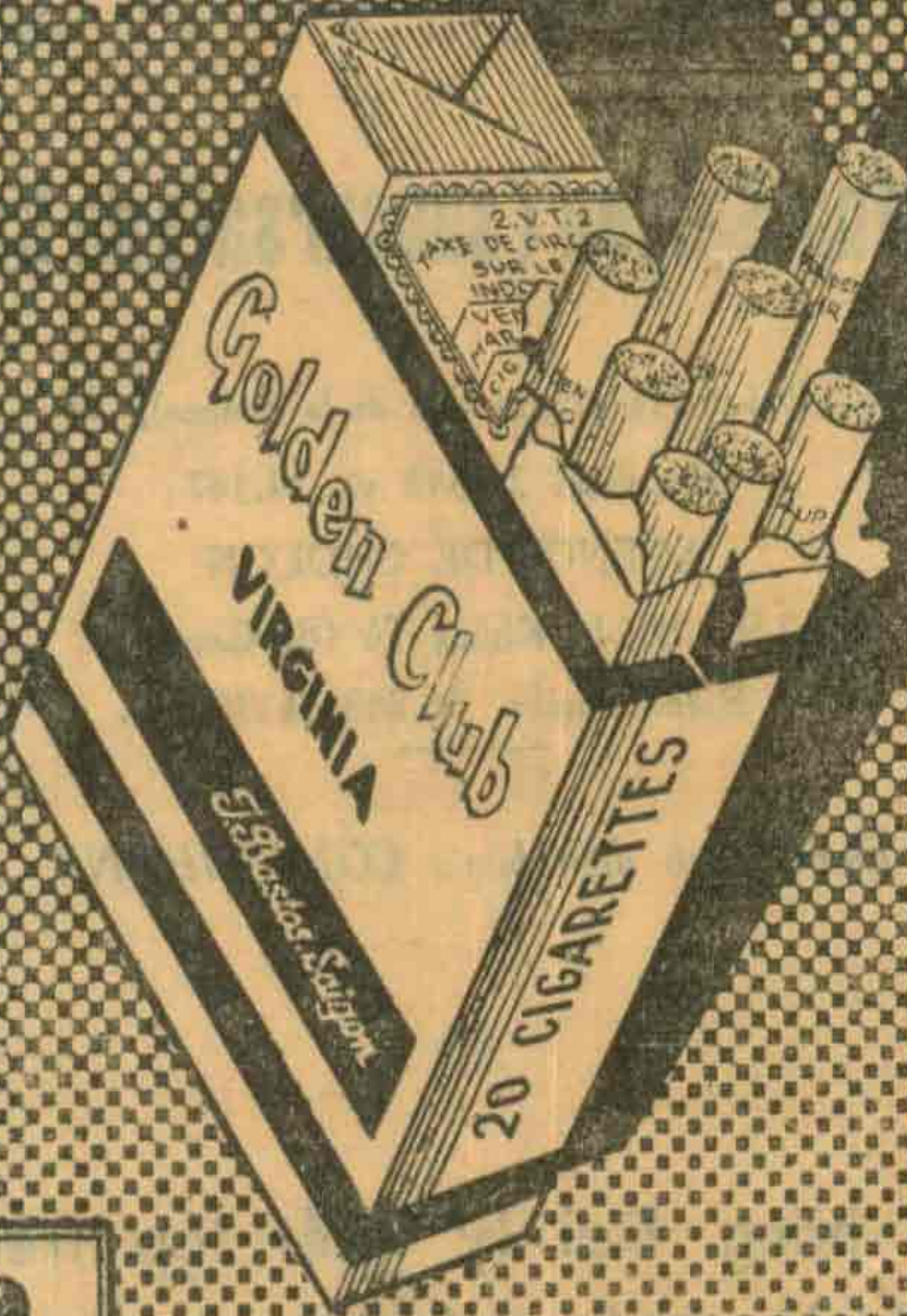
Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thường hảo hạng

BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

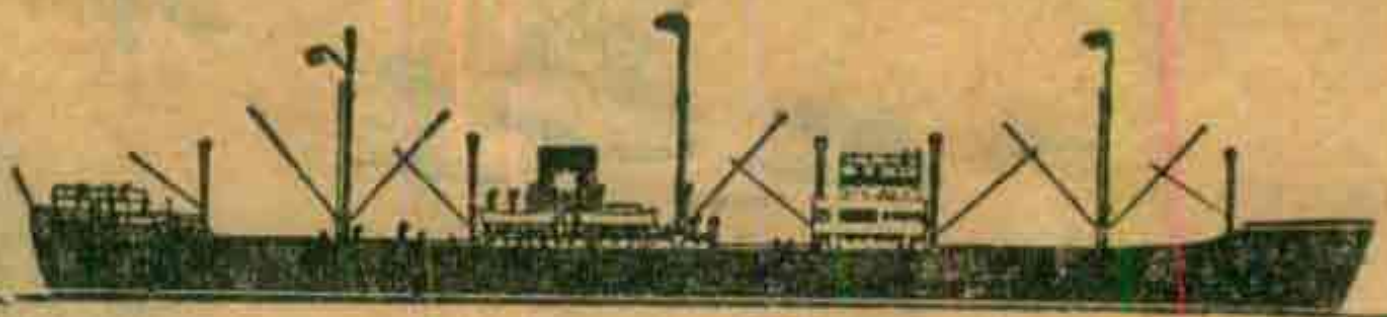
22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ
SAIGON

Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng
của Mỹ Quốc

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40



NUỐC-NGỌT
HIỆU
CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TỊNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



Nhà Sách KHAI-TRI
63, Đại Lộ L. . . SAIGON

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА
ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА
ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА

百
科
雜
誌

Nhà Sách KHAI-TRI
62, Đại-Lộ-Lý-Sai, SAIGON

TÒA SOẠN :
160, Phan-Đình-Phùng — Sài Gòn
Điện thoại : 25.539

Giá Công Sở : 15\$
GIÁ : 10\$

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON